

TRỊ TÂN

175 - 178

XUÂN ÂT DẬU

MỤC LỤC

- * Từ cái tóc ngoại quốc đến cái tóc Việt-nam Hoa-Bàng
- * Tùy kình Mộng-Sơn - Lãng-ngâm-Tử
- Cách - Chi - Cầm - Lai
- Nhật-Nham - Ngân-Giang
- * Một vài lục cổ về mùa Xuân Nguyễn-văn-Tô
- * Một cô điếc và cảm Tiên-sĩ trưởng Phan-văn-Hùm
- Đại-học Paris
- * Một câu đối Tết giữa thành phố Saigon Đông-Hồ
- * Hoa xuân trong vườn văn học Tịnh-Đỗ nữ-sĩ
- * Hai xuân đánh Châm Mãn-khánh Dương-Kỵ
- * Một quan-niệm về cuộc đời Nhật-Nham Tr. như-Tấu
- * Những xu hướng văn học
- Việt-nam năm vừa qua
- * Cây quất ngày Tết
- * Bất gặp mùa Xuân
- * Hai cảnh lễ chiến tranh (phóng sự) Kiều-thanh-Quê
- * Năm ấy ở Pháp (ký ức) Liên-Giang
- * Đối trà bạch (chuyện ngắn) Tuyết tiền-muội
- Phạm-mạnh-Phan
- Lê-văn-Ngôn
- Giản-Chi

3\$50



XUÂN VỀ

Hoa cợt gió nhỏ to lời luyến ái
 Trên cánh vương nắng yếu của bình minh,
 Khắp vườn xuân ngả ngạt bởi hương
 trịnh,
 Cửa cô đơn hoa xinh chưa kẻ hái,
 Chim muốn hát, nhưng lòng còn e ngại,
 Tu muốn đi song vầng trăng chẳng đi
 Muốn tơ lòng run rẩy nhạc mê-lự
 Hòa với nhịp trời xuân về chầm chầm
 Với vũ trụ nhuộm đầy màu tươi thắm
 Với hơi xuân, mãi mãi chờ cho giờ
 Tình yêu xuân, ta mong mỗi thiết tha
 Sống trăm tuổi để cùng xuân gặp gỡ.

TÌNH-ĐỂ nữ sĩ

**

Xuân dạ Lạc-thành văn địch

Thùy gia ngọc địch âm phi thanh
 Tán nhập xuân phong mã Lạc thành
 Thủ đa khúc trung văn chiết liễu
 Hà nhân bất khởi cổ viên tình

LÝ BẠCH

春夜洛城聞笛

誰家玉笛暗飛聲
 散入春風滿洛城
 此夜曲中聞折柳
 何人不起故園情

李白

**

Đêm xuân Lạc-thành, nghe sáo
 Nhà ai tiếng sáo bay xa,
 Tan vào ngọn gió bay ra Lạc-thành
 Khúc: đờn bỏ liễu rành rành
 Bỏ nghe, ai chẳng động tình cổ viên?

LĂNG-NGÂM LƯ

TÌNH XUÂN

Hỡi rừng ! Hỡi núi ! Hỡi thiên-hương
 Khoan ! Cánh thời-gian chờ vội vàng !
 Đói rét muốn rạo đời ngấm giá lạnh,
 Tắt-nghẽn nan kẻ giải trắng sương
 Hòa-bình ! Mau ! Lại màu hoa-ấm !
 Chinh-chiến ! Thôi ! Về bóng tích-
 đương.
 Tạ xót-thương ai, người nước Kỳ,
 Giờ xuân man-mác, sử hoang-mang ..

MỘNG-SƠN

**

TẾT THÔN - QUÊ

Phiêu-diêu khói pháo tỏa ngang trời
 Im lặng hàng tre khoát áo tươi
 Hồi trống đầu năm vang rộn rã
 Hồn quê rung động mấy phen rồi

**

Mơ-ảo sương rầu phủ cánh đồng
 Hiền hòa sóng cỏ gợn êm nhung
 Hương trầm thoang thoang luồng trong
 gió
 Đăm ăm trời xuân dệt ước mong

**

Nếu cao nhẩy múa nhánh tre lơ
 Pháo đờ đường quanh phủ bụi mờ
 Cả một thời xưa còn trở lại
 Dịu dàng ghi một nét đơn sơ

**

Yến trắng, phát phơ giải lụa vàng
 Rất nhiều thôn nữ đón xuân sang
 Quai màu pòn lả khoe tươi thắm
 Vui vẻ nhua nhua chuyếch rộn-ràng

CAV-LAI

TỪ CÁI TÓC NGOẠI - QUỐC ĐẾN CÁI TÓC VIỆT-NAM

HOA-BÀNG



Ở mỗi lần Tết đến, không ai bảo ai, chúng ta, thường gặp nhau ở hiệu thợ cạo.

— Tôi đi cạo cái « đầu mới » để ăn Tết !

— Anh cũng đi cắt tóc để... đến Xuân !

Thế là trước tiệm hớt tóc, đông đúc nhộn - nhịp những người là người...

Bấy giờ mới ta cảm thấy cái tóc là quan trọng thay ! Thật đáng như lời các cụ ta xưa đã nói : « ... cái tóc là góc con người ! »

Nhân Tết cắt tóc, lợi liên tưởng đến bao nhiêu chuyện tóc trên lịch-sử đông tây, nhất là đối với

dân tộc Đại Việt, Ta đã ghi biết bao nét vui, buồn, mừng, sợ, vinh, nhục, thăng, trầm. Nhờ Tóc, ta có thể biết được những vết biến thiên trên trang Quốc - sử Cũng nhờ Tóc, ta có thể đánh dấu được bước tiến-bỏ và đo được cái tinh-thần phấn-dấu của dân-tộc ta.

Vậy, viết tiên lịch-sử Tóc này, ngoài ý mua vui cùng các bạn đọc thân mến trong dịp tân xuân, tôi còn muốn tỏ rằng, dấu gập số Tết, Tri - Tân cũng không xao - lãng sử-học.

Mớ tóc trang-sức của Tây-phương

O' Pháp, thời thế-xỷ XIV và XV, các hoàng-hậu và các phu -

nhào quý hiền thường đội những mớ tóc đan nhân-tạo. Đến thế kỷ XVI thời-thượng nhất là thứ tóc nhuộm màu vàng hoe. Dưới triều Charles IX, phụ nữ Pháp Ý không thích dùng tóc giả nữa song ưa rắc vào tóc những chất phấn tím tím, hung-hung, vân vân. Đến đời Louis XIII, thứ phấn rắc tóc màu hung - hung được thông dụng, dần dần nhưng người ta lại rắc vào tóc bằng thứ phấn trắng mãi cho đến thời độ cuối thế kỷ 17.

Thời xưa, ở Hi-lạp, phụ nữ thường đội bộ tóc giả Mà cái tục này bây còn sống sót ở xứ họ.

O' La-mã xưa, đàn ông đội bộ tóc giả để giấu cái đầu trọc ; đàn bà đội tóc giả để làm đẹp và sức rất phức-tạp.



Cái tóc phần đầu của giống Hán

Đến cái tóc của Đông phương lại càng làm chuyện rất quan trọng, rất lý thú.

Từ khi người Thanh vào cửa ải (1644), làm chủ-nhân-ông Trung-quốc, cải lệnh cạo tóc kết bím theo những phong tục Mãn-thanh mà ban hành khắp đất Tàu.

Hồi những người giống Hán ôm quan-niệm về chủng-tộc, không chịu lễ-thế dễ cái đuôi sam ở đằng sau, tỏ ra tiết tháo phi-thường, đánh dấu được cái sĩ khí trời-trang sử hưng vong ở cuối Mãn, đầu Mãn.

Nhà văn Hồ Uẩn-Ngọc nhật những tài-hiệu đáng ca đáng khóc ấy viết thành một tập *Phát sử* (lịch-sử tóc, có in trong *Thanh quý dã sử* tập hai) trong gồm hơn ba chục nhân-vật kháng-khải trong cường chỉ vì vấn-đề đầu-tóc mà hoặc vui lòng chịu chết, hoặc ẩn mình ở dưới nhà hầm, hoặc cạo đầu đi tu, hoặc trốn tránh vào trong rừng núi...

Tôi lại *Tạ* ở đầu ập « *Sử tóc* » ấy, tác-giả Hồ Uẩn-Ngọc có viết nhiều câu rất cảm động: «... Tóc dẫn là vật nhỏ, nhưng quan-hệ rất lớn. Nhữnng bậc cổ lão dĩ hiên, sấn trận quan nghĩa-dũng đã thua,...) ngược mắt thấy cảnh non sông đổi khác, chỉ có mở tóc xanh xanh trên đầu kia còn đủ giằng buộc ý nghĩa về cổ quốc, bay tỏ được lòng mong nhớ quê-hương. Do tâm lòng không muốn cắt tóc mà suy rộng ra, thấy rằng họ muốn lấy một sợi tóc để giữ lại non sông của giống Hán. Vậy tóc hà chẳng quan-trọng lắm sao?... (Dịch nguyên văn chữ Hán).

Những vết biến thiên trên lịch sử tóc « Tiên, Rồng »

Bây giờ xin nói đến cái tóc của « con tiên, cháu rồng »

Xưa-kia, sử ta không chú trọng vào việc xã hội, nên đối với những phong tục như để tóc, cạo tóc có quan hệ đến vết biến thiên và cuộc tiến hóa của dân tộc ta ra sao, ít thấy sử sách qui chép được phân-minh tường tận.

Theo sử gia Hoàng Cao-Khải đã khảo ở *Hán thư* mà dẫn vào *Việt sử gieu* (in trong bản năm Duy-tân giáp-dần, 1914) quyển 1, tờ 19 a b, thì thời xưa, dân ta *búi tóc ở đằng gáy*, lấy vài quần mình, di chân không.

Mở tóc của người trịnh ở đời Lý (1010—1224) ra sao, nay khó khảo được. Cứ như lời bản Diên-Đàm thuật lại cùng tôi sau khi bạn đã vào thăm đền Đông-bái đại vương ở Rừng hương nhân (Hương yên), thì tượng Đoàn Thượng (Đông-bái đại vương) và các hộ-hạ ngài trong-đền ấy đều buống xỏa tóc về sau lưng cả. Như thế có lẽ người mình đời Lý đều để tóc chằng.

Trong *Sử Giao-châu thi-lập* của Trần Cương-Trung nhà Nguyên có chép rằng, ở đời nhà Trần, hết thấy dân ông đều cạo tóc, người có quan-chức thì quần khăn xanh (do Lê Quý-Đôn dẫn trong *Kiến văn tiền lục*).

Nhưng, theo ngu kiến thì lời đồ của Trần Cương-Trung thật quá vũ-đoán, vì chưa quan sát được đúng mà đã nói liền hoặc mới thấy một thiểu số đã vội nói trùm cả toàn thể. Phải, Loạt gả đời Trần cũng có số ít dân ông cạo tóc, nhưng không phải là hết thấy ai cũng tróc đầu.

Đề cải lại Trần Cương-Trung về đời ấy, tôi xin dẫn Quốc-sử làm bằng-cứng:

Dưới đây nói về việc định rõ thế-chế áo mũ cho các văn võ đời Trần Anh-Tông (việc tháng 10, năm Hưng long thứ chín, 1301), Sử chép: « Các vương hầu, ai tóc dài thì đội khăn trên, ai tóc ngắn thì đội khăn bao. » (*Khâm định Việt sử*, chính biên, quyển 8, tờ 37 b — 38 a).

Nếu bấy giờ còn có hạng vương hầu tóc dài, tóc ngắn thì quyết không thể nói rằng tại cả dân ông đời Trần thấy đều cạo tóc được.

Sau khi nhà Hồ (1400—1407) sụp đổ, người Minh chiếm cả nước ta, ra lệnh cấm dân ông đàn bà không được cắt tóc (*Khâm định Việt sử*, chính biên, quyển 12, tờ 42 a).

Cũng từ năm Lê Thuận-thiên thứ nhất (1428) trở đi, nước ta lại được tự-do cạo tóc sau cơn « *Cần khôn đã bị mà lại thái, nhạ, nguyệt đã tối mà lại minh.* »

Đến triều vua Lê Thánh-Tông (1460—1497), chừng người mình đã đi sâu vào tinh thần Hán học, quan niệm theo chữ « *hiếu* » của đạo Nho:

Mình-mẩy, da, tóc, đã nhận của cha mẹ trao cho, người con không dám làm tổn thương, bủy hoại. Vì thế, người mình mới có cái tâm lý kính trọng từng sợi tóc, không dám cắt đi. Rồi ập lâu thành quen, mở tóc « *Rồng Tiên* » từ đó liền được luận-lý và luật pháp giữ gìn ủng hộ.

Đời Lê Thánh-Tông có lệnh: « *Cấm phi tăng loại bất dắc*

tiền phát» (Nếu không phải là sư, càm không được cắt tóc.)

Có lẽ từ đây trong đám đạo đầu mới nảy lên một bang người «búi tóc cu hành, huông quần lá tọa». Rồi bang ấy tự tôn tự đại bằng câu: «Búi tóc cu hành là anh thiên hạ».

Thà chịu chặt đầu
chứ không chịu
cắt tóc!

Sau trận «mồng 5 tháng giêng năm Kỷ Dậu (1789), Tôn Sĩ-Nghị, đại bại dưới hống chế hùng-kien của «chiên-sĩ Đại-Việt do vua Quang-Trung (1788-1792) đều-khiên chỉ-huy, phải nhéo nhóc chạy về Thanh-dinh để đợi tội. Rồi Phúc-Khang-An lên thay Sĩ-Nghị, làm Lương-Quảng-tôn-đô, luôn kếp công việc nước ta. Khang-An nói lưà vua Lê Chiêu-Thống rằng: «Quân rừ chẳng bao lâu sẽ lại kéo sang; bấy giờ Tự-vương (hì Chiêu-Toà) sẽ phải thân suất tướng-sĩ đi trước, dẫn đường. Nhưng, Tây-sơn hề thấy quân Lê, thì thường coi khinh. Nay Tự quân nên hãy quyền-nghì, cắt tóc, cải trang để làm đồng nhất một loạt che ba quân khỏi lộ tai mắt. Đợi đến khi đã khôi phục được nước rồi, Tự-vương sẽ lại giữ lấy là thời như cũ.»

Xuân tu'ng

(Gấm mong các bạn thơ trả lời bằng thơ nhữn ai hồ thơ này).

Vời theo no 1 nước ngấm xa gần,
Lóng tu'ng nghìn xưa, há tu'ng xuân.
Nhớ thuở thanh bình năm tháng cũ
Ai người danh-sĩ cười giúu nhá?

Bút thảo thơ đề mả th lưà phong
Nửa đêm hên thục gió mạnh móng.
Bên cầu ai trút hai tréi lại,
Trắng vợi đường thòm đề rối lòng?

Cổ biếc sông Yên sóng mấy bờ,
Đâu Tần môn mơn dẹt xanh lơ.
Tuyết sương tỏa lạnh trên quan tái.
Ai trách xưa 1 phong quá ở 1?

Ngựa hý quân reo giữa lạnh lùng,
Trên yên thảo hịch cuối ngày đông.
Hương xưa dấu ngọc mùi đi 1o kiém,
Sắc pháo bry trong sắc máu hồng

Sóng lạnh nghìn xưa ai tiên ai,
Đình buồn nhịp trúc dăm thén thai,
Cổ nhân một biệt, về đàu nữa, ?
Nhịp trúc cao vời, nước chảy xuôi...

Ai thấy mây chiều uở lưà phong,
Của người Giang Bắc gửi Giang Đông.
Rồi than: xuân đến vui thiên hạ,
Rộnq mỗi tình ta vẫn nào nóng.

Ai đón xuân về sắc mầu đơn,
Áo bào đề lạnh đến nguồn cơn?
Trần gian chủ thấn tình hoa ảo,
Lãng Uyển năm năm bóng nguyệt tròn.

Hoa đào mứi cánh cuối đông rồi,
Một vẩy tay tiên đủ làm bài.
Ngày mu'ng trường vẫn tàn nét bãi,
Người làm thơ mu'ng đấy là ai?

NGÂN GIANG

Vua Chiêu-Thống không ngờ Khang-An đánh lừa, bèn dẫn lòng nghe theo.

Đối với các bầy tôi tông vong vua Lê, Khang-An cũng bắt cắt tóc, đổi đồ mặc.

Riêng có Lê Quỳnh (người làng Đại-mão, Bắc ninh) không chịu cắt tóc nói rằng: «Chúng tôi chưa được nghe dạy rõ ràng ra sao, thế mà chỉ thấy ra lệnh bắt cắt tóc, thì đó là phải là cái sơ-chi của lữ Quỳnh này bôn-tàu hàng 2 3 ngily dăm mà sang đây sao? Đâu tôi có thể chịu được: tóc tôi, không thể cắt được.»

Khang-An giận sá, liền Quỳnh lên Yên - kinh. Vua Thanh lại đổ Ju'nh về việc cắt tóc Quỳnh đáp: «Mu'ng dăm tông vong, xin đượ lấy phong-tục đất nước mà yết kiến q ốc vương trước đã rồi sẽ xư vàng chỉ-dụ sau.»

Người Thanh cho thế là trái lệnh, liền bẻ Quỳnh vào ngục.

Đến năm cạnh-thân (1690), người Thanh mới thả Quỳnh ra khỏi lao - tù. Năm giáp tí (1604) Quỳnh vẫn giữ toàn được cái búi tóc «Rồng, Tiên» mà về

(Xem tập trang 44)

MỘT VÀI TỤC CỔ VỀ MÙA XUÂN

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TÔ

Phong-tục cổ của ta, xưa nay chưa ai chép riêng thành sách, thường chỉ chép làm một mục ở các sách nhỏ như *Ô-châu cận-lục*, *Đại Nam phong-hóa khảo-lược*, *Đại Nam nhất-thống-chí* và các quyển địa dư khác, nên muốn khảo-cứu phải mất nhiều công sức tìm vì không những phải tìm ở các sách trên, lại phải đọc cả các quyển sử chữ nho.

Riêng về tục mùa xuân, sử ta chép một chuyện như sau này : « Năm thứ 8 hiệu Đại-trì (1365) đời Trần Du-tông, mùa xuân tháng giêng, người Chiêm-thành (Champa, Cham), vào cướp những dân chơi xuân ở châu Hóa (Chiêm-thành nhào-lạc Hóa-châu xuân-du dân). Nguyễn trước tục châu Hóa, mỗi năm đến mùa xuân tháng giêng, hội họp con gái con gái đánh đu ở Bà-dương; người Chiêm-thành lần cướp ở đầu nguồn châu Hóa từ tháng mười hai năm trước, đến bấy giờ ủa ra cướp lấy nhân-dân châu Hóa đem về Chiêm-thành ». (*Đại-Việt sử-ký toàn thư*, q. 7, tờ 26 b).

Đất châu Hóa nguyên là đất Chiêm-thành, « Năm thứ 14 hiệu Hưng-long (1306), đời Trần Anh-tông, vua Trần giả Huân-ti, ăn cống chúa cho vua Chiêm-thành là Chế-Mân (Jaya Simha arman III). Chế-Mân dâng đất châu Ô, châu Lý làm lễ dâng cuối » (*Khâm-định Việt-sử*, q. 8, tờ 44 b). Sau một thời gian không đi lại phục. Đến tháng giêng năm thứ 15 hiệu Hưng-long (1307) nhà Trần dời châu Ô, châu Lý

làm châu Thuận, châu Hóa » (*Khâm-định Việt-sử*, q. 8, tờ 44 a và b). Vậy thì châu Hóa tức là châu Lý của Chiêm-thành, mà « hiện nay là huyện Phú-lộc và Phú-vang, tỉnh Thừa-thiên, huyện Diên-phước và Hòa-vang tỉnh Quảng-nam » (*Khâm-định Việt-sử*, q. 1, tờ 28 a).

Kể từ khi thuộc về đất ta năm 1306 đến khi bị người Chiêm-thành bắt, năm 1365, mới sáu mươi năm; thế thì không rõ tục con gái con gái đánh đu về mùa xuân có từ trước khi còn thuộc về Chiêm-thành hay là sau khi đã thuộc về nước ta. Hiện nay hai huyện (Phú-lộc, Phú-vang) ở Thừa-thiên và hai huyện (Diên-phước, Hòa-vang) ở Quảng-nam, đều không thấy có tục ấy nữa.

Sách *Đại-nam phong-hóa khảo-lược* (tờ 35 b, bản sao của trường Bắc-cổ, số A 977) cũng chép là tục cổ. Đến « dư-hỷ » ở sách ấy nói rằng : « Tục nước Nam ta bày ra hàng trăm trò cờ bạc đều lấy lợi làm tên thua, thế là trong cuộc vui có ý lừa gạt nhau. Xứ Nam xứ Bắc tuy không giống nhau, nhưng bày ra trò dư-hỷ thì cùng là một. Duy có đánh cờ vây, bắn bia đầu rồng... là thú chơi thanh-nhĩ; còn như các trò đánh đu leo dây múa rối, chơi gà, tuả đèn... đều là trò chơi đã nhảm nhảm, ngày nay dời ra các trò mới, nhưng cũ ở tục cũ mà ra ».

Cứ như thế, thì tục con gái con gái đánh đu ở lý đã mất. Nhưng nếu có mất hẳn, cũng chỉ mới ở một nơi, không ở nhiều nơi.

nay mà thôi, vì quyển *Đại-nam phong-hóa khảo-lược* làm vào năm 1838 rồi tục đánh đu là tục cổ, mà trong quyển *Giai-nhân di-mặc* của cụ Nguyễn-Hữu-Tiến bản về sự-tích và thơ-thơ Xuân-Hương (trang 58) có chép bài thơ vịnh cây đu như sau này : « Khi ấy đang mùa xuân-tiết, dân quê thái-bình, hội hè vui-vẻ, giai-nhân tài tử dập-dù chơi xuân, làng nào cũng giồng cây đu, để cho giai gái chơi nhớn thồn-thôn. Xuân-Hương ngắm xem những trẻ đời làng-lò đa-tuoh, tự-nhiên thành vịnh. Thơ rằng :

Tám cột khen ai khéo khéo
giồng !
Người thì lên đánh, kẻ ngồi
trông.
Giai giu gối hặc khom khom
cột,
Gái uốn lưng ong ngựa ngựa
lông.
Bốn mảnh quần hồng bay phấp
phới,
Hai hàng chân ngọc đuổi song
song.
nơi xuân đã biết xuân chẳng
tá ?
Cọc nhỏ đi rồi lỗ bỏ không !

Không sách nào chép rõ Xuân-Hương sinh vào năm nào, mất năm nào, nhưng có thể đoán phỏng được, là vì Xuân-Hương có xướng họa với Chiêu Hồ tức Phạm-dinh-Hồ, mà Phạm-dinh-Hồ thì sống vào khoảng 1757-1827, tức là giữa đời Lê Cảnh-hung đến giữa đời Minh-Mạnh. Vậy thì Xuân-Hương cũng sinh vào thời

Ấy. Trong khoảng 1757—1827 còn thơ vịnh cây đu, mà năm 1888 sách *Đại-Nam phong-hóa* nói là đã mất nên tôi đoán là mới mất độ 5. 6 chục năm.

Còn những phong-tục khác về mùa xuân thì không thấy sách nào chép rõ. Hồi cuối năm 1936, mấy người Pháp và người Nam (trong có tôi dự) định lập một hội đồ khảo-cứu phong-tục (*Société du folklore indochinois*) có nhờ nhà Học-chính gửi một tờ mẫu điều-tra đi các trường ở các làng. Năm 1937 ông giáo các trường đã bắt đầu giả lời, nhưng sau Hội không thành, khảo-cứu thông bết, nên không biết các làng bây giờ còn những phong-tục gì trong mấy tháng xuân mà khác hẳn với phong-tục các thành phố.

Xưa nay ta vẫn quen dùng hai chữ phong-tục cho là tập-quán của dân; nhưng xét đến nghĩa thì hơi khác. Người trúa cấm hóa gọi là phong, người dưới tập nhiệm gọi là tục (Thượng sở hóa viết phong, hạ sở tập viết tục). Còn đến chữ xuân thì xưa nay ta chỉ biết xuân là mùa thứ nhất trong bốn mùa. Tự-vị tào giải nghĩa xuân là vạn vật sinh-nở (xuân xuân giả). Lại có nghĩa hai bên gái gái bằng lòng nhau, gọi là xuân, do *Chư-Lễ* có câu «Trọng xuân chí nguyệt, linh hội nam nữ» nghĩa là tháng trọng-xuân cho hợp con gái con gái. Trọng-xuân là tháng thứ hai về mùa xuân tức là tháng hai ta. Linh hội nam nữ, là có tục cho con gái con gái được hợp nhau trong tháng hai, vì thế, ta cho mùa xuân là mùa đôi bên gái gái chọn lựa, mà tháng giêng là tháng ở nhà ở ăn chơi. Ta thường có tục, đi buôn bán hoặc làm nghề gì ở đâu ra, đến tết, cũng phải về nguyên-quán, mà tháng giêng này có ở nhà ăn

tết chưa đi được. Cao nên có câu ca-dao rằng: «*Tháng giêng ăn tết ở nhà, tháng hai cò bợ, tháng ba hội hè, tháng tư trồng dâu nấu chè, ăn tết đến ngũ dở về tháng năm, tháng sáu buôn bán bán trăm, tháng bảy ngày rằm xá tội vong nhân, tháng tám chơi đèn kéo quân, dờ về tháng chín chàng chân buôn hồng, tháng mười buôn thóc bán đồng, tháng một tháng chạp nên công hoàn toàn*».

Đầu năm mùa nắng thong thả, thời tiết đổi mới nên người Tàu đặt ra hai tết nữa cũng trong tháng giêng, là tết khai hạ và tết thượng nguyên. Khai hạ là đầu năm mừng mở hàng, có nơi gọi là hạ cây nêu. Cây nêu giống từ ba mươi tháng chạp năm trước đến mùng bảy tháng giêng mới hạ, người Tàu gọi ngày mùng bảy tháng giêng là «*nhân nhật*», do đó đến tích giảng trong *Kinh sử tuế thời ký* như thế này: «*ngày thứ nhất thuộc về gà, ngày thứ hai thuộc về chó, ngày thứ ba thuộc về lợn, ngày thứ tư thuộc về dê, ngày thứ năm thuộc về trâu, ngày thứ sáu thuộc về ngựa, ngày thứ bảy thuộc về người, ngày thứ tám thuộc về thóc*» Vì thế, gọi ngày bảy là *nhân nhật*.

Còn thượng nguyên là ngày rằm tháng giêng, người Tàu thường gọi đêm ấy là *nguyên tiêu*.

Xem như thế, thì những tục ăn tết về tháng giêng này mùa xuân, phần nhiều là bắt chước Tàu. Riêng nước ta có tục dìm đám hội hè: như làng Ngọc-cục, phủ Xuân trường, tỉnh Nam-dịnh, có tục đến rằm tháng giêng, họp nhau ở đình để thi thổi cơm, ở Hè - dòng có làng thi cơm năm, có làng thi bán gà, có làng thi thổi xôi, đều là những tục cổ thuộc về mùa xuân.

Những ca dao về tết xuân có lẽ bắt chước Tàu: Xưa se sắn bài đồng việc nhà nông với bài Thất nguyệt trong *Kinh Thi*.

Bài nhà nông như sau này: «*Tháng giêng là tháng ăn chơi, tháng hai giồng dền giồng khoai giồng cà, tháng ba thì dền đủ già, ta đi ta hái về nhà phơi khô, tháng tư đi lấy trâu bò, để ta sắp sửa làm mùa tháng năm. Sớm ngày đem lúa ra ngâm, bro giờ mọc mầm ta sẽ vớt ra, gánh đi tá nếm ruộng ta, đến khi lên mạ thì ta nhổ về, Lấy tiền mượn kẻ cấy thuê, cấy xong rồi mới dờ về nghỉ ngơi. Cỏ lúa làm đã sạch rồi, nước ruộng với mười, còn độ một hai, ruộng tao đóng một gần giai, ruộng tiếp thì phải đóng hai gần sông. Chờ cho lúa có đông đông, bấy giờ ta sẽ giả công cho người. Bao giờ cho đến tháng mười ta đem liềm hái ra ngoài ruộng là lật hái ta đem về nhà, phơi khô quạt sạch, ấy là xong công.*»

Bài này so với bài «*Trên sông ăn tết ở nhà*» tôi tuy có một tháng ăn chơi nhưng mười một tháng kia đều cực khổ siêng năng về việc cấy, ấy, xét ra cũng giống phong-tục nước Mãn bóa Tàu về đời xưa, mà đức Khổng đã nhắc vào trong *Kinh Thi*, tức là bài thơ Thất nguyệt, dịch ra như sau này.

«*1. — Thất nguyệt lưu hỏa, cửu nguyệt thụ y. Nhứt chi nhứt tất phát, nhị chi nhứt lật liệt, vô y vô yết, hà dĩ tĩ tuế? Tam chi nhứt vu chi Tứ chi nhứt cử chi, đồng ngã phu ỹ (tử), điệp bí nam mẫu, điều tẩn chi hĩ*», tháng bảy sao Hỏa-tinh (Aurora) đã xuống (ở

(Xem tiếp trang 82)

MỘT CÔ ĐIỀC VÀ CẬM

Tiến sĩ trường Đại Học Paris

của PHAN VĂN HÙNG

Trông sang các nước lớn, văn minh, thấy sự nghiệp người ta vĩ đại; rồi ngoảnh lại nước mình, nhận ra mọi phương diện còn thấp hèn; một hôm thi sĩ Tân-Đà buồn lòng bức tức:

« Bề sâu con cá bể vùng,
« Trời xanh muôn trượng,
chim hồng cưu bay. »

Phỏng khiến ông Pierre V. Iley sinh trưởng vùng sông Đà núi Tân, chưa biết ông có buồn như nên một kẻ thất con chăng ?

Đau khổ lọt lòng mẹ, ông còn được may sinh ra trong nước Pháp, để bù lại nỗi khát khe của số phận. Ông học thành tài xuất chúng, lên ngôi ghế giáo sư trường Đại học Bordeaux. Sự nghiệp ông để lại, ngoài những sách tham khảo về thể thức của người mù, do nhà Flammarion xuất bản, còn có bộ *Essais* của *Mon'aigne*, mà ông sao lục và chú thích, là công trình to tát chưa ai bỏ mắt có thể làm hơn.

Xã hội đó có người đi.

Còn ai nữa, tôi chưa hay.

Hà đây tôi được thấy, được nghe Lavang, được nghe một cô điếc và câm ứng đối hoạt bát tại quảng đường thi Tiến sĩ trường Đại Học Paris, năm 1932,

Trường Đại học nào của nước Pháp cũng có quyền phát

hai thứ bằng Tiến sĩ: bằng quốc gia (*diplôme d'Etat*) và bằng riêng của trường (*diplôme d'Université*).

Nhưng trường Paris danh tiếng hơn cả, và bằng của trường này cũng có giá trị hơn bằng các nơi.

Vì vậy người ta đua nhau đua luận thuyết về Paris. Thường năm, ở đây ra, về ban văn chương, có đến ba bốn mươi Tiến sĩ Quốc gia, và mười lăm vài chục Tiến sĩ Đại học.

Nhiều tòa ra thường. Cho nên công chúng đến quảng đường Louis Liard ở S rbonne, để xem thi Tiến sĩ, không đông mấy, và thường là những hàng trí thức, có quen biết, hoặc có nghe danh thi sinh. Ngoài ra cũng có kẻ ưa lục-lao tìm sự lạ, như tôi, chứ không hiểu gì cho lắm trong cuộc khảo đối cao xa này.

Đặc biệt khi cô Suzanne Lavaud đi thi Tiến sĩ, công chúng tập nập, ở cả những phóng viên các tờ báo lớn ở Paris, vào đặt máy chụp ảnh nhình ngang trong quảng đường. Bức tòa tượng trưng Ban Duyệt văn trên đóm xuống hôm ấy, kéo lê một mặt trần thấy quang cảnh nháo nhẹt ở giữa những vách tường xám

hối văn thấp, vàng, nhợt theo những người đi ghế hàng ghế, trên ấy chiếu rọi ánh đèn điện, soi các bức tượng,石膏像, liên, Racine, Descartes.

Sau bàn mỏng ngựa, ở cuối quảng đường, đứng giữa hai ông Giáo sư, hội đồng khảo thí, ông chủ khảo F. Baldensperger, giới thiệu người ứng thí là học trò của ông.

Cô Suzanne Lavaud trình nơi trường Đại học Paris một luận thuyết về thể thức ghi chép và kích thước của bà văn sĩ, cầm, định độ ở kinh trường nước Pháp, trong thời kỳ chiến 1914 - 1918, là *Marie Lenéru* (1),

Cô Suzanne đồng hành với Marie. Nhưng Marie năm lên mười hai tuổi bệnh mà mất, mỗi hành cho im lặng suốt đời. Nơi cô Suzanne ngược lại, thừa kế thơ cơ giầu phát âm không hay dùng tới được, mặc dầu không có gì biến thái. Nhân thừa cơ sinh cô, phải điếc không nghe được tiếng, để học nói, mà hóa ra câm.

Chưa bao giờ buồn rầu vì, con mắng lại. Hai ông bà đều là học sĩ giáo sư trường Trung học, quyết không để cho con thừa sự người đủ có quan. Nhất là bà Lavaud, nguyên kinh với số mạng, từ chối không cho dạy cô học chữ cái.

* Đến khi cô học được rồi, ông bà cắt nghĩa cho cô biết con người có tiếng nói, và tập cho cô nói.

Phải uốn miệng như thế nào, phải để lưỡi ở thế nào, phải đưa hơi ra thế nào... chúng ta trải qua một thời kỳ nhọc nhằn mà không biết, vì thơ bé quá đi. Nói được rồi tiếng mẹ đẻ, ta lấy tiếng nói làm sự tự nhiên. Nhưng có học tiếng ngoại quốc, mới biết nỗi gian nan, để cho được gần giọng nói của người khác nước.

Nghe rồi, nói lại, mồm nói, tai nghe. Như thế, ta học theo người, ta chữa giọng ta, mà tựa trung ta nói còn khó đúng.

Phát âm được, cô Lavaud chẳng được nghe. Tai không kiểm giọng, cô thường gieo tiếng sai âm. Cô nói lơ lơ, phảng phất nghe như tiếng người ngoại quốc mới tập tiếng lang sai. Nhưng với giọng nói chưa hoàn toàn ấy, đã thừa chắt chiu cho cô tiếp xúc với người đời. Cô, thời chẳng cần gì tiếng nói. Từ buổi đầu tới cô đã quen « đọc ở trên môi người ». Sự ấy, đối với cô, tự nhiên, cho đến rồi cô « không hoàn toàn tưởng tượng được có gì khác nhau giữa cô với đám bạn gái nhỏ trang tuổi. cô » (*mêlée depuis toujours à la vie des petites filles de mon âge, je ne réalisais pas entièrement la différence qui me séparait d'elles. — La lecture sur, les lèvres, m'étoit devenue de très bonne heure facile et pour ainsi dire instinctive — Marie Lenéru, Avant-propos.*)

Song một bữa nào cô phải học miết, không biết sao trên

trời một đứa nhỏ kia, cô không « đọc » ra ý gì cả. Mẹ cô bảo: Con nhỏ ấy là trẻ nước Anh!

Khởi phải chờ ngón tay ra dấu, khởi phải chờ thay chữ mới hiểu lời, cô Lavaud đọc ở trên môi người đối thoại. Nhưng phải có điều kiện: là trước mặt người và dưới ánh sáng.

Vì thế bà Lavaud phải xin phép hội đồng, khảo thí cho bà ngồi bên cạnh cô, để phòng khi lặp lại câu nào giá cả khó hiểu mà sẽ không thấy.

Về cuộc chấm thi Tiến sĩ Đại học có ba người giám khảo (2). Nếu cô đang chấm chỉ nhìn một người, mà cô người khác hỏi thêm vào, cô không nghe, thời lấy dấu chú ý mà chạy qua nhìn. Bà mẹ của cô ngồi bên cạnh, để « thông ngôn » trong khi cô xảy ra như thế.

Tôi còn nhớ rõ, có một câu hỏi của ông Salzensperger làm cho cô ngơ ngẩn. Nào phải cô không hiểu, hay là không biết trả lời.

Công chúng rất cảm động, nghe cô « xin lỗi ». « *Đền tội ngài không rõ.* » (*Vous étiez mal éclairé.*) Ông chủ khảo với tay xây cái chộp màu đậm thúi, ở trên đầu cần cây đèn điện, cầm trên bàn, trước mặt ông, và lặp lại câu hỏi.

Bây giờ lời văn hoa bày tư tưởng sâu sắc mới nối nhau trôi nổi xinh xắn của cô Lavaud.

Cô gái ba mươi tuổi này, không đến hoa nhường nguyệt

thẹn, nhưng « nghĩ cũng thường thường bậc trung ». Hai bên má, má đỏ ửng ánh màu xuân, rồi chuôi cuồn cuộn *anglais*, lồng một khuôn mặt có duyên và linh hoạt. Người khác rất ngạc nhiên, thời ngơ ngáo bơ vơ. So phận định cô cô tro tro, mà lơ lửng chữ, nhờ nói ra lời, cô vin bám được những cái liếm mất tuyệt vọng cho người đồng bệnh với cô (3).

Sự may cho cô là đó, mà nỗi sầu kín đáo của cô cũng là đó.

Cô khảo về Lenéru —

Lenéru là bạn đồng sầu.

Bà văn sĩ kiêm kịch sĩ này trước đã xót thương cô Helen Keller người nước Mỹ, sinh ra mù, dếc và câm, mà chiến thắng được số phận, đem cảm tình tư tưởng mình ra hỗ trợ đời tăm và lạng lẽ trong ấy mình vẫn bị giam cầm, vấp vấp kiếp. Cô Lavaud lại xót thương bà Lenéru.

Tựa trung, cũng một đường như Nguyễn Du ta khóc Kiều, Kiều khóc Đạm Tiên, Tào Ngạc ai, nhưng ấy là thương mình.

Đọc in ấn thuyết về Lavaud, trang 179, tôi cảm xúc vô cùng mà phê hai chữ « *đoạn trường* ».

Đoạn trường nhất là câu nói về Lenéru:

(Xem tiếp trang 32)

1) Marie Lenéru, sa vie, son journal, son théâtre. Paris, Société Française d'Éditions Littéraires et Techniques, 1932.

(2) Chấm thí Tiến sĩ quốc gia có đến sáu người giám khảo.

(3) *Se raccrocher à tout ce qui la fait.* (Marie Lenéru, p. 36).

Một câu đố Tết giữa thành phố Saigon

ĐÔNG-HỒ



Ấm đã sắp tàn rồi.

Chung quanh chợ
Bến-thành đã rộn
lên rồi.

Những tờ báo Tết,
những tranh phụ bản đã treo
giăng-găng trên các gian hàng.

Các thứ bánh mứt, các thứ dưa,
các thứ trái đã dẽ lên như những
ngọn núi.

Các hàng hoa giấy và những
lẵng hoa xinh xinh rải rác khắp
hàng phố, trong làn hương người
tắm nước hoa thượng-hảo-hạng
như mang lại cho một vùng vốn
không có mùa xuân, những cảnh
Hàng-châu, Giang-nam, cũng như
những bức tranh tứ thời, bức vẽ
tứ-hữu, lạc khoản những bài thơ,
câu đối nét chữ bay múa sương
kính như mang lại cho lòng người
là vốn quanh năm mê-mải trong
cuộc vật lộn để cầu no ấm, những
êm đềm của vận sự và lạc-thú cỏ
thời.

Sáng mai thì đưa ông Táo rồi,
mà cũng ngày mai thì các trường
nghỉ Tết. Các học trò, có lẽ, đã
chạy những dặm vào chùa, Tết
cho các thầy giáo, chạy những ván
tà cõn để ông thánh Văn-xương và
cùng gia díp bỏ-bận chia tay, thầy
trò tạm biệt để về nghe tiếng pháo
rõ ở chỗ thích hợp hơn Tết. Cái

tiếng pháo đó phải nghe ở nơi đó
mới là thích-hợp. Cái tiếng pháo
đó mà nghe ở nơi đó như có một
cái gì thiêng-liêng lắm. Khi tâm
hồn người ta đã bị tiếng pháo đó
đội một lần rồi thì dẫu cho đi xa
cách bao nhiêu đất nước mà mỗi
khi nghe hơi gió mới là cũng
muốn chạy về để mà nghe cái
tiếng nổ vui và ngửi cái mùi thuốc
pháo thơm lẫn trong mùi hương
nhang ngập gió giao-thu.

Đã hơn 10 giờ đêm rồi, mà vẻ
náo nhiệt của chợ đêm Saigon
không kém đi chút nào.

Khách là một chàng lái buôn,
đếm hươc trên hè phố, cúi đầu
ngắm nghĩ như quay vào chốn xa
xôi để tìm lại tâm hồn lạc lõng. Cái
tâm hồn mà người ta thường nhắc
đến luôn, người ta nhắc đến để
mà người ta thương tiếc nó, hay
người ta khinh rẻ nó cũng có.
Nhưng có một điều người ta ai
cũng đều nghĩ như ai là cái tâm
hồn đó nó không còn nữa. Nó đã
chết lâu rồi. Nó đã trước-hạ vào
sổ khai tử một lượt với cái tên anh
lái buôn gửi vào sổ thuế sanh-lý,
thuế môn bài của một hiệu buôn.

Mỗi bản khoán đó sẽ dĩ phát
sinh là mới nửa giờ trước đây,
chàng lái buôn đi qua một gian
hàng sách báo Tết. Thiên hạ xúm

lại giành nhau mua một quyển
sách mới xuất bản.

Khách ghé lại nhìn. Mấy chữ
«Thi nhân Việt nam» như làm
cho khách tỉnh giấc mộng xa xôi,
như bản hoàn sống lại thời dĩ
vãng. Chàng đứng xát vào dãy
sách. Đồ vật xem như tìm một cái
gì mà chàng nghĩ tuy mới đánh
rơi mà nó cũng hãy còn đâu đó.
Nhưng mà thất vọng biết bao,
khi đã lật qua hai tập từ đầu đến
cuối, quyển sách đó, người ta kẻ
ra một 40 thi nhân Việt-nam trong
khoảng 10 năm nay mà người ta
đã quên đứt cái tên chàng, cái
tên mà chàng nghĩ nó phải có ít
nhiều thi vị. Thì ra, trong văn-đàn
thi-xã, người ta đã bỏ rơi cái tên
chàng.

Chàng nghĩ có lẽ chàng bức
tức, hay oán trách, hay buồn rầu
về điều đó, mà lạ lùng thay, chàng
thấy chàng vẫn thản nhiên như
không.

Chàng nghĩ hay là cái tâm hồn
thanh thú của chàng ngày xưa
thực đã chết hẳn rồi. Chàng tìm
lại nó xem nó có còn sót lại phần
nào chăng.

Một cơn gió lạnh thổi vào
tóc chàng. Cột làn gió buổi nửa
tàn đó, trên phố vắng giữa khinh-
đó, khiến chàng cảm thấy một nỗi

cô-đơn. Chẳng mới hiểu được người xưa, số dĩ làm sao ở một nơi quán trọ ngẫm nên câu thơ mà ai cũng yêu được? « Một năm đêm sắp hết; nghìn dặm khách chưa về! »

Về với chưa về thì có làm gì ở cái con người lơ lửng đó. Có khi nào ai biết đích được cái chỗ nào là chỗ đám mây ngừng lại một buổi chiều tươi đẹp. Nhưng mà vì làm sao lòng người lại thấy bần hoàn ở chỗ « nhất niên tương tạn » đó.

Tâm hồn chàng không biết đã chết hay chưa, chàng đã tìm nó lại được hay chưa, chàng cũng không biết được. Dạy có một điều chàng thấy được là chàng vẫn còn biết cảm như từ xưa đến nay người ta vẫn cảm.

Đã nửa đêm rồi. Ánh sáng xanh của những ngọn đèn điện hai bên đường Frère Louis về vào St-ma đã buồn hơn, và đã lạnh hơn, như thấm xuống tầng dưới mặt đường nhựa.

Chàng bước bước một, có cảm giác như bước trên tầng nước đá.

Chàng cố ý thử tìm một từ thơ, đã nghĩ làm một bài thơ về buổi năm tàn, cũng như những năm trên, những năm mười tám đôi mươi, cứ mỗi khi cây mai trước nhà bắt đầu rụng lá là chàng cũng bắt đầu sửa soạn những từ thơ cho cái năm sắp tới.

Chàng làm nhăm. Chàng cứ vấp phải những câu thơ cũ. Nếu không là « ngũ dạ lựu thanh thời hiểu tiễn, cứu trùng xuân sắc tấy tiên đào » thì cũng « Tháng tạn năm cùng sự chẳng cùng, nửa đêm xuân lại nửa đêm đông »...

Sao mà lần - quần thổ? Chẳng nghĩ là bởi từ thơ của mình đã thực cạn hết rồi, hay bởi vì cảnh trí, thanh sự về xuân, xưa nay người ta nói đã hết lời rồi. Chàng đi qua một gian nhà cổ lợp một bóng đèn. Chàng đã đi qua bốn một chút. Chàng quay lại. Không ngập ngừng, chàng bước vào, như bước vào một nhà người bạn cố giao.

Mọi người trong nhà đều còn thức. Ai cũng có công việc đang chăm-chú làm. Mọi người ngạc nhiên nhìn chàng. Ngạc nhiên nhưng mà không có vẻ xua đuổi. Có lẽ dáng điệu chàng không đủ đảm bảo cho một hành động poi thường. Không hề cho chủ nhà kịp thu lại vẻ ngạc-nhiên đầu tiên khi tiếp người khách lạ, thì chàng đã tự nhiên ngồi xuống, từ tốn nói mấy câu xin lỗi vì đã làm quấy rầy chủ nhà giữa đêm khuya.

Mấy thầy sinh viên chăm-chăm mài dũa vào sách, có lẽ đó là một bài học ôn về cuối năm mà ngày mai còn phải trả nợ tất niên cho một ông giáo nghiêm khắc. Một cô nữ sinh thì đang dự định cái chương trình ngày mai phải tự-hành về phụ-nữ cần lao. Một ông giáo, tuổi còn trẻ lắm mà người đã già-giận lắm, đang cúi rạp xuống tờ giấy bản khổ rộng, cầm ngọn bút lông nắn nót từng nét phẩy mũi móc tinh tả một bài văn tế cho học trò tế ông thánh văn học.

Mùi mực xạ ở chỗ mép con lý-ngư tạc trên nghiên đá, phun ra một mùi thơm quen quen mà xa xăm.

Bên này, một chồng sách. Bên kia một chồng sách. Trước mặt là sách. Sau lưng là sách. Người ta như bị vây vào giữa những núi sách. Người ta như bị vây giữa đám thành hiền, giữa rừng văn chương nghĩa lý. Có lẽ, cả gian nhà đó là một bài thơ, một bài thơ mà từ ban tối đến bây giờ chàng đi tìm mãi chưa được, thì chàng đã gặp nó ở đây rồi. Đã gặp rồi thì chàng không đành rời nó nữa. Cái mùi mực với cái mùi bụi giấy đỏ cho chàng biết bao nhiêu là thị hươg

Chàng khách lạ nhìn quanh gian nhà. Chàng thấy lòng mình ấm lại và vui lên. Mùa xuân đã đến trong tâm hồn chàng. Hoa thơm và cỏ đẹp đã nảy nở trong cảm hứng của chàng. Lòng chàng bằng bằng n'ưng niềm ý vui vui.

Chàng buột miệng nó lên như không từng nghĩ trước.

Cái mùi mực và cái chút giấy này giá mà được làm tài liệu cho một câu đối Tết thì đời mới không có sự dằn phàn nàn. Nói câu đó, vì chàng nhìn quanh thư phòng có nhiều chỗ khả dĩ cũng treo được những câu đối dài.

Một nữ-lang, gầy như cành phù dung hèn hồ ao, đứng lên, lại chỗ tận-cùng góc phòng, mở cánh tủ con bằng gỗ mun, lấy ra đem đặt trước mặt chàng, hai cuộn giấy.

Chàng trải ra là hai tờ giấy « hồ-diệp-hoa » màu thanh-thiên điểm nhiểm ẩn-ước trên mặt giấy có những vệt mây
(Xem tập trang 17)

« Ngồi mà gặm trâm
 , hoa đua nở,
 Mỗi hoa là riêng một
 sắc hương.
 Khi chửa xuân-khép
 nép bên tường,
 Còn phong nhẹ đơl
 Đong hoàng vè
 cang đáng ».

HOA XUÂN

TRONG VƯỜN VĂN-HỌC

TINH-ĐỂ nữ-sĩ

Nbng thế thì văn-
 học-quyết không thể
 thiếu tình-cảm của
 dân bà được. Cái
 tình-tâm ấy, nó lại
 còn giúp cho dân ông
 một cách gián tiếp
 rất đặc lực về văn
 học của họ nữa.

Đọc mấy câu trong bài « Yêu
 hoa » của Nguyễn-công-Trứ, tôi
 sự- nhớ rằng người đời đã tặng
 cho phụ-nữ một danh-từ hay hay
 « hoa biết nói ». Phụ-nữ là một đóa
 hoa chẳng những về diện mạo
 mà còn về tình-tâm. Ít lắm, họ là
 hoa xuân trong vườn văn học.

Phải, phụ-nữ đối với văn-học có
 một liên-quan mật-thiết, mà văn-
 học không có phụ nữ chắc là kém
 vẻ uyên-chuyên, mỹ-miêu.

Tôi không muốn kể dài giòng
 những bá-giới ứng tỏ rằng từ xưa
 đến nay văn học các nước đã chịu
 ảnh hưởng của dân bà. Ở đây, tôi
 chỉ nói phớt qua cái nguồn tài liệu
 thiên-nhiên là phụ nữ đã cống
 hiến cho văn-học chủ-quan mà
 thôi.

Văn học nước nào cũng chia làm
 hai phần: khách quan và chủ
 quan. Văn học khách quan thiên về
 triết-lý và khoa học, nên dụng lý
 trí nhiều hơn, còn về chủ quan,
 thì lại nhờ ở tình cảm.

Theo sanh lý, dân ông giàu tư
 tưởng hơn dân bà, nên họ thiên
 về văn học khách-quan, trái lại
 phụ nữ chú trọng về văn học chủ
 quan là thứ văn học thiên về tình
 cảm. Tự nhiên là có những ngoại
 lệ. Thi sĩ nào chẳng « đa tình » ?
 Ta đã thường thức nơi phải Lăng
 rman và Đường thi những điệu trữ
 tình nồng nàn sôi nổi ? Và hai mẹ

con bà Curie có thể làm đại biểu
 cho dân bà về phương diện cách
 vật trí-trí.

Nếu dân ông đã đem khối óc ra
 dặng tìm những triết lý, những
 học-thuật, những phát-miêu, dựng
 nên những công trình vĩ đại, thì
 dân bà cũng biết đem quả tim mà
 hòa nhập với những nỗi cay đắng
 bi thương của nhơn-loại, đề ca lên
 những khúc êm ái du dương làm
 dịu mát cõi lòng cho kẻ đã đem
 khối óc giúp đời cũng như an ủi
 những tâm hồn của người khốn
 nạn.

Có người bảo: « đời này là đời
 khoa học, thì văn chương cũng
 cần ở thực tế; chỉ biết có khối óc
 mà thôi, chớ con tim thì không cần
 thiết lắm ».

Nói như thế là lầm. Nếu cái óc
 của ta cần làm bạn với những tư
 tưởng cao siêu, thì cái hồn của ta
 cũng cần phải thư-thối tiêu-dao
 với tác-dụng của mỹ thuật. Công
 trình mỹ thuật ấy, tức là văn học
 thiên về chủ quan.

Mỗi người của chúng ta đều có
 mang theo một cuốn sách nhơn
 loại (livre de l'humanité). Dân
 ông vì khuyab - hướng về khách
 quan mà quên mất cuốn sách ấy.
 Dân bà lại nhận thấy cái kho tàng
 quý báu đó, mà tùy theo ngoại
 cảnh nội tình kích thích mà tạo
 nên những áng văn chưa biết bao
 là tình tứ lâm ly.

Những văn hào thi bá tráo thế
 giới từ xưa nay mà được bắt
 lỗi đó, là hằng phải nhờ nơi
 ảnh hưởng của dân bà một phần
 lớn hay sao ?

Bây giờ trông phạm vi chật hẹp
 ta thử đề câu hỏi này: Việt nam
 có nữ văn sĩ, nữ thi sĩ nào đáng
 gọi là xuất sắc không ?

Muốn trả lời câu hỏi trên kia,
 tôi tưởng không phải dựa theo
 thời kỳ hiện tại mà được. Trái
 lại ta cần phải tìm tới nguồn gốc
 của nó đã.

Muốn truy-nguyên cho có căn-
 cứ, tôi thấy rằng về văn-học phụ-
 nữ đã trải qua ba giai-đoạn như
 sau này:

Từ ngàn xưa, vấn đề học văn
 của phụ nữ nước ta không hề có.
 Dở lại bao nhiêu sử sách vào
 thời kỳ Hậu học thanh nhàn, quyết
 không bao giờ thấy nói đến sự
 giáo-huấn của nhà trường đối với
 dân bà con gái.

Chế độ xã hội và gia đình lúc
 bấy giờ đối với phụ-nữ rất là chặt
 chẽ, hẹp hòi và khinh miệt không
 thể tả xiết.

Trong gia đình cũng như ngoài
 xã hội, phụ nữ đã chịu thiệt thòi
 sút kém hơn đàn ông đủ cả các
 phương diện, thì sự học văn cô
 nhiên là không thể có được.
 Những trường học công và tư lúc
 bấy giờ không khi nào ai thấy

được cái bóng của một nữ sinh hấp thoát ra vào nơi đó.

Cả những phụ nữ thời ấy không thể hưởng được ân huệ giáo dục của xã hội, mà còn không được qua lại các trường, đại khái như trường « Quốc tử giám » ở Huế. Bằng chứng là năm Minh Mạng thứ ba, vua sắc xuống cho bộ Lễ phải cấm dân bà con gái lại vắng nơi trường đó, lấy cớ rằng « Di luân đường » trong Quốc tử giám bị xối đánh là bởi có dân chon của phụ nữ ra vào. Nhưng sự thật thì trước cái sắc chỉ ấy, đã có lệnh cấm như thế rồi.

Có chăng là những cô gái con nhà quý phải mới được cái điểm phúc là cha mẹ rước thầy đồ về nhà dạy học mà thôi. Cái học đó không ra ngoài bốn môn phong lưu tiêu khiển của những tiểu thư khuê các là cầm, lý, thi, họa.

Nhờ nơi lễ - chức tư nhơn ấy — có ít, rất ít — mà thiên tài phụ-nữ

được phát trên một đôi phần. Những Đoàn thị Điểm, Hồ Xuân Hương, bà huyện Thanh quan đều là chứng cứ minh bạch. Bây giờ, với Ngọc Anh thi lập dáng ở Nam phon, là đứa con sống sót của thể hệ ấy.

Giai đoạn thứ hai, là thời kỳ ta tiếp xúc với văn học Tây-phương. Nữ học mới bắt đầu mở ra từ đó. Nhưng kể ra, cái danh từ « nữ học » ấy tuy đã có mặt đầu, song sự thật thì nữ sinh bấy còn hiếm lắm. Có nhiều gia

đình còn bảo tồn hủ hạp, không chịu cho con em họ đón tiếp văn hóa phương tây. Mà một số đối với con gái thì họ lại càng không ưng chịu hơn nữa.

Những phụ-nữ được đi học lúc bấy giờ phần nhiều là con ông Tổng ông Phán ở thị-tiền. Họ chỉ mưu cầu gây dựng cho họ một chức nghiệp đề tiện bề sinh sống như là làm cô đỡ và bà gáo mà thôi. Đối với văn học họ không quan tâm lắm, hay có quan tâm

những quyển sách gần đây có được nằm bầy danh liệt khá dài của chị em là những bà và cô : Đạm-Phương Tương Phố, Văn-Bà, Mộng Tuyết, Nguyễn t. Kim, Phan thị Nga, Ngân-Giang, Anh Thơ, Tuy-An, v. v.

Những nữ thi sĩ, nữ văn sĩ ấy lẽ-tỏ như sao sớm thưa-thớt như lá thu. Đem họ mà sánh với nam văn sĩ biệt tại thì ta cũng biết trước rằng cân nhắc về bên nào rồi. Thật là một điều đáng bi quan cho văn phụ-nữ nước ta!

Sự chậm tiến ấy là vì hoàn cảnh chứ không phải vì không có những tài hoa đầu, nên kinh tế của toàn thể không có môi vững bền, giáo dục của bình dân chưa được hoàn toàn phát triển, bao cái đó nào có thể bảo đảm sinh kế, và ươm khi h văn học của phụ nữ đầu.

Viết văn phải có nguồn cảm, phải có nghệ thuật. Nhờ thực tế mà nguồn cảm mới được thay đổi,

đổi dào; nhờ điều luyện phụ lực với thiên tài mà nghệ thuật mới được cao siêu, trác tuyệt. Dân bà nước ta chưa mấy khi được bước qua khỏi ngưỡng cửa thì mong gì tạo mãi hai điều kiện đó.

Cùng thời là một câu chuyện một ý tưởng mà dân ông phát ra, người ta coi đó là sự thối nát. Đến như dân bà có học lộ nổi tiếng làng xã náo trong cõi lòng thì lại bị dư-luận kết án, luận tội (Xem tiếp trang 29)

Tùng hưng

Xuân cảm

Thi - giờ thấm thoát tựa tên bay,

Tết mới ngày nào lại tết đây.

Hoa cẻ tiêu-giao cùng tuổi nguyệt,

Công-dảnh hồ thẹn với râu mây.

Xuân về ngày loạn chừng lơ lảo,

Người gặp khi buồn cũng ngất ngây.

Say tỉnh cuộc đời cơn gió bụi!

Ngửa trông non Hổ, khuất từng mây l...

NHẬT-NHAM

chánh nữa thì họ lại gặp phải một trở lực lớn lao là những chế-độ, thành-kiểu và luân lý của gia đình xã hội, nên họ không phát-triển tự do theo thiên tài của họ được.

Từ vài mươi năm trở lại đây, phong trào giáo hóa phụ-nữ lần lần hành trưởng. Đi đôi với giáo dục nhà trường, lại có báo chí sách vở phổ thông, cho nên chị em bạn gái đối với văn chương nước nhà không phải là người dưng nước lã nữa. Nhờ vậy mà ta được thấy trên mặt báo chỉ nay ngoài bia

HAI XUÂN ĐÁNH CHĂM

hay là làn sóng nam-tiến đầu tiên của dân-tộc Việt-nam

Mãn khánh DUONG KỲ

Dân-tộc Việt-nam, sau khi bị người Tàu cai-trị, lẽ tất nhiên là nghĩ đến việc khuếch-trương lãnh thổ bằng cách làm như với đầu tiên lên vào Nam. Nhưng dưới được các chủ con Trời, dân ta còn bận lo củng-cố lực-lượng của nước mình, để rồi hẳn trời-lý phong-kiến mà đi đến giai-đoạn hợp-nhất (xem Tri-tân số xuân 1944, bài « Từ tinh-thần quốc gia của dân nước Việt-nam đến sự thống-nhất của nước ấy »). Vì vậy, nên dưới các đời Ngô (939-965), Mười hai Sứ-quân (966-967) và Đinh (968-980), chưa vào đánh Chiêm-thành.

Dưới đời Tiền-Lê (980-1009), mới khi sự khai-chiến với Chăm. Vua Lê Đại-Hành đại thắng, phá kinh đô Chăm, tuy chưa lấy tức đất nào, nhưng cũng đã liệu trước việc Nam-tiến của dân-tộc ta: Ngai sai đắp con đường bộ vào châu Địa-lý (992). Người Chăm đã pháp-phông lo sợ. Để tránh người Đại-Việt, vua Chăm vội vã dời kinh đô vào Vijaya (4) cách kinh đô cũ 700 lý về phía Nam (1009). Nhưng tránh làm sao thoát. Ở Đại-Việt, nhà Lý lên cầm quyền: Minh-trị cải-cáo, trong nước giặc mạnh. Làn sóng Nam-tiến của dân-tộc Đại-Việt bắt đầu, và cũng mãnh-lệ.

Rồi nhân hai xuân Âm-áp, gió mùa, sóng ầm, người Đại-Việt

bay thuyền vào hai lần, đại phá quân Chăm, lấy ba châu Địa-lý (2), Ma-linh (3) và Bố-chính (4).

Xuân Giáp-thân (Minh-đạo năm thứ 3, 1044). Đã mấy năm, binh abur trong nước Chiêm-thành có loạn: thỉnh-thoảng ta thấy người Chăm tránh nạn chạy qua Đại-Việt (5). Người mình đời nào lại bỏ cơ-hội ấy mà không đánh Chăm. Và chàng, đã 16 năm, không thấy nước Chiêm-thành ra triều-cống, rồi đến 1043, thủy-quân Chăm thỉnh-linh kéo ra đánh miền duyên hải.

Vua Lý Thánh-Tông liền sai sắp đặt đồ vào đánh Chăm. Nào là đồng hơn trăm chiến-thuyền, đặt tên: Long, Phục, Ngự, Xà, Hồ, Báo, Anh-võ, nào là luyện-tập sĩ-tốt, nào là đặt quân-pháp rất nghiêm, quân lương đầy vơi quá một năm thì bị đánh trăm trượng, thích vào mặt 50 chữ, không quá một năm theo nhẹ mà phạt, vẫn vào...

Sắp đặt đầu dấy xeng xuôi, đến tháng giêng năm Giáp-thân, Vua sai phân-phát khí giới cho quân-lính, rồi đến ngày Quý-mão tháng 3, hạ chiếu thân chinh, cho Khai-Lương-vương Nhật-Tông làm lưu-thủ chốn kinh-sư.

Người mình, trước khi làm một việc gì quan-trọng, thường tin dõm lành hay dữ, nên việc dụng

binh lại cũng tin « tướng thủy ». Vì vậy nên trong ngày Quý-mão 3, Hưu-tư tổ thần Núi, dâng lễ thiêu lao (một bò, một dê), được cái mặt (dằm) lớn bằng quả bưởi, tiền đem dâng Vua. Vua phán:

— « Đằm (mặt) với đằm (vòi) độc gần in nhau. Thiêu lao mà được mặt lớn, vậy là bắc-ta ít một mà được nhiều vui (thiêu lao đại đằm). Chính là điềm mừng vậy ».

Rồi từ đây các điềm tốt luôn theo đạo quân viễn-chinh.

Ngày Giáp-thân, đại đội thủy-quân (6) từ kinh-sư kéo đi. Ngày Ất-tỵ đến Đại-áe hải-khẩu (7) vừa gặp gió thuận, sóng ầm, thuyền đi rất nhanh: qua núi Ma-cô (8), mây tia che mặt trời, đến vịnh Hà-nỗ một đám mây đi theo thuyền ngự. Chỉ trong ngày ấy, đại quân thấu Đại-nhà hải-khẩu, rồi ngày mai lại cũng thuận buồm xuôi gió vượt Đại-Trường-sa, Tiểu-Trường-sa (9), đến Ô-long hải-khẩu (10). Mọi điềm tốt nữa mà các cụ xưa viết sử không đời nào quên ghi: cá trắng nhảy vào thuyền ngự.

Nhưng vua Chăm Jaya Simavarman II (người mình gọi là Sa-Đầu) đã kéo binh đến, dân voi nên bờ phía Nam sông Ngũ-bồ. Vua Lý Thánh-Tông được tin ấy, liền cho quân lính đồ bộ, lệt trận trên bờ phía Bắc sông Ngũ-bồ, rồi đánh trống, phất cờ, lửa quân sang sông giao chiến. « Giặc giặc chưa.

chạm nhau mà mặt trận quân Chăm đã vỡ tan tành. Tướng Chăm Quách-gia-Di thấy cơ nguy đã đến liền trở mặt, giết ngay Chiêm-vương, mang đầu dâng tại trận. Quân ta thừa thắng, thẳng tay chém giết: ba vạn quân Chăm bay đầu, năm nghìn bị bắt sống. Đồng nội ngồn-ngang xác chết. Vua Lý Thái-Tông động lòng xuống lệnh cấm giết dân: người nào không tuân thì bị tử hình. Trong trận ấy, quân ta bắt được hơn 30 thớt voi.

Thừa thắng, Vua Léo binh vào Nam, đến tháng bảy vào thành Phật-thụ (11) bắt hầu và vợ của Chiêm-vương cùng những cung-nhân, biết ca múa khúc Tây-thiền, rồi sai sứ đi cùng các hương - ấp phụng dục dân-chúng.

Đến tháng tám, Vua xuống chiếu ban sự. Kê chỉnh-phu làm lúc cũng bẻ lưng vì ubi - nữ, nhất là khi gặp gái Chăm, náo-nùng và huyền bí. Về thâu Ly - nhơn (12), Vua cảm sắc đẹp của My-Đi, vợ Chiêm-vương, bèn sai người mời rước nàng đến châu. Nàng từ rằng:

— «Vợ mọi quốc mả, khôn sánh tay những bậc cơ vương. Nước tan, chông chết, chỉ có một thác mà trôi, không biết ai nữa.»

Rồi nàng quần chiến giec mình xuống sông mà chết. Vua thương trình-biết, phong làm «Hiệp-Giánh Hộ-Thiện Phụ-nhân».

Đành được Chiêm-thành, thâu thế nước ta rung động «Trung-ua». Vua nhà Tống lo sợ, sai chuễn-vận-sứ Đỗ - Kỳ đem thêm quân lính đóng tại 13 nơi xung yếu để phòng ngừa quân của nhà Lý.

Không hiểu tại sao vua Lý Thái-Tông lại chẳng thừa cơ lợi ấy mà giết đi mảnh đất Chăm.

Phải chăng là vì thế bấy giờ chưa lấy được: có lẽ tuy thua, người Chăm vẫn còn mạnh, còn bất lực kháng-chiến. Xem như việc sau khi thắng trận Ngũ-bồ, nhà vua muốn vào thành Phật-thệ mà phải đi đến sáu tháng trời (từ tháng giêng đến tháng bảy) thì nghĩ như vậy có lẽ cũng không xa sự thực bao nhiêu.

Dù sao, ta vẫn thấy vua Lý Thái-Tông đã bỏ qua một cơ-hội tốt, và nhường cái vinh-dự bắt đầu thôn-lập đất-dại nước Chiêm-thành lại cho vua Lý Thánh-Tông, như ta sẽ thấy sau này.

(Xem tiếp trang 38)

1) Người mình gọi là Phật - thệ hay Chá-hà. Xem thêm chú - thích số 20.

2) Địa-lý là đất của Việt-thường hồi trước. Đời Hán thuộc quận Nhật-nam. Đời Tống là châu Địa-lý của nước Chiêm-thành. Đời Lý gọi là Lâm-Bình. Đời Trần gọi là Tân-Bình. Lúc (nước ta) thuộc nhà Minh cũng gọi thế. Đến đời Lê gọi là Tiên-Bình Nay là phủ Quảng-ninh, tỉnh Quảng-bình (Cương-mục, chính-biến, 29 a). Phủ Quảng-ninh bấy giờ hãy còn.

3) Ma-linh là đất của Việt-thường hồi trước. Đời Hán thuộc quận Nhật-nam. Đời Tống là châu Ma-linh của nước Chiêm-thành. Đời Lý gọi là Minh-linh. Đời Trần cũng gọi là thế. Nhà Minh gọi là châu Nam-linh. Đời Lê đặt thành huyện, nay là đất hai huyện Minh-linh và Đo-linh tỉnh Quảng - trị (Cương mục, chính-biến III 29 a b) — Huyện Đo-linh đến bây giờ hãy còn (tục gọi là huyện Đo) nhưng huyện Minh-linh thì nay đã đổi thành phủ Vĩnh-linh (tục gọi là phủ Vĩnh).

4) Bồ-chính — Châu Bồ-chính hồi trước, dưới đời Hán, là đất đất của huyện Thọ-lãnh, thuộc quận Nhật-nam. Đời Tống là châu Bồ-chính của nước Chiêm-thành. Đời Lý cũng gọi

thế. Nhà Minh—gọi là châu Trấn-bình. Đời Lê gọi là Bồ - chính, nội, ngoại, hai châu. Nay là ba huyện Bình-chánh, Minh-chánh, Bồ-trạch ở Quảng-bình (Cương - mục chính-biến, III, 29 b). Huyện Bồ-trạch bây giờ vẫn còn. Còn hai huyện kia thì cắt thành huyện Lệ-thủy và phủ Quảng-trạch

5) Năm Thông-Thụy thứ 5, (1038), con vua Chăm Địa-Bá-Thích chạy sang Đại-Cồ-Việt. Năm sau, Địa-Bá-Thích lại ra đem theo Lạc-Thần, Sa-Đầu, Lo-Kê, A-Thất-Thích. Năm Càn-phà-hữu-Đạo nguyên-niên (1039) tướng giữ trại Bồ-chính là bọn Đỗ-Linh, Đỗ-Ca, Lang - Đà - Tinh đem theo hơn 100 bộ thuộc sang phụ.

6) Sách Cương-mục (tiền-biến, III g a) viết: «Van là (tên) phát», Ông Maspéro (Le Royaume de Champa, trang 135) viết rằng: «Sa flotte comprenait 10.000 rame» Tương dịch như thế không được đúng. Chữ vạn đây nghĩa là nhiều (vạn kỷ đa dĩ) chứ không phải 10.000

7) Đại-ác hải-khẩu. — Xưa gọi là Đại-ác hải-khẩu, nhà Lý gọi là Đại-an, nay là Liên hải - môn ở làng Quán-liền huyện Đại-an theo Cương-mục, tiền biên IV, 13 a). Chính là cửa sông Đáy cửa xưa.

8) Núi Ma-cô. Có lẽ là núi Lê-Đi, nay ở ngoài biển Kỳ-anh, tỉnh Hải-phong (Cương-mục, chính-biến III 9b).

9) Vũ-biên-tập tục của Lê-quy-Đôn: đọc theo hồ biển từ Nhật - là hải-môn vào thâu Minh-linh hải-môn gọi là Đại-Trường - sa; từ viết hải-môn, vào Nam thâu Tư-dung hải-môn gọi là Tiểu-Trường-sa (Cương-mục chính biên, III, 9 b 10 a).

10) Ô-long hải - khẩu ở tại phía Đông Nam huyện Phú - vinh, tỉnh Thừa-thiên. Đời Lý gọi là Ô-long, đời Trần gọi là Tư-dung, đời Mạc (vì kiêng lên của Mạc-Đắc-Dung) gọi là Tư-khách. Đời Lê gọi là Tư-dung. Nay là Tư - hiền hải - khẩu (Cương-mục, chính biên III, 6b). Ông Maspéro viết sai thành Đê - long (Le Royaume de Champa, trang 135).

11) Xem chú thích số 20.

12) Lý nhơn nay là Phủ Lý nhơn ở Hà-nội (Cương mục, chính biên, IV, 14 b). Tục gọi là Phủ Lý thuộc Hà nam bấy giờ.

MỘT QUAN-NIỆM VỀ CUỘC ĐỜI

Nhật-Nham TRỊNH NHƯ-TÁU

Tục ta tin quỷ thần cho nên vẫn cho người chết có linh-hồn, có cảm-thông cũng như người sống. Sách *Trung-Dụng* có câu : « Sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn, hiểu chi chi đã » (Phụng thờ tiền nhân đã quá cố cũng như lúc còn sinh thời và phụng-thờ tiền-nhân đã mất rồi cũng như lúc hãy còn. Ấy như thế là hiểu vậy.)

Vì có lòng tin tưởng như thế, nên hằng năm, ngoài tiết Thanh-Minh, gần Tết, ta vẫn thường đi tảo-mộ mộ-phần để thỉnh tiền-linh về nhà, thờ phãi-hưởng.

Đi đến chỗ mộ địa, thấy ngồn ngồn gò đống, nghĩ đến tổ-tiền mình có người hương-hoa thờ phụng, có chỗ hương khò, nhang nhở, ai là chẳng động lòng cảm thương mà nghĩ đến những mồ vô chủ !

Kìa, những lúc chiều đông bóng nhạt, gió bắc lạnh lùng, hay những buổi chiều tà mù mịt, mưa sa lác-dác, ai qua mộ địa, ngắm cảnh diu-hưu, lại nghĩ đến người xưa nằm đó, giữa vùng cỏ ấy, bốn bề vắng tanh, sao chẳng bằng khuâng man mác với bao nhiêu tình-cảnh sầu người !

Trong non, ngoài nội, dưới bề trên ngàn, biết bao năm đất dầm-giải tuyết sương, gió giăng biu-hắt, khói hương lạnh lùng !

Kìa, những mồ thấp loại chúng sinh vùi sâu ba thước : nào kẻ dọc, người ngang, nào quý, nào hèn, nào hiền, nào ngu, đều phách đơn, hồn chiếc, bàng-bạc trong cõi u-minh ! Hồn phách đã không có chỗ bằng-y, hài cốt lại không thân-thích thắm viếng, nồng nỗi người xưa nằm đó, lòng nào lòng chẳng xót-xa !

Những kẻ đã chết hoặc vì chinh-chiến, hoặc vì tạt địch, hoặc vì thiên tai, hoặc vì đói rét, hoặc vì yểu thương kia, lúc sinh-thời, đã từng phấn-dấu với cuộc đời, mà tới nay không còn để lại một di-tích trên trần-thế, không còn ghi tên tuổi quê quán trong ký-ức người đời ! Tuy vậy họ cũng có công xây đắp cho nền tảng xã-hội họ đã dự vào công cuộc quay guồng tiến-hóa của hoàn cầu không một cái chết nào là vô-ích cả. Mỗi cái chết là một chuyển-lực của tạo-hóa, những năm mồ đã hợp thành nền-lắng vững vàng che cái lấm-dài nguy-nga sán-lạn của quốc-giã ; những di-hài dẫn đến tiêu-ma tạo thành đất thiêng của tổ quốc, một thứ đất phi-nhiên đã từng mỗi mùa che phủ một màu, do Hóa-công tô-diễm như hoa gấm.

Ta nên biết ơn người quá-cố, vì cái chết của họ cần cho sự sống của ta, vì theo công lộ

của Tạo-hóa — nếu cây cối trồng trên mộ địa đủ nuôi sống người đời — không có một sinh-lực nào là không do sức phá-hoại của Tạo-hóa gây nên.

Thảo mộc, cầm thú, nhân-loại đều theo cái công-lệ ấy cả. Chỗ nào, cái chết cũng đã in ngay từ lúc bắt đầu cuộc sống. Rễ cây đâm xuống đất để hút dục mà chính trong đất chứa mầm cây đã nát. Trên cây lại có sâu bọ, cắn hại, chim chóc, phá hủy. Rồi lại có các giống khác ăn thịt chim hoặc giết sâu bọ trên cây. Không một phút ngừng mà không một đời sống nọ hi-sinh cho một đời sống kia.

O' trên các loài thảo mộc và cầm-thú thì có loài người. Loài người tuy linh hơn vạn vật, có linh-cảm, biết yêu nhân-loại, nhưng cũng không tránh được cái công-lệ tử sinh. Nhờ có công việc tiền nhân làm lúc sinh-thời, nên cuộc tiến-hóa của loài người không bị gián-đoan, vì không một hành-vi, không một tư tưởng, không một nỗi nói có ích cho công-chúng phải bỏ phí bao giờ.

Vậy thì ngoài bổn-phận đối với tổ-tiền, đối với An-nhân của tổ-quốc, của nhân loại ta đối với bách-linh, nhân dịp Tết đến cũng nên cảm-thương mà gửi tặng vài nén tâm-hương mà cầu-nguyện cho anh-hồn được siêu-thoái.

Ta lại nên vì kẻ đã khuất mà tìm phương cứu khổ cho người hiện sống trong cảnh lâm-thân cơ-cận.

Tiền-nhân có nhớ cũng nhớ ơn người trước, cho nên vì thương u-hồn oán-giữ không ai nhìn nhận, mà mỗi chỗ tha-ma mộ địa có lập am vài gian hoặc xây bộ lộ-thiền để ba chữ « Hàn-lâm sở » để thờ chung cả những hồn phách bơ-vơ.

Mỗi năm rằm tháng bảy, hoặc công-tưởng xôm, hoặc riêng phường, riêng họ, góptiền, gạo hay khuyến giáo, thiết đàn tràng tại cửa am để làm chay cầu nguyện cho bản-linh, rồi thắp hương phất châu cho những người sống trong cảnh hân-hân.

Như thế là tiền-nhân thực-hành chủ-nghĩa « độ tử » và « độ sinh »; người chết cũng trọng mà kẻ sống cũng thương.

Ồ ! biết bao an-bình bảo-khiết, khi siob-điền đượm-mãnh oan-liệt mà nay cũng chỉ vùi ba thước đất, gò cao lồi-nhọn, cỏ mọc xanh rì ! Nào những kẻ khôn-ngan, những người vụng dại, lại biết bao người hưng công lập nghiệp, biết bao kẻ vong thân táng gia, người hiền, kẻ ngu, nào thánh, nào phàm, từ mấy ngàn xưa cho tới nay, tìm đâu cuo thấy, chẳng qua cũng mịt-mù trong đám cỏ kẫu, dưới những nấm mộ cao thấp !

« Trăm năm còn có gì đâu !
« Chẳng qua một nấm cỏ khêu xanh
rì !...

Thực vậy ! Trong vòng bấn-cải thì không từ một vật gì mà không biến-cải. Gỗ đá vì kim cò thay đổi mà biến-như ; chim cá vì gió mưa thay đổi mà biến-sắc ; non sông bởi bể-cải mà biến-ảo ; núi khe cũng phải chịu kiếp giở bụi

mà hoa cỏ cũng không tránh khỏi cuộc bề dâu !

Như vậy thì người thoát sao khỏi luật bốn cõi của Tạo hóa !

Kiếp phũ-sinh như hình bão-ảnh, trôi đã bày ra cảnh không mà có, có mà không. « Vạn cảnh giai không » cả. Cho nên, sau trăm năm, còn có gì đâu, chẳng qua cũng chỉ là một đồng đất, một đám cỏ xanh mà thôi !

Nhưng trăm năm có được là bao, như trôi dạt như bóng cầu qua cửa, như giấc mộng hoàng-lương, nếu không sớm biết tu thân, giúp ích cho đời, chỉ miệt mài trong vòng danh-lợi thì dù vinh-hiễn bao nhiêu, đến khi bừng mắt dậy cũng chỉ thấy mình tay không !

Muốn cho người đời có một quan-niệm đến cái kiếp sống vờ, đến cái đời nổi, để khuyên người đời rằng phải tuổi trời phải chăm làm việc, cổ-nhân đã nêu nhiều tích, còn trồn tới ngày nay :

Kia như tích Truân-vu-Phấn năm xưa thấy chiêm-bao đi đến nước Hồ-giêu. Vua nước ấy gả công-chúa cho, lại bỏ làm quan quận Nam-kha. Sau đánh giặc thua, phải cách chức mà vợ cũng chết. Khi tỉnh dậy thì chẳng thấy gì, chỉ thấy mình nằm ở cạnh phía Nam cây hòe. Nhân gọi chiêm-bao là giấc Nam-kha (kha là cạnh cây ; nam là phương nam).

Ấy chỉ trong một giấc chiêm-bao nấc-ngủ mà hiện ra cả một khung cảnh, tình và sự-nghiệp của một đời người. Cho nên nói cuộc đời tựa giấc Nam-kha vậy.

Lại chuyện chàng Lu chiêm-bao ở chợ Hàm-dan.

Lư-sinh đời Đường gặp đạo-sĩ họ Lã (Đồng-tân) ở quán chợ Hàm-

đạo. Sinh theo nổi mình cùng-khốn. Họ Lã rút cái gối trong đây, trao cho sinh, bảo rằng : « Gối vào gối này, sẽ được vinh-hiễn như ý sở-cầu ».

Bấy giờ, chủ-quán đương quấy nồi kê. Sinh nằm ngủ, thấy mình lấy vợ họ Thôi, đẹp và giàu. Sinh đỗ tiến-sĩ, làm quan đến Tiết-độ sứ, phá được giặc Nhung, làm tướng 10 năm. Có 5 con trai đều làm quan cả. Được hơn 10 người cháu. Sinh thọ ngoài 80 tuổi.

Khi bừng tỉnh dậy thì nổi kê bày còn chưa chín. Sinh lấy làm quái lạ mà rằng : « Chuyện chiêm bao à ? »

Lã đồng-Tân cười bảo : « Việc đời cũng như thế cả. »

Cái giấc chiêm-bao trong một đêm hay trong một lúc là cái giấc chiêm-bao nhỏ, cái giấc chiêm-bao trong một đời là cái giấc chiêm-bao lớn. Người không tỉnh-ngộ, chỉ chìm đắm trong bể tham, là người sống cho qua ngày giờ trong giấc chiêm-bao cả. Cho nên muốn cảnh-tỉnh người đời bớt lòng dục-vọng đề mau lối việc đời khỏi phũ-thi-giờ, ngày xưa ông Già-cát-Lượng nằm trong lều cỏ, khi ngủ dậy ngâm bốn câu thơ :

Đại-mộng thùy tiên giấc ?
Binh-sinh ngã tự tri
Thảo-đường xuân thụ túc
Song ngoai nhật tri-tri.

Dị h

Giấc mộng lớn này, ai tỉnh trước ?
Binh-sinh ta tự biết mình ta.
Ngày xuân đầy giấc trong am cỏ,
Ngoài cửa từ-từ bóng ngựa qua.

Cuộc đời đã như giấc mộng mà đường đời « ấp-kị » nên nhiều bước chông gai, thì tuấn mình ở trong đời có khác chi con thuyền giữa lớp sóng cồn,
(Xem tiếp trang 28)

NHỮNG XU HƯỚNG

VĂN HỌC VIỆT-NAM TRONG NĂM QUA

KIỀU-THANH-QUẾ

Trong khi viết bài này, tác-giả ở miền Nam, gặp lúc sách vở bị ngừng bước « Nam tiến » từ hồi tháng tám tây tới giờ, nên không thể nói kỹ đến những tác-phẩm mới ra gần đây được. Vả, chủ ý bài này chỉ cốt phác sơ mấy nét về xu-hướng văn-học Việt-nam 1944, chứ không phải làm việc lĩnh số văn-học một cách kỹ-càng tỉ-mỉ, nên rất có thể chỉ chép đại cương, mà lược bỏ tỉ mỉ đi. Vậy mong các bạn thêm mức lượng xét cho.

T. T.

Trong năm qua, điều đáng mừng: bình như sách giá đắt đến đâu cũng không đủ bán cho sự ham đọc của người xê xô. Người ta thì nhau mua nhiều, nhất các sách giới thiệu danh nhân và học thuyết ngoại quốc. Tiểu thuyết dịch của nước ngoài cũng bán chạy. Tiểu thuyết sáng tác ngày một ít đi. Nhà tiểu thuyết đã có tên viết mãi, người ta cũng phớt lờ. Nhà tiểu thuyết mới, người ta còn dè dặt chưa dám tin. Nhà xuất bản bao giờ cũng chịu theo độc giả. Đáng lẽ đem in những quyển tiểu thuyết mỏng mẻo như ngày xưa, người ta cho xuất bản những cuốn « sách nghiêm trọng » dày dặn. Trong lúc số sách in ra ngày một nhiều trong xứ, nhà xuất bản nào cũng sợ cuốn sách mình đưa ra bị chìm giữa các sách khác. Vì thế có sự hữu ý của các ty xuất bản trong xê trước sự rần rần làm cho bất luận cuốn sách nào in ra cũng là một đồng giấy kẻch sù. Người ta đã có dịp mỉm cười trước cuốn « Quê hương » của Nguyễn Tuân. Nếu không muốn phí giấy một cách vô ích để lấy cái « vuơng ngoài to tướng » quyển tiểu

thuyết ấy rất có thể không kẻch sù như thế. Quyển tiểu thuyết gần như vô giá trị ấy cũng bán chạy được ngay với các sách giới thiệu học thuyết Đông Tây, là nhờ thời lượng bội tượng của nó. Độc giả đa số, trong khi tiêu phí hàng tháng một số tiền to gấp mười lần số tiền mua sách ngày trước, đến cuối năm muốn còn giữ được ở tủ sách gia đình những cái gì đẹp mắt. Quyển « Quê hương » cũng như bao nhiêu quyển tiểu thuyết khác cổ khước lấy bộ áo to rộng đều thỏa mãn được ý muốn ấy. Những « cái gì đẹp mắt » ấy không bắt buộc phải được tôn trọng. Quyển sách dày nếu không hay vì tất nó đã được quí mến. Ngại ra người ta còn thấy có nhà xuất bản in sách biền khảo với cái bề ngoài lòe lẹt như bia tiểu thuyết trình thám hay điểm tỉnh. Người ta đã có dịp ngấm bia cuốn « Trống giồng sông Vị » (tái bản) của Trần thanh Mai và bia cuốn « Hát dặm Nghệ Tĩnh » của Nguyễn Đồng Chi đều chưa đọc và suy nghĩ dăm phút về cái tên của hai quyển sách ấy, cổ khời ai không bảo đó là hai quyển sách tiểu thuyết thuộc loại

Từ trảm A ? Nhất là cuốn sách của Trần quân: với cái tên của nó, ai chưa từng nghe nói đến nó lần nào, vì tất đã đoán được nó biền khảo về Tá Xương. Kuống hồ nó lại khoe lấy cái bia đầy bea là lòe lẹt!... Đã đành nhà văn không nên quá chịu theo ý muốn của độc giả cả đến các nhà xuất bản, cũng không nên quá xu phụ theo công chúng. In một cái bia lòe lẹt khoe cho một cuốn sách nghiêm trọng, tuy cũng dễ dành được một số độc giả không thích loại sách « bỏ đầu » phải bỏ tiền ra mua, nhưng làm mất biết bao nhiêu thiện cảm của hạng độc giả không thích những cái lòe lẹt.

Thái độ các nhà xuất bản, tâm lý độc giả ở xứ ta trong năm qua là thế! Còn các nhà cầm bút, xu hướng của họ ra sao trong quãng thời gian ấy?

Về Thơ, từ khi thơ của nhóm Xuân Thu tạ thế rồi (1), thi sĩ Việt Nam đa số quay về với thơ Đường. Trong năm qua, một tập thơ đáng đề ý: « Máy » của Vũ Hoàng Chương

1) Xem lại bài của tôi nói về nhóm thơ ấy đăng Tri Tân số 134, ngày 16 mars 1944.

Phần nửa tập thơ ấy đựng những
tứ thơ vogue quá hương Hồ Tùng
Linh (xem những bài *Cảm thông*,
Đêm đông xem truyện quý,
Mùa truyện hồ ly, *Tình Liêu*
Trại, *Giang Nam*, người cũ,
Dâng tình, *Đào Nguyễn lạc lối*,
Hơi tàn Đống Á) Những câu thơ
rất dễ gọi trong những bài thơ ấy
phảng phất phong vị Đường thi:

Qua rồi thuở ấy tình sâu nặng
Trắng mới cuồng si nọ bán
khai.

Ta nhớ tiền thân, phóng lại
nghe...

Giấc hồ thơm tóc gái Liêu Trại
(*Cảm thông*)

Nhưng thơ Vũ hoàng Chương
cũng có bài rất mới: mới từ lời
đến điệu thơ:

Sao lila ngói, phương hương
ngã bên mình.

Cơn lốc rồi,
Đòn tiên thổi gọi,
Ấm thăm xa bật tiếng tiêu.
Nhưng mê man say uống miệng
người gấu,

Ta cũng như Nàng,
Cảnh mộng chốn Bồng Lai
đâu nhớ tới.

Hai xác thịt lẫn vào nhau mê
mải,

Chút thơ ngây còn lại cũng vừa
chón
Khi tỉnh dậy, buồn như nơi Hạ
giới
Đã dâng lên ngập quá nửa linh
hồn.

(*Tối tân hôn*)

Vũ hoàng Chương cũng như một
số nhà thơ mới hiện đại không
dám táo bạo đi hẳn theo ảnh hưởng
thơ Pháp, mà cũng thấy buồn rú
và giả vờ nếu mình cứ khệnh
khạng nói theo mãi, con đường
thơ Đường.

Về kịch suốt mùa kịch năm
ngoài là 1er octobre 1943 đến 30
mai 1944, ở Ha Noi và các tỉnh
Bắc hà, người ta đã được xem đến
những vở của các danh sĩ như:
Tục lụy, *Đồng bệnh*, *Nhất Tiến*,
Khúc Nghê thường, *Cận cá*,
Cốc lila, *Quyên sách ước*, của
Khải Hưng; *Gái không chồng*,
Táo quân, *Xuân tươi*, của Đoàn
phú Tử; *Lệ chi viên*, *Kính Kha*,
Kim tiền, *Trăm hương đình*,
của Vi huyền Đắc; *Phạm Thái*,
của Phan khắc Khean; *Ván mồi*
của Vũ hoàng Chương; *Quán*
biên thủy của Thảo Toao.

Vở *Tục lụy* của Khải Hưng, nhà
thơ Thế Lữ và nhạc sĩ Lưu hữu
Phước đã đem phở thành ca kịch
diễn theo tiếng dân du dương réo
rắt. Những vở kịch thơ đem đến
được công chúng thích hơn kịch
nói. Thế không phải kịch thơ hay
hơn kịch nói. Nhưng lời thơ và
âm nhạc bao giờ cũng dễ cảm
động hơn kịch nói. Trong năm qua,
vì thế, kịch thơ xuất hiện rất
nhiều: lớp ra thành sách, lớp còn
in báo. Nhưng rồi không chắc địa
vị kịch thơ có thể vững chắc hơn
địa vị kịch nói được...

Về tiểu thuyết sau quyền *Lều*
chống tả chế độ khoa cử thời xưa
của Ngô Tất Tố, xu hướng phục cổ
trong tiểu thuyết còn được tiếp tục
bởi những quyển *Bút nghiên*, *Nhà*
nhỏ, *Mơ lú Tân*, của Chu Thiển,
Thanh đạm của Nguyễn công
Hoan. Nhưng có tính cách vô lại
thời xưa đây đủ nhất có lẽ tập
truyện ngắn *Vang bóng một thời*
của Nguyễn Tuân được đem tái
bản trong năm qua.

Trong năm qua, tôi có tiếp
được thư của mấy nhà xuất bản
trong đó họ bảo tôi nếu có viết
tiểu thuyết nên viết tiểu thuyết
giáo dục và tiểu thuyết lịch sử.
Thế rồi, tôi thấy người ta đem tái
bản quyển tiểu thuyết giáo dục:
Tám lòng vàng của Nguyễn công
Hoan. Lê văn Trương chuyên viết
truyện cho đàn bà xem, trong năm
qua, cũng cho in mấy quyển tiểu
thuyết giáo dục: *Anh em thắng*,
Việt, *Ba ngày loda lạc*. Tiểu
thuyết lịch sử của Phan trần Châu,
Chu Thiển, Nguyễn huy Tường,
Nguyễn triệu Luật, người ta cũng
xuất bản nhiều.

Còn một xu hướng tiểu thuyết
nữa trong năm qua: quay về đồng
quê. Một giải thưởng văn chương
đã về tay tác giả *Bóng tre xanh*,
Kỳ Tâm Đỗ thúc Vĩnh.

Xã hội Việt-nam có bao nhiêu
phong tục kỳ lạ, tưởng đến bao
nhiều cuốn phóng tục tiểu thuyết
cũng không cực tả hết được nạn
tảo hôn đã bao nhiêu lần được nói
đến, trong đó ai cũng thoáng hiểu
rằng một người con trai lấy vợ
hồi hấy còn ít tuổi hay một thiếu
nữ có chồng hồi hấy còn trẻ dại.
Có ai ngờ rằng dưới *Bóng tre*
xanh (2) còn có câu chuyện buồn
cười của một cậu bé còn bà mẹ
lấy vợ lớn hơn mình những mười
tuổi. Nào cậu đã biết gì! Chẳng
qua cha mẹ cậu tưởng rằng lấy vợ
cho cậu, kỳ thật là cưới dâu cho
có người giúp việc trong nhà. Cậu
Thanh, con ông bà Chánh trong
truyện, là con một. Cha mẹ cậu
cưới Mơ cho cậu. Mỗi tối Mơ ăn
cậu đi ngủ. Vợ phải ăn chồng đi
(*Xem tiếp trang 30*)

2) *Đào Lộ* thu xếp xuất bản, 1944

CÂY QUẤT NGÀY TẾT

LIÊN GIANG

Người mình thường hay chơi cây quất để bày cảnh trong những ngày Tết Nguyên-đán. Chợ Đồng-xuân ở Hà-thành, trong những ngày cuối năm, thì dân tranh nhau đi mua cây, chọn cây, chỉ sợ nhà không có chậu quất để vui tết. Cho nên người trồng thứ cây nhỏ này cũng chừa ý thế gian mà cung cho đủ, đến buổi cái thứ cây mà có những quả đỏ tươi và bóng nhánh ấy chiếm gần hết một gian hoa thảo. Thủy tiên, họ cũng ra cục, họ cũng chành, các thứ kỳ hoa dị thảo họ cũng vẫn thích, nhưng không thuật tha năng nài bằng thứ cây quất dung dị này. Mỗi gia đình có màu mặt tết phải có và; bốn chậu cây đầy những thứ quả đỏ màu cá vàng này để nó ăn màu với sắc mặt bốc đỏ lên vì rượu mồi, vì rượu son, rượu cục, vì trầu cau tươi, cho nó nổi, thêm phong vị ngày tết.

Nay giả có ai hỏi cái thú chơi quất thấy ở chỗ nào, họ sẽ trả lời rằng ngày xuân, chẳng ta đã chơi hoa phải "bớt chơi quả" Chơi quả đỏ cho quanh năm được gặp những vận đỏ; cái vận đỏ, thiên hạ ai là người không ước ao. Nếu ai oái oăm mà hỏi cái tục chơi quất có từ bao giờ, và vì đâu sinh ra tục ấy, thì phần nhều họ miễn cười rằng: truy nguyên mà làm chi, người chơi, ta cũng chơi, người cười, ta cũng cười; thế gian chẳng lâu cái tục đua nhau vô nghĩa lý hơn thế, mà có cần biết nguyên-ly mà làm chi! Mồng ba tháng hạ, ta

ăn tết Hàn-thực, mồng năm tháng năm ta ăn tết Đoàn-ngọ, rằm tháng năm ta ăn tết Trung-thu trẻ con người lớn vui vẻ về tục chơi rước sư tử, rước rồng, ta chẳng thấy đồ du!

Ái có bảo rằng trong tết Hàn-thực, ta làm bánh trôi bánh chay để kỷ niệm Giời từ-Thời; trong tết Đoàn-ngọ sửa cỗ bàn đồ trầu diệp Khuất Bình chăng nữa thì phỏng (t) như thế có làm sao chưa? Danh nhân nước Tàu, người Tàu họ thương xót, ta có thương xót cũng là thương xót người thế giới. Đức thánh Khổng xưa đã nói: «Cái cung của người nước Sở đánh mất, thì người nước Tần nhất được hay người thiên hạ nhất được cũng vậy mà thôi». Và chẵn, ta có kỷ niệm họ Giời và họ Khuất chăng nữa, cũng vẫn là kỷ niệm ở trong tư-tưởng gián tiếp, chứ cỗ bàn bánh trái, ta vẫn đề lên bàn thờ, ông bà ông vải nhà ta, và sau khi thấp nén hương cửa thiên, mồm ta và trí ta vẫn lầm nhảm thuy-hiệu của các ngài. Múa sư tử hay múa rồng tuy ta bắt chước tục lâu, nhưng thực sự họ có tục chơi những đầu con vật bằng giấy di dạng ấy trong tết Trung-thu của họ đâu? Vì dù có ông già bà cả biết nguyên do cái tục chơi ấy của người lâu có một ý nghĩa khác, mà bấy nay ta bắt chước không phải đường, thì sự bắt chước thành cái tục ấy nó đã hoàn toàn Việt-hóa rồi còn gì nữa. Ấy, các ông già bà cả nói

rằng: từ năm xưa năm xưa, cái năm mà vua Quang-Tự nhà Thanh lên ngôi, và cái năm mà Tây-Thái-hậu của họ ăn thọ, các hàng bang của họ ở bên nước ta được mở hội khánh hạ. Họ phải tổ chức một cuộc diễu diễn long trọng có tính cách tôn quân, phải có những cuộc rước sách linh đình, trong đám rước hàng bang phải xuất từ đệ đóng những bộ tướng: vua Nghiêu vua Thuấn với Nga-Hoàng Nữ-Anh, Văn vương cầu hiền, Chấn công phụ Thành vương, Tây Hán tam kiệt, Tây-vương-mẫu và quần tiên, vân, vân... Từ xuất phải dựng công chế tạo một con rồng và dắc một con thuy sư hay kỳ lân. Cái tham-ý cuộc rước này là chúc cho vua mới đăng quang, và Thái-hậu của nước họ được hưởng thọ như đời xưa và thánh thọ vô cương vậy. Ta chẳng xem xưa những đời thịnh-trị, chép ở sử sách, thường có rồng xanh hay rồng vàng xuất hiện, và khi có thánh nhân ra đời, thiên hạ có người được trông thấy con kỳ lân. Đó là truyện đời xưa đời xưa nên lâu nay dân Tàu họ không thấy những vật dị dạng ấy nữa, họ thêm muốn họ ước ao, nên họ tưởng tượng mà chế tạo những con vật tưởng tượng ấy bằng giấy để diễu diễn, ngõ hầu đề tưởng tượng lại tuấy đời thái bình. Ta chẳng xem ngay như ở sử ta, đời vua Lý Thái-tôn, có rồng hiện hình ra ở điện Cần-nguyên và ở đời vua Trần Thái-tôn, giống vật lạ-dị ấy lại hiện ra ở sân nơi cửa-ngũ. Ta cứ yên trí rằng các tay soạn sử của ta không khi nào bắt chước các nhà soạn sử của

(Xem tiếp trang 41)

The new year

LORD TENNYSON

Ring out, wild bells, to the wild sky,
 The flying cloud, the frosty light;
 The year is dying in the night:
 Ring out, wild bells, and let him die.

Ring out the old, ring in the new.
 Ring, happy bells, across the snow;
 The year is going, let him go;
 Ring out the false, ring in the true.

Ring out the grief that saps the mind,
 For those that here we see no more;
 Ring out the fond of rich and poor,
 Ring in redress to all mankind.

Ring out a slowly dying cause,
 And ancient forms of party strife;
 Ring in the nobler modes of life,
 With sweeter manners, purer laws.

Ring out the want, the care, the sin,
 The faithless coldness of the times;
 Ring out, ring out my mournful rhymes,
 But ring the fuller minstrel in.

Ring out false pride in place and blood,
 The civic slander and the spite;
 Ring in the love of truth and right,
 Ring in the common love of good.

Ring out old shapes of foul disease;
 Ring out the narrowing lust of gold;
 Ring out the thousand wars of old,
 Ring in the thousand years of peace.

Ring in the valiant man and free,
 The larger heart, the kindlier hand;
 Ring out the darkness of the land,
 Ring in the Christ that is to be.

Năm mới

CÁCH-CHÍ phiên dịch

Nổ lên pháo, nổ vang giới cả,
 Cho mây bay, cho rá tan ra;
 Năm già đã chết đêm qua,
 Nổ lên pháo, để năm già nghỉ an.

Vang lên nổ, nghìn xưa, tống lão,
 Nổ vang lên mà ngao tuyệt sương;
 Năm già đi, chớ ngăn đường,
 Nổ vang tiến chính, nổ vang thoái tà.

Vang lên nổ tiêu trừ phiến khi
 Cửa cũ lòng, khóc kẻ li trần;
 Nổ vang hòa lợp phủ trần,
 Nổ vang kêu chính muôn vạn bất công.

Nổ tan những bất cùng khiêu nại.
 Thối hủ xưa, đang phải tranh ranh;
 Nổ vang thiên cải dân sinh,
 Ôn hòa tiếp vật, làm mình trị người.

Nổ cho tụt thói đời khinh bạc,
 Hết lo phiền, tội ác, thiếu cần;
 Nổ tiêu những đố kỵ khoe thân,
 Để cho nảy những khúc hát vui tươi.

Nổ cho tụt thói đời rêu rậm,
 Lòng kiêu căng giống quỷ, ngôi cao;
 Lòng yêu chân lý rước vào,
 Lòng yêu điều thiện đón chào, nổ rào.

Nổ vang giải muôn vạn ác trùng;
 Nổ sạch lòng thơ cũng bỏ vàng;
 Nổ vang tắt lửa tranh cường,
 Nổ vang đón chợ vô cương thái-bình.

Nổ rước kẻ tung hoành, tự tại,
 Lòng nhân từ, bác ái hơn xưa
 Nổ vang tan cảnh âm u,
 Rước vì độ thế, độ cho người đời.

Bắt gặp mùa Xuân

Mái Trống non, ngày năm lần

TUYẾT TIỀN MƯỢT

Chị Bán,

Thư vừa rồi chị phản phản là từ ngày về Nam chị vẫn nhớ cái lạnh mùa đông của phương Bắc. Còn tìm đâu được cái thú mặc dù ở ngọ bàn, rồi thì lang thang ngoài phố để cho gió sương gọi giá hai vai.

Thân ôi ở trên cái dốc đất vô tình cũng tạo vật này mà muốn sống theo với thời tiết từng mùa thực là một điều khó.

Mùa xuân không hoa, mùa thu không lá rụng. Đến như mùa bắc là một mùa của gió lạnh thổi banh, khiến cho người ta hốt hốt khổ khan, mà xuân về không tìm thấy một chút Dương xuân hòa dịu nào. Những nắng là nắng. Suốt năm từ mùa mưa ra, còn thì là một mùa nắng đặc biệt như nắng vàng.

Tuy không đến nỗi là lửa nắng chang chang thiêu đốt của mùa hè phương Bắc, nhưng mà sống mãi đều đều như thế, nhiều phen cũng thấy thiếu sót một cái gì.

Tiếc rằng mình không có đôi cánh của con hồng con nhạn để mà lánh hẳn từ thế theo mùa, chị Bán nhỉ!

Dạo này những bữa vườn ở dọc con đường về Rẫy của tôi, những nương bông vạn thọ đã xanh khắp vườn, và luống thoáng dểm nhưng nụ hoa vàng đã trên cành lá lẫn lẫn xanh mát.

Những buổi chợ sớm mai đã lựa thừa chất mấy hàng dưa bầu đầu mùa.

Bông vạn thọ và dưa bầu là hai món hoa quả đặc biệt của mùa Tết ở miền này.

Ngày nhỏ, làm con nít ở Hà-tiên, chắc chỉ không từng kết cành hoa vạn thọ từng xâu dài để mà đeo vào cổ làm món trang điểm quê kệch của những cô gái nhà vườn; nhưng mà có lẽ Bán đã từng khoét dưa bầu làm đèn, đốt nến vào mà xách đi chơi chợ Đêm. Cái đêm chợ Đêm độc nhất trong năm vào ngày 29 tháng chạp.

Ngày nhỏ, cái thú vui của những ngày áp Tết là vớ hoa vạn thọ và lồng đèn quả dưa đỏ.

Mấy năm nay, đèn này hiếm quá, các bà mẹ trong gia đình mua được một đôi nến để mà đốt trên bàn thờ trong hạ ngày Tết còn khó khăn thì có đâu thừa thãi đến chế trẻ con chơi đèn dưa bầu nữa. Cho nên mặc dầu là « dưa bầu chất cao hơn nóc chợ » đi nữa, cái đêm chợ tối đẹp mà vui vẻ trong một năm người ta cũng vẫn không thấy bông một lồng đèn dưa nào.

Cứ như cái ngữ này mãi thì rồi cái ra bàn tay khéo léo thường của những bông hoa, đèn chữ gọt hình rồng rắn trên nền vỏ dưa xanh dòn ủa chiếc dưa ngâm

mướt cho mong trời sẽ trở nên vụng về mất thôi!

Đó là một nghề chơi phong nhã mất đi cũng đáng tiếc đấy, Bán à!

Đã nhiều năm rồi, có lẽ từ ngày thôi chơi kết vòng hoa, thì tôi không còn thấy bông vạn thọ là đẹp nữa. Cái thú hoa cảnh nhỏ lâu tàn, lá nhỏ lâu tàn có mùi thơm ngai ngái ấy không gọi cho tôi một hương vị gì, một hương cảm đẹp gì, về loài hoa thảo.

Nhìn những luống hoa vạn thọ sinh sống mạnh mẽ một lớp hoa vàng trải trên từng đám lá xanh xanh kia, tôi chỉ thấy cái cảm giác vui vui như khi nhìn một luống cải xanh hay một dãy củ cải trắng lấp trong vườn.

Nó gọi cái cảm tưởng khi nhìn vườn rau xanh mướt đầy sinh-tồn hơn là cái cảm tưởng rực rỡ yêu kiều khi nhìn vườn hoa thơm đẹp.

Không tìm thấy ở loài hoa đó cái thú chơi cao nhã của các bông hoa. Có lẽ tôi đã chịu cái ảnh hưởng này của cha tôi trong đôi câu đối tập cổ dán ở cổng sân nhà:
*Mạc hiềm lão phủ thu dung đạm
Đo hữu hoàng hoa văn tiết hương.*

Ngày Tết, không bao giờ cha tôi chơi hoa vạn thọ mà chỉ chơi toàn hoa mai.

Có lẽ chị Bán cũng còn nhớ mấy gốc mai vàng trước sân nhà đấy nhỉ! Những cây hoa đã cao

lớn ngang những cây cò - thụt đó, chính cha tôi đã đánh giồng ở trên núi Bính-sam mang về từ hồi còn là một chồi con mỏng mảnh.

Mỗi năm, cứ đến tới rằm tháng chạp là cha tôi lật sạch lá mai, còn lại những cành trơ. Đó là cái thuật giục hoa nở thịnh vào tới nửa tuần trăng sẽ tới.

Thế là vào khoảng thượng tuần tháng giêng, những gốc mai vàng, gốc nào gốc ấy trở hoa là hoa, những chùm hoa vàng mịn, cánh mỏng mảnh trĩu cành non.

Hoa tươi hương ngát quyến về biết bao nhiêu là ong, là bướm, mùi thơm của nhị hoa, tiếng động của loài ong bướm, màu vàng tươi của cánh hoa làm phấp phới tung bừng huyền ảo cả một vùng.

*Muốn cánh mai vàng muốn
cánh bướm
Tung bừng yến tiệc nào làng
hoa.*

Đó có lẽ là một chút tin xuân của chúa Đông hoàng gửi về cho trần giới.

Ấy mỗi năm tôi vẫn ăn rất với cái mùa xuân nho nhỏ ấy, chị Bào ạ!

Kể từ khi hoa đem nọ, cho đến khi thục khai rồi đến kỳ hành hạ: thì vừa hết tháng trọng xuân.

Hoa rụng trong khi cánh vừa đâm ló, lá non mơn mớn, mỏng nhẹ trên cành tơ, phấp phới lá rung, rơi bở sa rụng. Lá đã từng điểm trên nọ như bóng. Một cơn gió nhẹ là một trận mưa vàng. Mưa vàng ở trên cành mà vương rải xuống khắp nơi.

Chị Bào ạ! Mỗi lần nhìn trận

mưa hoa tôi đều buồn cười khi nghĩ đến chị Lã Ảnh ngày xưa. Hoa rụng đẹp như kia, nhìn không kịp chán, đất trải hoa như gấm dệt cau chi mà khước mà chôn. Ôi! thực là một chuyện vô-vấn không cùng, Bào nhỉ!

Thử nghĩ mọi vật ở đời này, khi sắp lìa đời có cái gì lìa đời một cách tốt lành đẹp mắt được như hoa không.

Hoa rụng là cả một bài thơ đẹp, chứ chưa chắc là vận thơ sâu đâu, Bào ạ!

Còn nên đọc câu:

*Gió bay linh lạc vườn thần thế
Như cúc, vàng rơi cánh tuổi thơ.*

của bài thơ thứ mười tôi đã gửi cho chị đó, chị nên nhận cái hình ảnh đẹp khi cánh rụng. Than ôi! tuổi thơ của ta nó không đến rồi là hư hoại, thì cái sự rơi rụng của nó càng thêm xinh xắn.

*Hoa sắp lìa cành gửi gió hương,
Lời chào vĩnh biệt với vườn
phương.*

câu thơ dịch kia bỏ lại không cùng có cái hình ảnh đẹp đó hay sao?

Hướng chi, sau trụi nhìn hoa hay là tả lại còn cái thú ngắm câu thơ!

Hoa lạc, gia đồng vị tảo,

Điều dề, sơn khách do miên,

Bào ạ! Bả có một bạn thơ từ cái xé xé kia vào làm khách nơi đây ngày năm trước, đề mà học thuật: lòng cảm thơ Đường nọ.

Nhưng mà khách vào đây thì lại vừa gặp lúc có người ngắm câu thơ:

*«Đã hết mùa trăng, đã hết
hoa...»*

chứ nên trăng không có đã đành, mà hoa cũng lại không có nốt,

mặc dầu là hoa rụng trên sân đất mà nhà khi lễ gia đồng chưa kịp quét.

Nghĩ mà tội nghiệp cho người bạn thơ «thiền lý vô duyên» của tôi.

Thật đấy, chị Bào ạ! Xuân năm ấy, vườn «mùa hương» không có mùa hoa. Rằm tháng chạp là tuần lật lá mai. Cha tôi mất đi đúng vào cái ngày đó. Mai không ra hoa vì vắng bàn tay săn sóc. Nhưng tôi cứ muốn nghĩ khác đi. Trước kia, một hai khi chị Sáu tôi vẫn giúp cha tôi lật lá mai, chứ tôi thì chưa từng ngắt một lá giọc-giã nào!

Năm nay hai bàn tay đó mất rồi, tôi ngần không cho ai làm công việc ấy. Nhất định để cho hoa cùng với tôi sống một mùa xuân tang tóc. Cành non lá mơn đẽ vì ai, cái hương thơm chiều xế của giếng hoa vàng kia còn vì ai mà ngào ngát.

Tôi không muốn hoa kia lại ở trong khi hai cột cổng nhà không có đôi liễn hồng đào:

*Vườn cõi màu thu dầu đã nhạt,
Hoa vàng cuối tiết vẫn thơm
thơ,*

Mấy người bạn xa về chơi với tôi trong cái Tết u buồn đó, khi trở về đất Sài còn, Lạ đã cố tình rủ tôi 'beo đề mong Tái rảnh' ba lệ tung bừng của dịp tội chợ kéo dài kia làm khuấy khuấy nỗi buồn từ biệt trong lòng tôi.

Nhưng mà Bào ạ! Ở đến đâu, khi mà lòng vẫn u buồn thì những cảnh ngựa xe rộn rịp của thị thành huyền ảo càng làm cho tôi thấy mình cô quạnh và đơn bieu

(Xem tiếp trang 26)

MỘT sớm chủ nhật, tôi về thăm một người bạn học cũ ở một làng xa trong những ngày gần tết. Học trò đã bắt đầu nghỉ và bạn tôi, cũng đang ngồi thư trên chiếc ghế gỗ với những nỗi băn khoăn trong buổi năm tàn.

Thoáng nhìn nét buồn hiện trên khuôn mặt tuần tú của người bạn trẻ, tôi bắt đầu thăm dò tâm sự người tôi triu mến:

— Trường đã đóng cửa chắc anh đang sửa soạn tết để đón xuân sang.

Bạn tôi như ngạc nhiên mà đáp lại sau một nụ cười mai mỉa:

— Ôi trời đất này ai còn dám nghĩ đến tết. Anh tưởng tôi sung sướng lắm sao! Thật không lúc nào bằng lúc này cái câu: « Ăn bữa hôm lo bữa mai » đối với tôi có một ý nghĩa sâu xa. Anh tính tiền kiếm thì có hạn mà mực sống dất dỏ hằng ngày cứ lên như diều. Ở Hà Nội gạo còn được mua giá chính phủ, chứ ở đây cứ vùn vụt mỗi ngày một cao. Một nôi gạo từ 6\$ lên tới 20\$ rồi nay tới gần 50\$ tức gần 350\$ một tạ. Ấy là dong từng nôi chứ ít tiền như tôi đi dong xỉ từng bữa tị tình ra họ bóp chết tôi trên 400\$ một tạ...

Tôi không ngạc nhiên về những điều bạn tôi vừa nói vì mực sống ở mọi chỗ đã quá ư dất dỏ, nhưng không muốn làm phiền lòng bạn, tôi vội ngắt lời:

— Chúng ta cố chịu đựng cho qua những ngày này.

Bạn tôi cãi lại:

— Anh bảo chịu cái gì! Sức người kiếm có hạn. Cứ bảo giới sinh voi giới sinh cỏ, như gia đình nhà tôi một mẹ già, một vợ đại với 7 mụn con thơ cả nhà 10 người, thật nói anh đừng cười, ba bốn tháng nay mỗi ngày chỉ có một bữa cơm một bữa cháo mà cũng không xong.

Tôi lựa lời để xoa dịu những ý nghĩ nhuốm vẻ bi quan của người bạn cũ:

— Anh cứ nói thế chứ làm gì mà đến nỗi cơ cực vậy!

Bằng những lời thành thật, bạn tôi quả quyết:

— Thật tình một bữa cũng không đủ cho các cháu và phải hạn chế chúng, hơn thì được ăn mỗi bữa, hai bát và bé thì một thôi! Lắm hôm chúng đòi ăn nữa mà tôi và nhà tôi hai người nhìn nhau phải bết để cho các cháu ăn thêm.

Sáng ăn chiều nhịn. Có hôm nhà tôi phải chôn cắm vào gạo để ăn no lâu. Mà ít gạo quá phải nấu cháo cả 2 bữa để mỗi người húp một bát cho đỡ đói lòng.

Tò mò, tôi liếc mắt vào nhà trong.

Thì ở đó loảng soảng, tôi đã thấy tiếng bát đĩa động. Trên một chiếc chiếu trải xuống đất ẩm ướt thấy lổ nhố 7 đứa trẻ nằm nhúc nhếch gầy còm ngồi cạnh một bà cụ già mắt lèm lếc và mặc một chiếc áo đơn rách trông thấy cả sương sườn.

Vợ bạn tôi vốn người cũ kỹ

HAI CẢNH

Tết chiến-tranh

PHẠM-MẠNH-PHAN

lại gặp trong cảnh túng thiếu nên lại thêm cũ kỹ!

Trên một mâm gỗ lù lù một chồng bát dĩa và cạnh năm đĩa tre, tôi nhìn thấy tất cả thức ăn chỉ là một đĩa muối ớt, một liên nước rau luộc xanh như lá cây và một đĩa rau muống dầy có ngọn!

Lũ trẻ hầu đòi quấy quần cạnh mâm và tranh nhau chỗ ngồi làm ấm ý cả căn nhà tranh lạnh lẽo.

— Hôm nào mẹ cũng mua rau luộc ăn chán lắm.

Một đứa trẻ khác càng oang: rầm nhà:

— Mẹ ơi! hai tháng nay con không được ăn thịt.

Vợ bạn tôi vội mắng gạt:

— Thì trong nhà này ai được miếng nào mà mày đòi!

Được chứng kiến cái cảnh nghèo túng của gia đình bạn, tôi như động lòng trắc ẩn.

Quay ra nhà ngoài, tôi hỏi bạn.

— Sao anh không kê chiếc phản vào nhà trong, để cụ và bác gái cùng các cháu ngồi xuống đất ở giá lạnh.

— Chẳng giấu gì anh, trước cũng có một chiếc phản nữa kê trong đó, nhưng tiền hết, củi dất

không mua được nhà tôi đã đem chôn ra đun.

Căn nhà còn một chiếc giường thì đêm cụ tôi và mấy cháu bé nằm. Còn chúng tôi thường giải chiếu xuống đất. Thụ rất nhưng cũng quen đi.

Tình cờ tôi nhìn vào chiếc bàn thờ lòng chông có một bài vị và một bát bình hương cùng hai lọ gạo, tôi hỏi:

— Anh ăn tết ở đâu?

— Đây chứ còn đâu! Kể ra tôi cũng đặc tội với gia tiên. Nhưng biết làm thế nào. Bộ tam sự và đôi câu đối của thầy tôi khi còn làm đường quan thừa để thờ tổ nhà tôi cũng đã đem « gửi tạm », ấy nói « gửi » cho nó sang, nhà ông Cuánh ở đầu làng để lấy ít tiền chi dụng! Thôi cần gì, tâm động quỷ thần chi, miễn nuôi sống cụ tôi và mấy cháu trong lúc này.

Hồi hạ giọng bằng những lời nhẹ nhẹ, bạn tôi âm thầm, gửi gắm niềm tâm sự:

— Anh ạ! làm lúc tôi sống đề tháng ngày trôi mà lạnh lùng không biết rằng mình đang sống! Tết sắp đến như nhắc nhở cho tôi hao niềm lưu quanh. Mà trước cảnh thiên hạ nô nức đón xuân sang lòng tôi âm thầm như phủ lên một đồng tro tàn. Nào đâu

có đám như ai « nhà linh linh quan » mà cuộc sống hằng ngày những gay go vất vả! Cơm áo đã nhiều phen hành hạ, nên tháng ngày những bận bịu vì kẻ mua sinh, không còn giờ phút rảnh để óc suy nghĩ tới văn chương chữ nghĩa.

Nhìn cảnh nghèo nhoe của bạn tôi với tìm lời an ủi, nhưng lúc từ giã chia tay tôi không khỏi nhớ tới hình ảnh bà cụ già ốm yếu run rẩy bấy trong mảnh áo rách với lũ con gầy còm ấy trong túp lều tranh của hạn.

Lòng tôi se lại và óc hẳn khoanh những tư tưởng không đầu.

Tết với dân chợ đen

Dưới ánh sáng mờ của đường phố, tôi lang thang trong đêm tối như một kẻ lãng du của « Hà Nội bán đêm ».

Gột giầy nên trên vỉa hè, tôi bỗng gặp một người quen ăn bận có vẻ sơ sài. Sau khi nhìn tôi, người ấy liền khẽ nói:

— Ông lại chơi đảng cuối phố có nhiều « cảnh đẹp » và các bà rất phật to lắm!

Đang lúc đi tìm tài liệu cho thiên phóng sự, tôi liền ứng ý mà hỏi lại:

— Ở đâu, anh thử dắt đi xem.

— Con thì không dám nói sai Ông cứ theo con. Nhưng Ông có giấy « sáng » không chứ?

— Anh nói dở, không có ai hỏi làm gì.

Tôi trả lời vậy để cho tên « yên tâm » kỷ tưởng tôi là một « con mòng » thực thụ. Vừa đi tôi vừa ban khoản về số tiền nhỏ tôi có trong ví chứ không làm gì có giấy tram như tôi đã nói.

Trước một căn nhà rộng dênh tấp hể, sau một tiếng gọi bằng một dấu hiệu riêng, cửa hé mở. Hai chúng tôi lèn gác hàng những bước nhẹ nhàng đón đến.

Dưới ánh đèn điện sáng trưng hơn hai chục người đang quây quần quanh một bàn bài, trước một bàn thờ trang hoàng long lẫy và nghi ngút khói hương.

Trong đám người đang chơi xuân ấy, tôi nhận thấy một thương gia có tiếng ở Hà thành, một chủ hiệu người khách, mấy bà trong đám thượng lưu vào bậc phú gia.

Một ông béo phịch vừa cười vừa nói:

— Chơi vui tết mà đánh nhỏ không thì!

Một người khác trả lời:

— Tùy quan bác.

Được tiề ông béo xướng lớn:

— Nước một vạn!

Một bà khác can ngăn:

— Nhiều quá!

— Nhiều gì mà nhiều, bà mới tậu hai đồn điền trên ba ngàn mẫu kia mà.

Bà kia sỉ diện:

— Thì theo!

Một ông bạn ăn chực phía tả tán thành:

— Mưa một bức ảnh tới hai vạn đồng còn được nữa là...

— À hề gì, đó là việc khác.

— Phải rồi, cũng như bà gì hôm nọ đã trả anh với một ông hàn một lạng hoa tới vạn rưỡi!

Một ông trẻ tuổi bạn nam phục cũng nói xen:

— Muối dổi gỗ, nước riêng với ông hai vạn này.

— Hai thì hai cần gì.

(Xem tiếp trang 28)

<https://tieuhan.hopto.org>

BẬT GẬP MÙA XUÂN

(Tiếp theo trang 23)

Cũng vào dịp đó, một buổi sáng tôi theo chân một người bạn đưa đường đến thăm một người bạn gái ở xã ở Sài Gòn vài cây số.

Trước khi đến «Tịch-mịch trang» của Bang-hải thu-thư, tôi đã phải từ con đường thẳng tắp nhựa mà rẽ vào con đường cát, qua nhiều xóm nhà lá nhà gạch chen nhau. Quẹo một con đường mòn, rồi lại quẹo một con đường mòn. Đường đi cát lút ngập giày. Bước trên đường này tôi thấy tôi đã cách biệt lâu xa lắm với các rặng rập ngựa xe ngoài những phố tôi vừa qua.

Quẹo rồi lại quẹo mà vẫn chưa dừng bước. Lúc ấy tôi nhớ đến cái bản vẽ chỉ đường của cô bạn gái về Hồ Đông tâm nọ. Tôi đã nhìn bản vẽ trong khi nhớ đến bức hình cái «đồng hồ giọt nước» của «đô thời». Cái ống dẫn nước từ bực cao xuống thấp, nó đều đều mà quẹo mãi về một chiều đó, sao mà nó giống cái cối vẽ con đường nhiều ngoặt này quá.

Chắc đây đã đến cánh sỏi mòn, người bạn đường trở cánh đồng cải then kia cho tôi mà trở về.

Bản vẽ! Không hiểu sao lúc ấy trên đồng tre đồng kín lòng tôi thấy có một cảm giác là lạ. Tôi tin rằng bên kia bức rào đây, cái chỗ «đại ẩn ẩn thanh thị» của cô bạn tôi phải có mộ. cái gì khác ngoài này lắm. Cửa biết bên trong là thế nào nhưng mà đã thấy vui.

Tôi rụt rè mà nắm sợi giây buộc. Rụt rè vì tôi ở tiếng khua sẽ đánh tan một cái gì ở trong không khí.

Có tiếng chó sủa và tiếng người ra mở cổng. Tôi mong đó là tiếng gót giày của bạn. Nhưng không chỉ là một cậu em út của Bang-hải. Cậu hổ ngõ thảo tôi trong tiếng chó sủa vang.

Tiếp đến tiếng «mãng chó vại vàng chào khách xa» của đại chủ nhân ông, một ông anh cả của cô bạn.

Tôi bước qua sân chang đều ánh nắng buổi sáng chầy dài những bóng cây cảnh lưa thưa.

Nhà rộng và vắng hẳn đi, thì ra người bạn gái, cô tiểu chủ nhân xinh xắn, đã vắng nhà cùng với hai đứa cháu về ỉn thừ ở một nơi có khí hậu của xứ lạnh.

Nội qua loa vài ba câu chuyện, vị chủ nhân sơ phở còn đang dở tiếp chiêu với một ông khách về môn học tiếng cổ á đông.

Vắng cô bạn, lòng tôi thấy buồn buồn như nhớ hai anh em nhỏ con của chủ nhân.

Thường mỗi bữa tôi đến chơi khi «O Bầy» còn đang dở bạn, thì các em tiếp tôi, thân mật mách chuyện như hai con chim con, nhất là cô em bé cò dôi con mắt tròn lông lánh con nháy.

Ở đây cũng có một cánh vườn, Bản a, vườn rộng cũng như khu vườn có cây xoài chua, và cây mận có mấy chòm phong lan của chị ở Hà-tiên. Vườn đây không xoài, không mận, nhưng có rất nhiều nhãn và đang được săn sóc, nên có vẻ phong quang.

Nghe có tiếng chim chóc, tôi lững thững ra vườn. Ở cuối cùng một góc rào tiếng chim rên-rã, trên cây vồng cao hoa đỏ đầy cành. Chắc Bản cũng nhớ loại cây vồng đồng mà ở đây người ta thường

gọi là «ngũ đồng», cũng như loại bản loại được mà đã có khi gọi là «thủy liễu» cho nên thơ đó nữa!

Những cánh hoa đỏ thắm dày, ông mở những tờ nhưng bị lehi có cánh xả xuống như xác pháo ymăn địa toàn hồng rải khắp gốc cây.

Chim nhiều cũng như hoa, tung bồng riu rít làm sáng rộn cả một góc trời. Ánh nắng ở đây như cũng lay hồng mà đỏ rực lên ở lòng hoa.

Lòng tôi trong một phút đã tạm quên nỗi hoài với tiếng chim kêu hoa nở mà nhẹ nhàng cùng Tạo vật.

Tôi lầm nhảm mấy câu thơ thuộc sẵn:

Mấy cái sáo trưa đang liếng giơ.

Nghìn bông hoa đỏ nở cảnh ngô

Muốn nhân ngồi đấy nghe chim hát

Non nước tình kia trót hẹn hò...

(Trưa-sa)

Rồi dấu không phải đang lúc nhàn nhưng mà vẫn lưu luyến bản hoàn không nở-rời các màu xuân tôi vừa bắt gặp.

Nhặt lấy một cánh hoa to, mở bút ghi vào mấy chữ: «Bật gập mùa xuân ở chốn này» rồi thả một chút thì xuân về cho nước hồ Đông.

Tiếng chủ nhân gọi vọng lên vì tìm khắp nhà không thấy có khách đàn.

Tôi trở vào với một bọc những cánh hoa chính ứng màu xuân. Chủ nhân không để ý đến những bông hoa thắm đang giấu cả một trời xuân ở góc vườn sau, vui vẻ khoe:

— Này, cái chị Tuyết này! Đã lâu, cây mai vàng không có một

hoa nào, thế mà sáng nay, ra sân thấy có mấy bông hoa vừa nở lại vừa có khách xa về chơi. Mới biết khách có duyên hơn chủ đó nhỏ!

Tôi nhón ra, mấy cánh mai vàng hơn hồ trên cành nỏ uốn éo trong chậu cây cảnh, con bướm vàng đang là bay lượn.

Hoa vàng bướm lượn, hoa đỏ chim kêu, nắng tươi sáng lạ, xuân ở sau vườn, xuân ở ngoài ngõ.

Ôi! Cả một mùa xuân đang nằm ở vườn này đó, chỉ Bản ạ! Thế mà bạn tôi lại còn đi tìm xuân ở chốn nào nữa! Bất tri xuân từ tại thủy gia!

Cái nguyên gặp nhau đề mà nói « văn thơ Rû-ri » từ bữa biệt nhau ở Nha-trang đành là phải rồi: *Bạn-hải quang về, Mộng-tuyệt đi*

*Trông theo ngảnh lại: núi xanh rì!
Núi xanh mây trắng đang lưa luyến
Mây núi như người cũng hợp ly.*

Than ôi! Mây trắng với núi xanh có lẽ đã nhiều phen sớm chiều tái hợp, mà cái câu thơ: « Chia tay bên dãy núi Rû-ri » của Bạn-hải, từ đó rồi vẫn chưa có một lần lại bắt tay nhau.

Mấy lời bạn:

... Đẳng đẳng bư thu bởi
một ngày

Đất Trú thành Sài trong
nháy mắt...

Than ôi! Đất Trú thành Sài đâu có là trong nháy mắt, thế mà phen này ai đề lẽ bạn ai đây!

Chủ-nhân-ông đưa ra một tập giấy xinh xắn và hảo;

— Nào chị vào đây mà đề mấy câu đề ghi cảm tưởng buổi đầu xuân này đi.

Bản ạ! Mực đen bôi lẹ, tài xưa Ban Tạ đâu đã dám ước mơ, mà chực dám bôi lem trang giấy trắng.

Tôi quẹo nói với chị, đây là gia-dinh của một ông Trương công-Nghệ đời nay đấy, chị ạ! Cái thế gia họ « Thủy dĩ » này vốn là một đạo gia phong lưu cao cách, xa xăm văn chương nào nức hơi hương đường-đệ.

Tập giấy này là một quyển thơ khai bút của gia đình đó, Bản ạ! Lúc bấy giờ là chưa đến tiết Thượng-nguyên, cho nên trong nhà bày biện hãy còn giữ nguyên màu Tết.

Tôi đồ từng trang, từng trang. Ôi! thực là một tập thơ tuyệt vời. Quyển thơ trải đã nhiều năm, mới tết lại một lần đem ra mà đề thơ khai bút.

Những lời thơ cổ kính của ông anh cả trong gia đình, những lời thơ bay bướm của ông thứ đệ, những ý xuân di-dễm của cô em, và những câu hứa hẹn của các cậu em bé.

Thú vị biết mấy, khi đọc những nét chữ ngây dại của em bé nhỏ nhất trong nhà! Từ năm bắt đầu cầm bút ghi mấy nét a b chưa ráp được vẫn cho đến khi viết được một câu mừng tuổi và hẹn sự cố gắng học hành. Có lẽ vài năm sau nữa cái nét chữ đó sẽ hết ngây dại, mà cũng sẽ cứng rồi đề mà viết nên những luyến điệu hảo từ, ngang tàng khí phách như cha, như chú.

Vừa cầm trước, có cả một bức họa « cá chép hoá con chim » đây là một trang khai bút của cô em đầu họạ-sĩ.

Tôi đã nói với Bản đây là gia-dinh của một ông Trương công-Nghệ, tại trong tập thơ khai bút này cái ý quảng đại của người lớn, lời tin tưởng của người nhỏ, trên

đôi yêu nhau, càng thấy rõ một hồn cổ của một đại gia thế phiệt, anh em chung chạ, đậm nét thư hương.

Đó là một trên báo, là một áng trong thiêng liêng lâm của một thế gia chưa chưa trên những lời thân mật mà rất trang trọng kình vi.

Đồ tập thơ của lòng thấy triền-miền niềm trân trọng. Ở đây Xuân đây Tết đủ như thế này mà chủ-nhân còn đòi chỉ ở người khách u buồn lòng không xuân thì ý Tết đâu còn vương. Hưởng chỉ cái chuyện đề thơ và h phạn, bởi họ đường hoa có lẽ còn có thể được chữ trên trang giấy thiêng liêng dài đặc của gia đình này dấu dăm mùi lem bằng ngòi bút róc rỏ xa lạ. Chủ nhân thực cũng khéo mĩ mình!

Tôi viết nhảm mấy câu trên những cánh hoa thắm nhạt ở sau vườn đề gởi lại chủ nhân:

Chim kêu vang ngõ

Hoa đỏ nở cành

Xuân đã có nhiều lần

Chủ nhân còn hãy chưa dành!

Mời khách nồng rượu,

Mời khách làm thơ

Khách là ai đó!

Là một « thi nhân » hờ!...

...
*Chẳng mai mà chẳng tuyết!
Hồi xuân, xuân được bao phần!*

Nội trong thư trải đầy ngồn những sách vở, tiếng chim kêu ngoài vườn vắng rì rít vọng vào.

Tôi nghĩ nếu hôm nay có Bạn-tải tiếp mình thì có lẽ chủ-nhân không phải đưa tập thơ ra đề cho khách, đồ dĩa lưu vi và g bêu. Được thưởng thức món văn chương quý báu này, âu đây cũng là một duyên « Tá-ông thất mĩ ».

*Bạch sa thủy trúc có thôn mộ
Trương lũng sai môn nhạt ánh
là.*

(Xem tiếp trang 47)

MỘT QUAN NIỆM...

(Tiếp theo trang 17)

nhấp nùo của bề mà có được là bao, chẳng qua như cái bọt, cái bèo, vật vờ trên mặt nước mà thôi! Đời, người kẻ có-bao lần nài gầy, trải qua bao nỗi khó khăn, mà muốn sự đều tại trời, mà đạo trời lại huyền-diệu tinh-vi, như cái máy xoay chuyển không ngừng, khi mở, khi đóng, thì đã là người ai mà có thể biết trước được cái thập ngoại-vật sau này ra sao?

Kìa thế-cực như in giấc mộng

Mấy huyền vi mở đóng khăn lường

Bền phận của mỗi người là phải lo gánh vác việc đời. Việc lớn hay nhỏ là tùy theo học-lực và tài-đức từng người; sự-nghiệp tuy có khác nhau, song cùng nhằm một mục-dịch là muốn mưu lợi chung cho xã-hội, cho nhân quần.

Trong vũ-trụ đã đánh phân-sự, mà ba vạn sáu nghìn ngày tằm thoát bao lâu. Trăm năm thân-thể, một giấc mơ màng đến khi hoa rụng, trăng tàn, nào hình hình, sắc sắc, nào lợi lợi, danh danh, cũng đều chôn chặt dưới ba thước đất.

Sương thay những kẻ sẽ được yên giấc ngàn thu cạnh tiên-nhân, dưới bóng cây thông vì vút đứng giữa trời! Lại thương thay những chúng-sinh đã cung đời mình cho đất nước mà hồn-phách không chỗ bằng y!

Nếu công-lệ đạo-hóa là sự chết cần cho sự sống, nếu đất nước do huyết nhục tài-hồi là một bản thể công cộng để những sinh vật theo nhau, lần lượt tiên-ma, không bao giờ

TẾT CHIẾN TRANH

(Tiếp theo trang 25)

Bà béo phục phịch ngồi giữa dục dề:

— Thôi đánh nốt chỗ trong tôi còn non vạn này là tiền lấy áo rét của nhà tôi, tiêu hết ông ấy kêu.

Một tiếng gọi:

— Bồi, mua bao thuốc lá.

Nói đoạn người ấy chula tờ giấy một trăm.

Năm phút sau, tên bồi, mang thuốc lá về với chỗ tiền lẻ.

— Thôi còn thừa cho anh

Tên bồi khúm núm:

— Con xin quan

Câu chuyện giữa các con bạc tuyên là « nghìn » với « vạn ».

Trong khi tôi đang mãi theo xem kết-quả ván nước về ai, thì sau một tiếng tống, mọi người đều quay lại và reo ồ:

— À, ông chủ hiệu đây rồi.

Đó là một ông bệu âu phục người trướng trạc và là một nhà đại kinh doanh có tiếng ở đây. Người ấy nói to cổ vẻ khoe khoang.

— Đây vừa lĩnh ở băng về có non hai mươi vạn đồng mang lại để biếu các quan bác.

ngừng, không bao giờ thôi cho đến khi thế-giới đồ xụp, nếu đời người là một con đường hoặc dài, hoặc ngắn để đưa đến cõi chết, nếu còn là dĩ-vãng, mất là tương-lai, nếu sống là gửi thác, là về, thì ta càng nên sống một đời hữu-ích và có ý-nghĩa để khỏi mạng tiếng là hư-sinh.

« Một năm được mấy lần Xuân,

Một ngày được mấy giờ Dân, ai ơi! »

Nhật-Nham TRINH-NHƯ-TÁU

Tôi ghé tai hỏi người đã đưa tôi tới cái « lỗ quý » thương lưu này:

— Ông ấy làm gì mà dư tiền thế?

Người kia sẽ trả lời:

— Ông không biết! Ông ta là chủm chợ đen đỏ. Các người ở đây đều chợ đen như ông ta nhưng không « mạnh » bằng. Lãi làm ông a, chấy này báo động luôn hàng chục lên cao ông ta « phát » hàng mấy trăm vạn! Ông tính cái gì ông ấy cũng tích trữ, mà có thứ mua một bán nghìn. Thật số giàu có khác, chứ trước chiến tranh ông ta có gì dân, bất quá vốn liếng đồ non vạn đồng là cùng, nay phải bứt, nhà hàng gầy

Lần đầu tiên tôi được chứng kiến cảnh bắt thương lưu ấy và tự biết không thể « đánh đu với tình » nên tôi khẽ bảo người đã đưa tôi đến theo tôi xuống thang gác và tìm cơ thoát thác họa một ngày khác.

Quay gót trở về, tôi vừa đi vừa ngẫm nghĩ về đồng tiền vì phũ phất nhân của họ. Tự nhiên tôi liên tưởng tới lòng tham không đáy của bao kẻ vô nhân đạo trước sự cơ cực và túng thiếu của bao gia đình trong lúc khó khăn này.

PHẠM-MẠNH-PHÂN

Cùng bạn đọc ở Nam-Kỳ

Mua báo giải hạn, đăng quảng-cáo, xin giao-toiếp do địa-chỉ:

Ô. NGUYỄN VĂN-AN

Đại-diện « Tri-Tân »

118 Phố Phước-Đông

Gia-định

HOA XUÂN

(Tiếp theo trang 13)

tội. Bàng-chúng là lời phê bình trong một quyển sách nọ: Người ta chê thơ cô Anh Thơ và thơ bà Vân Đài những chi chi đó... «văn hành công kù» ai nấy cứ tự tiện mà phê bình. Nhưng tiếc rằng người ta không nghĩ đến nỗi khổ tâm của phụ nữ Việt nam khi cầm đèn cây viết đề diễm tả thục của mình.

Nói tóm lại, hoàn cảnh gia đình và xã hội đã trở ngại vấn học của phụ nữ. Muốn cho văn học ấy được tiến triển, chúng ta cần phải cải-tố hoàn cảnh, nghĩa là phải giải quyết những vấn đề cơ bản như là phụ nữ sanh-huật, phụ nữ chức-nghệp, phụ nữ và hôn phối v.v... Thế thì một lần nữa nhắc lại Nguyên công Trứ, tôi khuyên rằng:

Xin ai đừng dỡ cộc phi ly
Trân trọng lấy hương trời cho trọn vẹn»

TINH-ĐẾ nữ sĩ

CÙNG CÁC BẠN ĐỌC

Chúng tôi xin trân trọng cảm tạ các bạn đã hưởng ứng cùng chúng tôi góp mặt trong số Xuân này.

Vì trang báo có hạn, nếu chúng tôi phải theo từ từ đăng các bài nhận được. Bạn nào không thấy bài đang ở số xuân xin lượng thứ.

Chúng tôi xin cảm ơn ông bạn Trịnh Văn đã vẽ giúp bla và các bản khắc.

Sau số này chúng tôi sẽ cho ra một tập :

« ĐẶC SAN ĐẦU NĂM »

trong đó sẽ có bài :

- | | |
|---|-------------------|
| 1) Tháp Bina sơn với Ngụy Đồ Chiêm | Trần huy Bá |
| 2) Ba Sương Nguyệt - Anh | Tổ Phang |
| 3) Ngày xuân xem bọ | Phạm mạnh Phan |
| 4) Vẻ đẹp xưa với lớp phụ nữ ở thế hệ trước | Trịnh Văn |
| 5) Tết Tây tạng | Nguyễn xuân Minh |
| 6) Tết ở Dalat | Trịnh như Nghệ |
| 7) Chuyền thơ Nam-kỳ | Trực Thuần |
| 8) Lãn - Sự Nguyễn thành-Ý | Khuông Việt |
| 9) Hội họa Việt-nam | Họa sỹ Ng. văn Ty |
| 10) Chuyện Hanoi | Nguyễn vạn An |

và nhiều bài khác của Ưng Hòe, Nhật-Nham v. v...

Nhân dịp Tết Ất Dậu

TUẦN BÁO THANH NGHỊ

ra một số đặc san nhân đề là :

VÀI VẤN-ĐỀ ĐÔNG-DƯƠNG

phát hành vào ngày 5 Février 1945

Đại khái có những mục và những bài :

I. -- VÀI VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ

- Đạo vị và tương lai nước ta
- Vấn đề đại diện chính trị
- Việc cai trị ở thôn quê

Vũ Văn Hiền
Phan Anh
Tân Phong

II. -- VÀI VẤN ĐỀ KINH TẾ VÀ TÀI CHÍNH

- Việc chấn hưng nông nghiệp ở xứ ta
- Vấn đề nước trong việc làm ruộng
- Nông dân mới trong nghề nông nước nhà
- Những căn bản của công cuộc kỹ-nghệ hóa Đông-dương
- Địa vị của tiền công nghệ trong nền kinh-tế tương lai
- Vấn đề gico-thông ở xã ta
- Vấn đề đồng tiền lương hảo ở Đông Dương

Tảo Hoài
Nguyễn X. Yêm
Thảo Am
Phan Mỹ
Đỗ Đức Dục
Ng. Thiệu Lân
Ng Ngọc Minh

III. -- VÀI VẤN ĐỀ XÃ HỘI

- Nam nhân mãn và việc di dân
- Mối liên quan giữa thanh niên

Vũ Đình Hòa

trí thức và dân quê

Đ. H.

- Sự tổ chức những giờ rảnh rỗi của binh dân
- Sắp đặt trẻ tuổi trẻ
- Phong trào Hương-đạo và thanh-niên nước ta
- Vấn đề ăn uống của người Việt-nam
- Bệnh sốt rét

Trọng Đờ
Hoàng Đạo Thủy
Ngô Bích-San
Ng. Đình Hào
Vũ Văn Cần

IV. -- VÀI VẤN ĐỀ GIÁO DỤC

- Việc xây dựng một nền giáo dục Việt-nam
- Một nền học binh dân
- Khả năng của phụ nữ

V. H.
Nguyễn Văn Tố
Bà Phan Anh

— VÀI VẤN ĐỀ VĂN HÓA

- Địa-vị văn hóa Trưng-quốc trong văn-hóa Việt-nam
- Địa-vị văn-hóa Ấn-độ trong văn-hóa Việt-nam
- Văn-học Việt-nam hiện đại
- Hội họa Việt-nam hiện tại và tương lai

Đặng Thái Mai
Đinh Gia Trích
Lê Huy Văn
Tô Ngọc Vân

NHỮNG XU HƯỚNG...

(Tiếp theo trang 19)

ngủ (!) Nào đã bắt đầu !.. Mơ còn phải tắm rửa cho cậu. Câu chuyện trái tai gai mắt ấy, một hôm ông Phán — chú của Thành — ở tỉnh về chơi, nhân nói chuyện với vợ Thành, phả bình một câu: « Thiếu người làm sao bác không muốn ? » (trang 65). Vâng, « ông Phán nói rất đúng, có lý nào chỉ vì thiếu người làm mà người ta rở óp thành vợ chồng, một đôi trai gái chênh lệch nhau bằng chục tuổi, có lý nào chỉ vì thiếu người làm mà một thằng bé tí tuổi chưa sạch đã có một cô vợ tới đến phải âm thầm đi ngủ ? » (tr. 66-67). Đến khi Thành nhón lên ăn học thì đổ ra làm quái, cưới vợ tỉnh, ông bà Chánh lại tìm kế cho Mơ « về » ! Mơ mắc bẫy của ông Chánh rập sẵn, sau một trận đòn nện thân, ra đi... Trước khi đi vào cá tương lại đây tám tuổi, Mơ còn đến thăm Trà — một bạn gái của nàng nay đã có chồng rồi. Trà vắng nhà. Mơ dắt thằng bé Minh-con của Trà đi xem một đám cưới trong đó vai chủ động lại là một cô dâu lớn tuổi hơn chồng như Mơ ngày xưa. « — Lại một cô Mơ nữa ! » (tr. 167), câu ấy ở miệng Trà buột thốt ra là một lời than thống thiết nhất mà tác giả dùng kết câu chuyện thương tâm xảy ra dưới *Bóng tre xanh*.

Rên cạnh cuốn tiểu thuyết ủa Kỳ Tâm, quyển *Nhà quê* (3) của Ngọc Giao cũng cùng một xu hướng. « Cuốn sách sẽ không là vắng nước bọt mưa như lâu nay Thái (tên một nhais vật) thấy rất nhiều ở chợ quán. Cuốn sách phải là xương máu những cuộc đời »

(tr. 265). Lẽ tất nhiên đây là những cuộc đời nhà quê mà Ngọc Giao muốn nói. Mấy năm nay, Ngọc Giao rời bỏ Hà Nội về ở nhà quê. Những khung cảnh đồng quê và cảnh đời dân quê, trước kia, Ngọc Giao đã thấm ròi rạo trong *Cố gái làng Sơn Hạ* (4), nay ông xếp đặt liễn lạc trong *Nhà quê*, với cái giọng văn mềm mọng đầy bình dung từ thi vị, — cái giọng văn cổ hủ hời nào của ông trên mặt tờ *Tiểu thuyết thứ bảy* mỗi tuần —, khiến ta không còn say mê đến cốt truyện bằng chủ trọng ở lối diễn tả của ông, mà ta thấy rất gần với lối diễn tả của Thạch Lam trong quyển tiểu thuyết viết về đồng quê: *Ngày mới* (Đời nay xuất bản). — Theo lời Ngọc Giao trong bức thư đề ngày 21 août 1944 gửi cho tôi, *Nhà quê* chỉ là tập nhất của một bộ trường giang tiểu thuyết về đồng quê của ông. Trong thư ấy ông viết: « Quan niệm về văn chương của tôi, người ta có thể nhận ở *Cố gái làng Sơn Hạ*, ở cuốn *Nhà quê* này và ở cuốn *Kêu gọi* sẽ in » Quan niệm văn chương của ông, xu hướng tiểu thuyết của ông, như lời ông, ta đã thấy rõ rệt ở cuốn *Nhà quê* lắm rồi.

Đến loại sách nghiêm trọng xuất bản ở xứ ta trong năm qua, ta phải công nhận rằng nhiều và bán chạy hơn loại nào cả thấy. Nhiều nhất là các sách giới thiệu học thuyết đông tây, trong đó các ngòi bút này hoạt động hơn hết: Nguyễn đình Thi với các quyển triết học Âu Tây của ông; Phan văn Hùm với quyển *Vương dương Minh* chứa đựng cái học thuyết nó, theo Auroousseau, là ngọn đèn

sáng nhất trong triết học sử cận đại của nước Tàu; Nguyễn bách Khoa với bộ *Nhau loại tiến hóa sử*; Nguyễn đức Quỳnh với bộ *Lịch sử thế giới*. Mỹ ý của hai họ Nguyễn sau cùng đáng khen, nhưng kết quả của việc làm họ theo đuổi vị tất đã thỏa mãn được lòng ham cần học của độc giả. Nhất là các sách của Nguyễn đức Quỳnh, trong đó tinh thần tổng hợp và khúc chiết xa vắng: người đọc có cảm giác như được xem vật đồng tải liễn diễn đi lại một cách nô lệ của các sách tây mà tác giả cố kết liễn lại bằng những nhát bay của một anh thợ hề vụng-về. Lòng cần học của độc giả năm rồi thật quá thịnh. Chẳng những háo kỳ trước các sách giới thiệu triết học Âu Tây, người ta lại còn yêu mến triết học Đông phương nữa: bộ sách mới về *Vương Dương Minh* của Phan văn Hùm được hoan nghênh đã dành, cả đến bộ *Nho giáo* của Trần trọng Kim tái bản cũng được độc giả đua nhau mua đọc một cách sốt sắng.

Loại sách nghiêm trọng được hoan nghênh kể đó trong năm rồi là những quyển viết về hạng thanh niên từ 20 đến 30 tuổi: *Một nền giáo dục Việt nam mới* (tái bản) của Thái Pal, *Con đường mới của thanh niên của Vũ ngọc Phan*, *Sức sống của dân Việt-nam* của Đặng ngọc Tôt, *Trại nước Nam làm gì?* của Hoàng đạo Thủy.

Mê thích nhất là đối với những quyển dịch các áng danh văn ngoại quốc: Nương Tống dịch được hầu hết lục tài tử của Tàu; Huyền bà dịch tiểu thuyết của Somerset Maugham (*Bức màn sơn*); Vũ ngọc Phan dịch tiểu

thuyết của Léon Tolstôï (An-na Kha-lô-nôp).

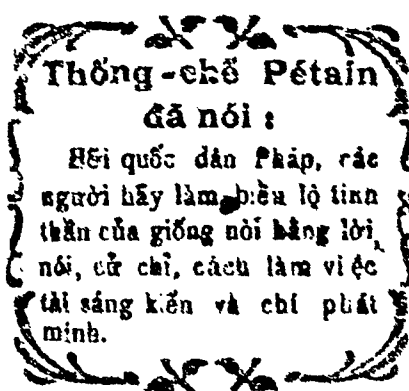
Thứ nữa, loại phê bình văn học cũng được hoàn thành trong năm qua: *Văn học và triết luận của bà Mộng Sơn, Khổng giáo với ó. Đạo duy Anh của Nguyễn uyên Diễm, Nhà văn hiện đại của Vũ ngọc Phan, Nguyễn công Trứ của Nguyễn Bách Khoa. Quyền sau này rất được giới trí-thức chú ý. Chú ý không phải vì nó hoàn toàn, mà vì những nguyên thuyết và tinh thần khoa học gì, đối của tác giả nó.*

Năm 1928, giáo sư Lê Thuởc cho in một bộ sách biên tập về thân thể sự nghiệp Nguyễn công Trứ. Lô quân sưu tập được đầy đủ về văn thơ Nguyễn công Trứ. Đó là một đồng tài liệu quý giá cho Nguyễn Bách Khoa gần đây dùng viết tác phẩm mình. Núp dưới ngọn cờ duy vật biện chứng pháp, ông Bách khoa chứng tỏ rằng:

« Một cá nhân dù xuất chúng đến đâu, cũng vẫn chỉ là sản vật của đẳng cấp, của thời đại.

« Tâm lý và tư tưởng của cá nhân phản chiếu rất trung thành tâm lý và tư tưởng của đẳng cấp — nghĩa là luôn luôn chưa đứng mâu thuẫn bởi vì một đẳng cấp, trong khi tranh đấu với đẳng cấp thù địch, luôn luôn bị hãm vào thế biến hóa ».

Phương pháp khoa học, không ai phản đối cả. Nhưng phương pháp khoa học mà ông Bách Khoa tôn thờ trong *Nguyễn công Trứ*, ai cũng phản đối. Tác giả N. C. T. lấy óe khoa học giả dối của mình đoán rằng vua Quang Trung bị bọn sĩ phiệt quan liêu thời ấy mưu sát chính thật, theo tài liệu



trong sử chữ nôm (*Đại Nam chính biên liệt truyện* sơ tập quyển 30, tờ 42), thì vua Quang Trung thắng hà vi chúng bướng vụn là một chứng bệnh do sự thiếu máu làm suy yếu bộ thần kinh. Bà Hoa Bằng, tác giả bộ *Quang Trung* (I và II), trên tạp chí *Trí Tân* (số 144, ngày 1er Mai 1914) đã có viết một bài nói rõ cái chết về chứng bệnh ấy của vua Quang Trung Ông Bách Khoa lại có cái tật là hay phóng bút trong khi hành văn. Nắm một câu của Trần trọng Kim trong *Việt-nam sử lược* chép về việc Lý Cầm xin cho người Giao-chỉ thi đỗ được làm quan như người Tàu: « Có người Giao chỉ tên là Lý Cầm làm lính túc-vệ hầu vua ở trong điện, rồi mấy người bản xứ ra phục xuống sân mà kêu cầu tâu kiến thiết », ông Bách Khoa bèn không tiếc lời sĩ mắng rằng: « Đó là nguyện vọng thấp bèn, thái độ quy lụy có tánh cách nô lệ » (N. C. T. trang 84). Chử như thế kẻ cũng có quá đáng. Đến như câu chuyện bịa đặt này trong quyển *Nguyễn Du và truyện Kiều* (Hàn Thuyên xuất bản 1943) của Bách Khoa, thì không thể tha thứ được. Trong sách ấy, nơi đoạn nói về Nguyễn Du viết bài thơ Chiêu Hồn, Bách Khoa táo bạo viết: « Ta có thể

tin rằng viết xong bài thơ ghê sợ ấy, thì nhân đến ngột thở, đến ra tuôn giòng lệ, đến nằm vật xuống giường mệt lả đi. »

Mỗi đến cuối năm rồi, văn học Việt-nam hãy còn phân vân giữa hai xu hướng: một ngả hẳn về bên nào giữa hai loại văn: sáng tác và bện khảo? Có lẽ cho văn sáng tác đã hết thời, loại bện khảo ngày một vững thành thế, có lẽ bão sau chiến tranh loại văn sáng tác chắc có cơ hưng phục. Tôi thì tôi cũng nghĩ với ông Phan văn Hùm rằng: « Lấy thí dụ mà nói, thời sách khảo cứu, cũng đứng ngang hàng với sách tư tưởng (ouvrages d'esprit) vì như gốc rễ ăn ngầm dưới đất, mà văn chương thuần túy (như thi ca và tiểu thuyết) là những cành hoa đâm rực rỡ ở trên. Nay nhờ nó » (*Trí Tân* số 137, 4 avril 44).

Giữa các nhà văn bút trong năm qua, có sự hiểu lầm, lẫn lộn nhau nó thường đưa đến những xu hướng thấp kém: bắt chước một cách vô lý. Một nhà văn dịch thuật một cuốn sách do thấy về học thuyết Freud. Sách đó ra đời. Một nhà văn bút khác cũng có viết một cuốn sách về Freud nhưng chưa kịp in ra: Thế là có cuộc bắt chước lỗi thời! Ở xứ người, về một vấn đề, có biết bao nhiêu người viết sách cho in ra. Độc giả vẫn mua đọc tất cả sách của bao nhiêu người đó. Một vấn đề được nhiều nhà văn đề cập đến, thế là may cho văn học xứ sở. Sao lại muốn một vấn đề chỉ được một nhà văn nói đến thôi?

(3) *Bách Việt* xuất bản 1944.

(4) *Một tập truyện ngắn, Tân Dân* xuất bản 1942.

Trong năm qua, có một số tác giả và bình giả cũng có sự hiểu lầm nhau, tưởng nay cần phải phá tan ngay cái bầu không khí nặng nề ấy.

Corneille khuyên Racine không nên viết kịch, bảo rằng kịch không phải địa hạt của Racine. Ba mươi năm trước, chính Corneille đã lãnh của Hardy những lời khuyên ấy. Có một giao ước ời ta không ưa văn Chateaubriand và thích Flaubert. Rồi cũng có một giao người ta hoan nghênh văn Chateaubriand, chê văn Flaubert Anatole France ban đầu bị coi thường, kể được Hàn lâm viện Thụy điển cho là danh sĩ rồi lại bị bọn siêu tả chân (surréalistes) mặt sát. Musset vô danh năm 1850, được thanh niên hoan nghênh dưới chân thể Đế chế, rồi bị phái tượng trưng (Symbolisme) và phái Tai sơn (Parnasse) cho là thị sĩ tồi, kể lại được hoan nghênh trở lại sau trận Âu chiến 1914-18 (5). Xem đó, ta đủ rõ: dẫu khen hay chê, dẫu phê bình xác đáng hay lầm lẫn nhà phê bình bao giờ cũng dự phần vào công việc gây thêm tư trào vào nghệ những tác phẩm, tạo nên bất tử những danh hiệu của văn nhân thi sĩ đất nước. Một tác giả không bằng lòng nà phê bình

Đón coi:

Tập phụ trương của Tri Tân số 178

« **ĐỘI ĐẤT ĐƯỢC VỢ** »

của Tiểu Đàm

NGUYỄN TƯỜNG PHƯỢNG

nói bất lợi cho tác phẩm ông ta Nhưng ông ta còn buồn tủi gấp mấy, nếu trọn đời văn của mình, ông ta không được nhà phê bình nào đã động tới cả.

Mỗi thể bệ đều mang đến cho nhân loại một kho vàng mới. Nhà phê bình, trước sự gia, có sứ mạng nhất các khối vàng trong kho ấy, sắp đặt lại cho có thứ tự và tuyên bố lên cho mọi người đều hay biết.

Tác giả và nhà phê bình đều là tay sai của một linh thần mà nhân loại sáng tạo ra và vĩ đại hơn nhân loại. Linh-thần ấy có một ngôi đền ở xa khơi, trên sáu trăm đại dương của tư tưởng. Đi tìm ngôi đền ấy, tác giả và bình giả đồng dự vào một cuộc hải trình. Có lẽ bảo nhà phê bình là thuyền trưởng trong cuộc đi xa đầy hiểm tượng ấy. Không đâu! Bình giả làm gì được địa vị vẻ vang của viên thuyền trưởng trên một con tàu. Bình giả chỉ là một trong những kẻ được dự vào và được quan sát kỹ cuộc hải trình kia thôi. (6)

... Bao nhiêu số mạng xô đẩy con tàu chở tác giả và bình giả. Vậy: là nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình, chúng ta không nên vì một lẽ gì mà hằn học nhau, song phải cùng nhau cam chịu những số mạng xô đẩy con tàu, cuối cùng ta đến ngôi đền linh thiêng phụng thờ tình thần nhân loại!...

KIỀU-THANH-QUẾ

Au-ngãi, novembre 44

(5), (6) Các ví dụ này đều kể theo Henry Bidon; xem tạp chí *Confé-rencia* số 1, ngày 15-12-33.

Một cô diếc và cạm (Tiếp theo trang 9)

« Elle a la nostalgie d'un ap-pui viril. »

Tôi biết tìm đầu trong ngôn ngữ nghèo nàn của tôi cho ra lời để dịch câu văn thục nhất, như để khắc vào đá trịnh, mà tình từ băng khuâng man mác! Ngùi ngùi mong bóng tùng quân (4)...

Bóng tùng e thẹn che thân tại đẳng.

Mười hai năm qua rồi, từ khi cô Lavaud đỗ Tiến sĩ. Không biết cô có khỏi chẳng cái cảnh lẻ loi của Lenéru?

Lúc cô trong quãng đường Louis Liard bước ra dưới lán chớp nháng của những ô ảnh, phóng viên các báo đón hỏi cô về chức nghiệp tương lai. Cô có ước nguyện làm quản lý đồ tư quán (*bibliothécaire*).

Hay là bấy lâu nguyên về phần trí thức của cô đã thỏa, mà cô mãi chịu dè cho bụi sách cũ, giấy vàng, mờ phủ nguyên về tình cảm.

Mà thôi. Đây tôi không phải vì cô mà thuật chuyện về cô. Tôi chỉ muốn giới thiệu cho đồng chúng tôi một cái gương kiên nhẫn làm việc, đề tự nâng cao, đề chống với hỏa cánh, với số phận.

Trời nếu thấp bề mà nông, ta vầy vùng theo phạm vi hẹp. Cảnh trùng, gan chột, chín vạn bằng chưa kịp, rồi sẽ lần theo.

PHẠM VĂN HÙM

4) Tôi xin dịch gượng như thế.

Truyện ngắn

ĐÔI TRÀ BẠCH

Tặng Hoa-Bằng và cây lập mai của bạn

GIẢN-CHI

... Tuy nhiên, cho tới nay, cứ mỗi lần năm hết, khi mọi người nô nức đi mua hoa mua cây để đón xuân, chơi Tết, là một lần tôi lại nhớ tới cô Thuần, nghĩ đến một đôi trà khô, và lòng lại vấn vương hoài với câu chuyện cũ, một câu chuyện có thể nói được là không thành chuyện, nhưng, thực ra, đã làm tổn thương lòng tin của tôi nhiều lắm, ngay từ khi tôi sắp sửa vào đời.

Không nhớ rõ năm ấy tôi bao nhiêu tuổi, chúng cũng chỉ mười sáu, mười bảy là cùng. Và đang theo học ở trường Bảo-hộ-Tướng cần nhắc lại với anh rằng, lúc nhỏ tuổi, tôi thực thà ngờ nghệch lắm, và phải cái tội hay mơ mộng viễn vông.

Tôi trọ trong làng Y-Ph. Chủ nhà tôi — Ông Hai — thích chơi cảnh và sành nghề trồng cây. Vườn của ông, — nói là sân cho đồng hơn — thực là nơi hội họp của vô số cây cối hoa quý.

Tính ông thủ thỉ; tôi thì tò mò. Cho nên những lúc tôi rỗi, ông hay dẫn giảng cho tôi về cây, về hoa.

— Đây là thủy-tùng. .

— Chậu này là Đại-mặc. .

— Lập-mai hương rất thanh. .

— Đại-diệp-kim-biên thì mép lá nào cũng viền vàng, sắc hoa hơi nhạt hơn hoa lý. . . .

Có khi ông lại còn đọc cho tôi nghe cả thơ — vì ông là một nhà

cũ, sành thơ, vả lại biết tôi cũng vẹt vẹt mười tám chữ Hán — những câu thơ vịnh hoa nho nhỏ, mà tôi còn nhớ mãi đến bây giờ.

Như vịnh mai, thì cổ câu:

*Nhất chi xang phá sơn gia tiền nguyệt
Bất đáo La-phù mộng diệp hương (1)*

đề cúc thì:

*Thu hoa bất tử xuân hoa lạc
Bảo đạo thi ông từ-tử ngắm (2)*

với thủy-tên thì:

*Sắc nước tỏ mờ xuân mảy độ
Mộng trần đón kếp nguyệt ba canh.*

Công việc đoàn-siêu dễ mặc bà Hai với nghề nhuộm giấy, suốt ngày ông chỉ hất rung đùi ngắm thơ, vuốt râu nhìn khói thuốc, lại thần thơ bên vài hòn ngọc-bộ, mấy lồi đồn ngộ. O! nếu quả « danh lợi bất như nhàn », thì, anh ạ, ông Hai thực là người sướng hơn ai hết. Hết ngày ấy sang ngày khác, vượt mọi lan! lả lả san! đến uốn lộc-vòng! Anh có thể quan niệm đó là một hình thức của Hạnh-phúc được không? Nhưng lúc bấy giờ, tôi thấy cách tiêu khiển của ông Hai có đầy hứng-thú: tôi muốn cũng được, luôn luôn như ông, nhẹ nhàng tan vào hương lan, im lìm bay theo tiếng yến, chơi-vơi lượn lội với lũ cá vàng. . .

Sau hơn một năm trọ, tôi nhận ra rằng tôi đã lấy ông chủ nhà cái thói yếu cây, mê hoa. Và cái thích giồng giọt khi tôi mới lên chín, lên mười — ương bự mè vào ống tre, giâm mặt củ rau bên vệ ao — lại trở lại cùng tôi với một hồng bột mới.

Thứ năm, chủ nhật, ngoài trời giờ ôn bài cũ, làm nốt bài mới, tôi với mấy anh Q. S. — các anh ấy trọ nhà bên cạnh và cùng một sở thích với tôi — chúng tôi thì nhau đắp những ngọn giả sơn xinh xắn bằng đất thịt lã ở vệ hồ, luồn quần loanh quanh với những thổ núi « tam-thai », kiêu cây « ngũ phúc ». Anh cười! Không, anh đừng cho chúng tôi là kỳ quặc. Anh cũng nhớ rằng độ ấy, để giải trí trong những ngày nghỉ, chúng ta đã làm gì có cái thú đá bóng, cắm trại, vào « cine », như bây giờ? Chúng tôi lấy làm dĩ-y tâm lắm, mỗi khi tò mò tới được, hoặc nhận thấy, rồi mách lại cho nhau hay, những ngón hí truyền của nhà giồng cây; chẳng hạn như: làm thế nào cho hoa đào nở đúng cỡ, làm thế nào cho quất chín năm ngày, v. v. Nhưng mà thú nhất vẫn là những phút, dưới trăng mờ trong sân cảnh hay bên ngọn đèn dầu leo lét trong gian nhà nhỏ u tịch bên hồ, chúng tôi sớm lại nghe ông Hai kể cho nghe những chuyện dĩ dĩ kỳ kỳ về những cây mẫu-tơn, lộc-thạch ở Thượng-thanh-cung của chàng Hoàng-sinh, hay về những cây liễu, cây đào, lâu năm thành tinh, hiện hình đi lại với chàng Hà-Nhân ở Khúc-giang nào đó. Mà sao ông Hai biết lắm những chuyện ấy thế, khiến cho

(Xem tiếp trang 56)

(1) Một cảnh vườn ra, làm cho ánh trăng trước cửa sổ. Chỉ mộng, chứ không cần phải đến tận cổng La-phù cũng phảng-phất được hương mai.

(2) Hoa cúc là thứ hoa mùa thu không rụng như các hoa ở mùa xuân đầu. Xin nhắc thi ông có ngắm-vịnh về các thi nên kỹ-càng, trịnh trọng.

Năm ấy, ở Pháp...

Ký ức của LÊ-VĂN-NGON

Leng-keng! Leng-keng!...

Tiếng chuông vang ngoài ngõ! Đường lum-kium bắt ốc trong đám cải non còn ướt hơi sương, tôi vội vàng kéo guốc chạy ra tiếp khách. Ké! Cánh cửa sắt nặng nề mới vừa hé ra thì một giọng nói ồ-ồ, từ bên ngoài tràn vào: « Bánh mì, đây! » Tôi đón lấy năm ổ bánh to-tướng hình tròn và ở giữa có chữ lỗ trống để xâu cho dễ. Tiếng giày cộp cộp theo chiếc xe sang qua nhà khác.

Bữa nay, chủ bán bánh mì tới sớm quá nên trong nhà aiấy đều đi vắng cả chỉ còn lại một mình tôi. Mỗi tuần, chủ đem phát bánh mì có hai lần, mỗi lần đủ ăn ba bốn bữa, vì đây là nơi nhà quê đặc-biệt, ở giữa núi non đông cổ, xa thành-thị hơn 45 cây số ngàn, không có lò bánh mì mà cũng không có chợ búa chi cả; năm mười ngày, bà chủ nhà mới đi xuống làng mua đồ vật dụng một lần. Rau, cải, cây trái thì ngoài vườn có sẵn, gà thỏ thì trong chuồng rất nhiều. Thành-thoảng, mấy nhà ở chung vùng giết một con bê hoặc một con heo hoặc một con trâu (chú) rồi chia thịt với nhau.

Cuộc đời sống giản-đơn nhưng đầy-dủ, xa nhưng sự thêm vào vô-lợi của văn-minh vật-chất, đã đem lại cho họ một thân tình lực lượng, một tâm-lạc cao-khí, đẹp đẽ như rừng thông sừng sững giữa

trời, như đám hoa vàng tươi bên mé rừng xanh mịt. Hạnh phúc của họ còn là cảnh gia-đình êm-ái, còn là non cao vời-vợi, đồng rộng mênh-mông, còn là đám bò mà họ nhận sữa mỗi ngày, còn là hầy gà mà họ thu ăn mỗi sáng.

Vì quanh năm ở mãi giữa thành-thị náo-nhiệt như Lyon, nên mỗi khi họ đến là tôi thấy cơ-thể khao-khát nơi-trời trong sạch của đồng quê và sự yên-lặng của chân núi rừng tịch-mịch.

Năm nay, nhờ một người bạn thân giới-thiệu, tôi làm quen được với gia-đình này và được ở tại nhà họ hơn ba tháng. Đường đi thật là trắc-trờ, phải đổi xe-lửa ba lần, rồi còn phải đi xe hơi, độ hơn hai mươi cây số.

Tôi không quên được lúc tôi tới rang chuông ở nhà này lần đầu. Mà quên sao được cái giọng ấy? Cánh cửa vừa mở, một cô gái đã hiện ra với một nụ cười tươi tắn. Khi thấy tôi, nụ cười ấy bỗng nhiên bay mất, rồi cặp môi mím lại với dáng ngược-ngửa hồ-ngờ vô cùng. Biết cô ngạc-nhiên vì mặt mũi của tôi, một giống người mà cô chưa từng gặp, và chắc rằng nếu dễ sự ngạc-nhiên ấy kéo dài thì cuộc ngủ-lê của tôi sẽ hỏng mất, nên không cần chờ, tôi « lấy lòng » đi lên:

— Chào cô, đây phải là nhà của ông Martin không?

— Phải.

— Tôi là Thành, ở Lyon lại đang ở tạm tại nhà cô đây.

Đầu không nên nổi sự ngỡ-ngàng, cô ta cũng ráng đưa ra một nụ cười « xã giao » rồi tho-thẻ:

— Mời ông vào.

Đã thắng được « nước cờ đầu », tôi tạm đi nước « chiếu », tôi « chính phục » cô ngay. Tôi « tia-lia » không ngớt miệng:

— « Ô chà, con bò mập quá — lông con gà trống mượt ghê ở đây thật mát, thấy khỏe-khoắn lắm — Ô kia, đám xà-lách tươi quá, có trồng được bao lâu rồi đó?... »

Sự nói cười dôm-dã của tôi thỉnh-không biến mất. Một con chó to-tướng ở đầu chạy lại vỗ sủa nhả hai hàm răng chom chom như răng trên hàm cá mập treo trước cửa một nhà giàu ở tỉnh-lỵ Bến tre tôi. Thiếu chút nữa, tôi quăng va-li « phóng nước đại ».

— Dick, có nói không?

Dick ta liền le lưỡi, ngoắt đuôi lia, tỏ đầu phục tùng cô chủ.

Kể từ ngày đó, tôi là người nhà của gia-quyển Martin.

Ông và bà chủ nhà đều là người đã đứng tuổi, tánh-tình hiền-hạ và chỉ có một mụn con,

tức là cô Jeanne, người đã mở cửa cho tôi vào. Với tánh-tình liến-thoảng, vui vẻ của tuổi hai mươi, ngay bữa đầu tôi đã chiếm được lòng của cả ba người, rồi lần lần họ coi tôi như thân-thuộc. Lắm khi vì công việc đồng áng liên-miên, họ bỏ nhà cho tôi coi như ngày tôi lấy bánh.

Những giờ phút êm-ấm, những chuỗi ngày thân-mật sống trong gia-dinh này, bao giờ mà tôi quên được. Sáng ra, khi tiếng chim vừa lừng-lu trên nhánh, khi ánh nắng-quang vừa lọt qua khe cửa phòng tôi, thì tôi đã tung mền nhảy phóc ra cửa sổ, lại rửa mặt nơi phoáng-tên giữa hầy gà đương kiếm ăn trên đám cỏ. Tuy trời còn sớm, nhưng cả nhà đã ra vườn làm lụng rồi. Kể độ ai nấy hiệp lại ăn điểm-tâm: một khoai bánh mì đã hơi cứng, một bát dill, một khoai bơ lại một tô cà-phê sữa lớn. Rồi ai lo phận nấy: ông dắt ngựa ra đồng cấy ruộng; bà coi sóc rau cải, cây cối, bông hoa; cô Jeanne xách nước đi thăm thổ, thăm gà.

Muốn nhà-quê một cách hoàn toàn, tôi vụng về mang đôi guốc cây nặng-nề và thô-kệch. Nó cứng và khó mang làm sao! Phía trên nó bao trùm hết-cẳng. Ai quen mang giày da tốt — như người thành thị chẳng hạn — thì chỉ có nước kéo lê nó mà thôi, vì nó đã quá cứng, lại quá nặng, mang đau chơn lắm. Tôi phải dồn rơm vào trong cho êm rồi đi lệt-bệt khiến

ai nấy phải mỉm cười, tôi ra vườn kiếm sâu, bắt ốc.

Tôi nhớ những lúc cùng nhau lên núi hái nho, đất theo hai con lữa mà hai bên hông dính hai cái giỏ lớn. Tôi dò tha hồ mà ăn nho, chùm nào, chùm nấy sai trĩu-trịt. Rồi cùng dân một giỏ ngon lành dưới gốc thông xanh-xắn.

Tôi nhớ những lúc cùng cô Jeanne đem bò ra nặn sữa. Tôi bắt chước cũng đưa lên tri xuống nhưng chẳng làm nhỏ ra được một giọt nào! Cô bật cười:

— Phải làm như vậy nè!

Rồi cô nắm lấy tay tôi mà tập cho nó cái nghệ-thuật « làm cho ra sữa ». Rồi mỗi khi đem bò ra là một dịp cho chúng tôi cười phá nhau kịch liệt.

Một hạn thân khác của tôi lúc này là con chó Dick hết mực khôn-ngan. Mỗi lần thấy tôi là ngoắt đuôi, là chồm, là mọp, là mon-trón, là kẻ sai cợ vế. Hễ vắng nó là tôi thấy hơi buồn, nên thường bữa, tôi ra đồng. . . chầy bỏ cũng nó.

Nói là cùng nó, chứ thật ra chỉ có nó là làm tất cả phận-sự, còn tôi chỉ đến đó dạng « dự-kiến » mà thôi. Cơm trưa rồi, ông Martin mở cổng, đeo vào cổ mỗi con bò một cái lục-lạc nhạc rồi lùa hết ra ngoài Dick chạy theo sau. Hễ con nào sai sai đường thì nó chạy theo sữa hay cần cẳng, bắt đi trở lại nhập đoàn. Thỉnh-thoảng, nó đứng lại, le lưỡi thò-lè dòm coi tôi có theo kịp chẳng, nó cố ý đợi tôi cùng đi cho dễ hạn. Với thườn núi,

kò tha-hồ đi đâu thì đi mà kiếm cỏ. Trong khi tôi núp dưới bóng cây đọc sách hay nhìn xem cảnh-vật, Dick ngồi một bên, hai chơn trước bụng đứng, mắt chăm-chăm ngó chỗ bò ăn. Khi chạy qua, khi chạy lại, khi nhìn thấy con bò nào vì ham đám cỏ non mà ra khỏi địa-phận thì Dick chạy lại sửa và cần giò. Nhờ có lục-lạc nơi cổ nên bò nào có đi ra chỗ dễ tìm, dễ kiếm.

Chiều đến, một tiếng tu-tít lớt dài từ trên nhà ông Martin đưa xuống. Dick lang-xang chạy cùng, văng vẳng lên giọng sữa. Tiếng lục-lạc càng lúc càng gần, bò lần-lần gom lại. Dòm qua một lượt, Dick đã biết đủ hay chưa; nếu còn thiếu thì nó chạy đi kiếm sữa. Rồi một con bò dục đi đầu, dẫn cả đàn về trại. Tôi ngó, nên cửa còn đóng thì Dick sửa to cào mạnh. Đó là phận-sự hàng ngày mà con vật trung-thành và thông minh ấy tròn-tròn thi hành một cách không sai-chạy, chẳng hề chênh-mảng chút nào.

Ồ! ngày nay nhắc lại con thú dễ thương ấy, tôi lưỡng những bâng-khởi! Tôi còn nhớ: lông đen mượt như huyền, hai tai cao và nhọn luôn luôn cử-động như dương-nghe một tiếng gì, bốn nhuợng chơn nhỏ, nhờ đó mà nó chạy rất mau, cặp mắt long-lanh như hiểu biết, đuôi dài tuấn thướt hễ thấy tôi là ngoắt lẹ-lẹ không ngừng. Mỗi khi nó làm việc chỉ quây, bị tôi rầy thì nó mọp xuống rồi rón rén bỏ đi hay chồm-chạm nước từ bước một lại gần mà liếm tay tôi. Dick đã thương tôi, triu-mến tôi, văng lờ tôi muốn làm vui lòng tôi mãi-mãi.

(Xem tiếp trang 47)

ĐÔI TRÀ BẠCH

(Tiếp theo trang 33)

cái thế gọi huyền ảo của những Gráng-Tuyết, Hương-Ngọc cứ âm ảnh chúng tôi hoài.

Một hôm kể xong một câu chuyện, ông trầm ngâm một lúc, rồi nói tiếp:

— « Từ ngày bắt trồng cây, chơi hoa, có một lần tôi hơi lấy làm lạ: xưa nay tôi mát tay lắm, những cây chính tôi giồng không « phi » bao giờ. Lần ấy, tôi mua được đôi trà vừa ý lắm. Thăm-hống bát-diện cũng đã cuo là đẹp; dáng này lại tăng vuốt, cánh to và dày. Tôi mua bằng một giá khá đắt, làm cho nhà tôi luôn mấy ngày cứ léo cán nhẩn mã, cho tôi là phí tiền. Tôi trông nom hơn tới cần thận lắm. Thế mà bỗng dưng được ít lâu, một cây cứ thế léo đi rồi chết, không bao lâu cây kia cũng vỡ rồi chết theo. Từ đấy, tôi gầy luôn mấy lần, mà không lần nào được. Có lẽ tại đất mà rầy không giồng được giống trà bạch chăng. »

Nghe chuyện, bạn tôi, anh thì quả quyết rằng tại giống trà bạch yếu khó giồng; cũng bởi vậy, hiếm hơn trà đỏ; anh thì ồm ồm bảo: « Rõ có thể là đôi trà bạch kia có lẫn, nó bị ông ở lại với ông Hai, vì bà Hai đôi với hoa đã khiếm kính. » — Câu nói quái hài ấy, bây giờ không làm cho chúng tôi cười. Nhưng riêng tôi, tôi thăm ước ao được một đôi trà bạch.

Từ ít lâu, tôi vẫn có ý định sau này sẽ chơi một sân cảnh thật đẹp: tôi sẽ xin các bạn tôi mỗi người một cây; và tôi sẽ mượn sân quê các anh để đặt tên những

cây ấy: Hà-trị trâm, Đông-ngạc mai, Phương-canh đào...

Sau hôm nghe ông Hai kể chuyện ấy, tôi định thực hành ngay ý định; và, bắt đầu ngay từ tối này, tìm mua cho được một đôi trà bạch.

Người ta mách tôi ở Ng. t. có nhà có giống trà này.

Nhân một sáng nghỉ, tôi một mình lên làng chuyên nghề giồng cây, giồng hoa ấy, ở cách nơi tôi trọ cũng không lấy gì làm xa. Lần đầu vào đây, tôi có cảm tưởng lạc vào một « Hoa quốc ». Quanh tôi, những khoảnh vườn nhỏ liên tiếp nhau, sạch lâu xanh - xan, với những luống hoa lộng lẫy đủ màu. Quả là một bữa tiệc thỏa thuê cho những con mắt ham say bình sắc. Giữa nơi san sát từ hồng, bướm ngổ hoa, hoa nhâm bướm ấy, tôi đang phân vân không biết cây nào là cá trà, thì một tiếng lanh lảnh cất lên:

— Ai hỏi gì đấy? Và một cô gái cũng trạc tuổi tôi, từ một căn nhà lá nhỏ chạy ra.

— Tôi tìm nhà có trà bạch.

— ?

Cô nhìn tôi nửa như ngờ vực, nửa như tò mò. Tôi hơi lấy làm ngượng về cách mình ăn mặc lố lố thối xốc xếch.

— Thưa... tôi muốn hỏi mua trà bạch.

— Cậu muốn mua trà à? Trà bạch thì chính ở đây nhà tôi có.

Tiếng « cậu » đầu tiên có dáng dề xung hô tôi với; một giọng ôn tồn, nghe mấy câu dịu dàng, êm ái làm sao! Mà làm sao mãi đến bây giờ, tôi mới nhận ra là có một tiếng nói trong, hay chứ thế nhỉ? Hơn nữa, tôi lại nhận thấy cô có

một khuôn mặt rất đẹp, với cặp mắt một mí đen lánh, tròn, to, linh-dộng, nổi bật trên nước da nõn mướt và mịn hồng. Trong khoảnh khắc, tôi cảm thấy tất cả cái thơm ngát, mát rượi, từ bông hoa đồng ấy tỏa ra, lan tràn lòng tôi. Tôi như bị ngợp... Bao nhiêu sáng suốt tôi còn giữ lại được chỉ đủ để tôi nhận ra rằng cô đẹp, đẹp lắm. Hơn cả cô Ch. ở Y-ph. mà ông Hai vẫn thường nói đùa sẽ làm mối cho tôi. Hơn cả cô C., người mà mẹ tôi nói sẽ hỏi cho tôi, sau khi tôi tốt nghiệp.

Khi đã trấn tĩnh lại, tôi mới mang máng nhớ hình như khuôn mặt, cặp mắt có sức thôi miên kia, tôi đã có lần gặp ở đâu rồi; với người đẹp kia, tôi đã chung sống một buổi nào mà tôi không còn nhớ rõ được. — Phải chăng, anh nãi, đó chỉ là hiện thân của một hình ảnh, ta đã mang theo trong sâu tiềm thức, từ bao giờ?

Lòng tôi thấy phấn khởi. Tôi tin sự gặp gỡ này là một điềm lành.

Và mạnh dạn hơn:

— Vâng, tôi muốn mua ạ. Thế trà nhà ta, có có bán không?

Tôi định bụng, nếu cô không bán, tôi cũng khấn khấn mua cho kỳ được. ngoài giá trị cây đẹp, trà nhà cô, với tôi, đã muốn có giá trị một kỷ niệm rồi. Tội nữa, anh sẽ tuấy kỷ niệm ấy mang theo cho tôi mãi mãi về sau ít nhiều chua xót.

Cô ngẫm nghĩ một lát.

— Cậu cũng ở gần đây?

Tôi cung khai thực:

— Thế thì được, chiều nay, hay sớm mai, cậu chịu khó trở lại đây. Thật quả hôm nay chưa rồi, tôi vội phải xuống chợ.

Tôi muốn được xem trà. Nhưng tôi cũng không muốn làm phiền một người thực tình đang vội. (Không biết tôi đã có thể nói mà không sợ là nhầm rằng: «Tôi không muốn trái ý một người đẹp» chưa?).

— Vâng, không sao ạ! Cốt nhất là cô bằng lòng để hẳn cho tôi, còn lấy, thì từ giờ đến tối, tức nào cô rto cũng được. Cố nhớ cho là tôi muốn mua trà bạch.

— Thế thì được rồi. Hôm nào cậu trở lại đây. Nếu cố quên nhà, cậu cứ hỏi thăm tên tôi là cô Tiểu, thì ai cũng biết.

«Cô Thuần». Dạo dương về, tôi nhớ đi tìm lại cái tên sáng, âm này, nó đã vừa làm bừng dậy một ánh mờ trong lòng tôi và vừa mang tâm hồn tôi lên một nhiệt độ mới. «Cô Thuần».

Ngay từ chiều hôm ấy, chiều nào sau khi ở trường về, tôi cũng nhất mực, làm phút đứng cửa... nhìn ra đường cái quan. Cứ thế, hơn một tháng trời, cho đến ngày hai mươi bảy Tết. Chắc anh đã thừa đoán được cái duyên cớ làm cho tôi mất nhiều thì giờ đáng tiếc ấy rồi.

Cơ duyên là, — tự trọng hay nhút nhát? — không một lần nào tôi để cho Thuần nhận thấy hay bắt chợt được tôi đứng cửa nhìn cô. Cái tình trộm nhớ thăm yếu «một bề» mà bọn người như chúng ta ít khi chịu để kéo dài ra mãi, đối với tôi bấy giờ, có một hương vị thơm ngát, ngọt lừ như tười xuân.

Nhưng ngày phải nghỉ học để về quê ăn Tết đã đến rồi.

Chiều hôm hai mươi bảy Tết, khi tôi trở lại khuân vườn cũ ở

Ng. t. thì tôi thấy Thuần đã dương cầm-cui giữa những luống hoa muôn màu.

Thuần nhận ra tôi ngay, — cũng như tôi đã không quên lối. — Cô không đề từ, phải đợi:

— Cậu vào đây, tôi đi ra xem cây. Theo sau Thuần, tôi thấy hơi rờn rợn. Tại vườn vắng vẻ quá? Tại sắp được trông thấy thứ cây mà từ lâu tôi ấn đợ, thứ cây mà ông Ha và cả bọn tôi, có tình, đã cố tìm kiếm: hu ên bí? Hay tại giữa khung cảnh đó, một mình với Thuần, tôi đã chợt liên tưởng đến bóng dáng mặt Gáng — Tuyết, một Hương-Ngọc của Hoàng-sinh xưa chàng?

— Đây, cậu trông đó, trà đề dành phải cậu. Từ hôm nay, hay mai, nghỉ học, thế nào cậu cũng lên, cho nên tôi đã bảo người nhà «ra vâng sẵn».

Trong bóng chiều đông tàn sấm, sắc trắng mấy bông trà «hàm tiếu» nổi bật bên những tòa hồng sẫm lại, và những khóm từ úy-tùng đen dần. Màu da trắng của cô Thuần cũng nổi bật lên, với cặp mắt long lanh, chốc này tôi thấy hu ên bí hơn hoa trà huyền bí.

... Rồi cô Thuần gắp tôi mang cây ra tận đường cái quan.

Khi tôi sắp lên xe thuê về thẳng quê, cô còn ân cần dặn:

— «Cậu giữ khéo, kéo sát mắt nọ...»

— Thưa cô, có lẽ mấy bông này nở đúng Tết được? Còn nọ thì chắc còn lâu?

Cô Thuần cười mà không trả lời.

Tôi muốn nói, thấy cần phải nói với cô hàng cây của tôi một

cái gì khác nữa, mà không sao nói được nên lời.

Tình mưa bán dễ dãi, sự giúp đỡ chu đáo, và lời ân-dạ dịu dàng của cô Thuần, khiến xe chạy đã được một quãng xa, tôi còn cảm động. Và bỗng dưng cô chợt chờn mãi bên xe, và cặp mắt cô long lanh mãi trông tôi.

Gỗ bấc từng cơn xạc-xào... Lá khô bên đường lao xao... Buồn của tâm di xôn xao là thế, và lạ là tôi giờ đây không chút nhuốm màu thời gian... Tôi còn nghĩ đến khuân vượn ở Ng... Tôi còn nghĩ tới căn nhà ngói cũ bên sông Tô Lịch chờ đợi ợ. Tôi còn nghĩ của-trả lời trệ tôi tôi tại sao về muộn. Tôi còn nghĩ tới đôi thông ngó dài dưng thâu, dưng âm nơ buồn ợ tôi. Tôi còn, bình dưng cái cảnh tượng rõ ràng từ ngày xuân tôi: có trăm tòa khói, có trà nở hoa

Nhưng những hoa trà của tôi năm ấy không nở, và tôi cũng không bao giờ nở nữa. Cũng như (Xem tiếp trang 40)

Bộ sách giá trị nhất của
QUỐC HỌC THU XA đã
ý nhất của LÊ VĂN HÒE

**KHÔNG-TỬ
HỌC-THUYẾT**

(Trên đời Nam Quyền)

Quyển I

50

Quyển II, Quyển III cấp có bản

Giá đặt mua tự bây giờ

15p-30p-50p-70p-150p-200p

Thư tiên đặt mua ở Lê Văn Hòe

QUỐC HỌC THU XA

16 bis Tien Tsin Hanoi

Hai Xuân đánh Chăm (Tiếp theo trang 15)

Xuân Kỷ-dậu (Thần-võ nguyên-niên, 1069).

Nhưng nhà Tống sợ một, thì người Chăm sợ mười. Họ hết sức đề phòng. Một mặt dùng ngoại-giao khôn-khéo, luôn luôn sang cống-biến nước Đại-Việt, một mặt lo tổ chức đội-ngũ, luyện tập sĩ khí và giao hảo với Tống-triều. Dùng bày voi chiến của họ, họ cho chưa vừa nên lại tăng thêm kỵ-binh, xin vua Tống cho phép mua ngựa ở Quảng đông.

Tuy vậy, làn sóng Nam-tiến của ta đã bắt-dầu, người Chăm không thật tình chịu lớp vỏ, tìm cách chống cự thì ngàn sao cho nổi.

Đến năm 1069, ý hấn Chiêm-vương Rudravarman III (người mình gọi là Chế-Chủ hay Đệ-Chủ) (15), tự hiệu đã sẵn-sang, liền thỉnh-linh khai-chiến.

Vua Lý Thánh-Tông chỉ chờ cơ-hội ấy. Ngày Mậu-tuất, Ngài xuống chiếu thân-chinh; ngày Đinh-vý làm lễ thế sự, rồi đến ngày Giáp-dần mới phát giá (16). Thuyền này thủy-quân Đại-Việt không ra cửa Đại-an như trong năm 1044 nữa. Vua Lý Thánh-Tông kéo chiến-thuyền ra cửa Thần đầu. (Thần phủ sau này, ở phía Nam cửa Đại-an) thì vừa gặp một cơn bão lớn, Vua phải khăn khăn Núi, sóng gió mới lặng yên, (17) chiến-thuyền vào được Ngã-bàn (ngày Đinh-tý) rồi đến Nam-giới hải khẩu (ngày Canh-thân). Đến hai nơi này, rồng vàng đã hiện ra (1), các cụ xưa viết sự bảo thủ. Ngày Ất-sửu, đại quân thăm hải-phận Chiêm-thành, Vua liền sai

bọn Hoàng-Kiến đánh lấy cửa Nhật-lộ. Rồi theo Đại-Trường-sa, Tiểu-Trường-sa, quân cứ tiến vào, đến ngày Canh-ngọ, thấu cửa Tư-dung (18). Điềm lành lại hiện: ngày Quý-dậu tháng ba rồng lại bay trên thuyền Cảnh-thắng. Hết rồng đến chim. Hai con chim bay theo thuyền ngự hình như chỉ đường đưa Vua đến Thi-lợi-bi-nại (ngày Bính-tý) (19).

Đến đây, vua Lý Thánh-Tông lùa quân vào đất Chiêm-thành. Đại-quân kéo thấu sông Tu-mao thì thấy quân Chăm đã liệt trận sẵn-sang trên bờ sông, chờ quân Đại-Việt. Một trận kịch-chiến. Tướng Chăm Đỗ-Bi Đa-La bị chém. Quân Chăm chết nhiều vô số. Được tin kinh-hoàng ấy, Chiêm-vương đang đêm hấp-tấp đem vợ con chạy trốn. Dân Chăm bối-rối, thấy quân đã thua, vua đã chạy, liền kéo nhau ra bến Đồng-la xin hàng, giao thành Phật-thệ (20) cho quân Đại-Việt mà sức tàn phá. Vua Chăm tuy đã lãnh chân, nhưng cũng không chồn thoát được, đến sáng thì bị Lý-tướng-Kiệt (21) rượt theo, bắt sống tại biên-giới nước Chân-lạp.

Quân Đại-Việt hoàn-toàn thắng-lợi, vua Lý Thánh-Tông liền đặt tiệc thiết quân-toàn tại điện vua Chăm. Trong lúc đặc-chí, nhà vua thân-hành loan khiến và đá kiện (cầu) trận thêm điện. Một nước chiến-bại thì chỉ biết cúi đầu chịu nhục này rồi đến khổ khác. Chẳng bao lâu 2580 gian nhà ở Phật-thệ đều bị vua Lý Thánh-Tông đốt sạch. Rồi cũng trong tháng ấy nhà vua ban sư, đem Chiêm-vương cùng tù-binh Chăm về nước.

Đến ngày Tân-dậu tháng sáu, Kinh-dô Thăng-long được chứng kiến một quang-cảnh có một không hai trong lịch-sử nước nhà,

Đạo quân viễn-chinh đắc thắng ca khúc khải-hoàn kéo về. Giữa ba quân hùng tráng, nghiêm-vệ nghiêm-trang, Vua Lý Thánh-Tông ngự trên bữu-xa, định thần cỡi ngựa châu chùng-quanh. Sau vua, Chiêm-vương ảo não theo sau (22).

Rudravarman III xin dâng ba châu Đại-lý, Bồ-chính và Ma-linh để chuộc tội. Vua Lý Thánh-Tông thuậ cho. Thế là làn sóng Nam-tiến của dân-tộc ta đã tràn sang dãy núi Hoành-sơn mà vào thâu Cửa Việt (Quảng-trị) bây-giờ.



Hai xuân oanh-liệt ấy đã qua...

Nếu xuân năm nay, bạn vui chân vào xứ Chăm, thì có lẽ bạn phải đề ý đến những đồng đá sắp thành hình tròn bao bọc một hòn đá dựng đứng. Đồng đá ấy người Chăm gọi là «tanoh Yan», họ đã xây lên để thờ Thần Tật-Bệnh là Thần «Pô Yan Dari». Nhưng truyền-thuyết của người mình về những đồng-đá ấy lại khác hẳn. Theo truyền-thuyết ấy thì đời xưa, mỗi lần quân Việt vào đánh Chiêm-thành thì mỗi người lính mang một viên đá bỏ thành đồng dưới chân núi Hơn hay thua, người nào còn sống mà về nước, khi đi qua đồng đá lại lấy bớt một viên. Thành-thứ đá còn lại bao-nhiều, là chiến-sĩ Việt đã bỏ mạng nơi xứ Chăm bấy-nhiều.

Bắt chước người Chăm, bạn kinh - cần lược một viên đá ném vào đồng « tanoh Yan. » Trong cảnh núi non tịch mịch hoang vu, tiếng đá sột-soạt nặng nề rơi vào lòng bạn.

Rồi khi ấy, bạn đã nghĩ những gì, hỡi bạn ?

Mãn-khánh DUONG-KY

(Viết theo « Việt Chiêm chiến-sử » đang hiện tại)

15) Đại Việt sử ký, Đại Việt sử ký toàn thư, Cương mục đều gọi là Chế Củ. Việt sử lược lại gọi là Chế Củ.

16) Việt sử lược chép : ngày Canh dần. Ông Maspéro cũng theo thế (Le Royaume de Champa, trang 141).

Nếu thế thì lại hóa ra kéo quân đi tám ngày rồi mới xuống chiếu thần chinh (vì ngày Canh dần trước ngày Mậu Tuất 8 ngày) và mười bảy ngày rồi mới làm lễ thệ sư (vì ngày Canh dần trước ngày Đinh Tỵ đến 17 ngày). Vả chăng Việt sử lược lại bảo rằng làm lễ thệ sư tại thềm Vua, nghĩa là tại Hoàng long kia mà ; (minh ở long tr). Đáng thử tự, thì trước hết là xuống chiếu thần chinh, thử đèn làm lễ thệ sư, rồi mới phát giá, vào Nghệ an v.v... Vậy thì ngày phát giá phải là một trong những ngày sau khi thệ sư (Đinh Tỵ) và trước lúc vào thềm Nghệ an (Đinh Tỵ). Nội trong những ngày ấy có ngày Giáp dần.

Xem như thế thì có lẽ Việt sử lược đã biến sai (chữ Giáp viết lộn thành chữ Canh), chữ thực ra, phát giá tại ngày Giáp dần. Số thì mới đúng thứ tự : ngày Mậu-tuất xuống chiếu, chiếu ngày sau làm lễ thệ sư (Đinh-Tỵ), bảy ngày nữa kéo quân đi (Giáp dần), đi trong ba ngày mới thềm Nghệ an (Đinh tỵ) v.v.v...

17) Theo Aa nam chí lược.

18) Xem chú thích số 10.

19) Cửa Thi-nại (Quai nhơn) bảy giờ.

20) Cương mục chính biên, III, 9b chép : « Theo Đại Thanh nhất thống chí (chương) » 4a, năm 1471

lich » thì thành Phật thị là kinh đô cũ của vua Chiêm thành. Nay tại làng Nguyệt biên, huyện Hương thủy, tỉnh Thừa thiên »

Rồi ông Trần trọng-Kim (Việt Nam sử lược, I, trang 82), bà Hạc-hà (thị-Bảo Hòa) (Chiêm-thành lược khảo, trang 22) đều theo thế mà bảo thành Lôi ở làng Nguyệt-biên huyện Hương-thủy tỉnh Thừa - thiên bảy giờ là thành Phật thị, kinh đô của Chăm đời trước.

Thiệt tưởng tin theo Cương mục chưa phải là đúng.

Xét trong hai trận đánh Chăm kể trên này quân Việt đã vượt khỏi cửa Tư hiền (xin lấy cửa này làm liên chuẩn vì hiện bảy giờ lên cửa ấy vẫn còn, không thể nghĩ ngờ vị trí đời xưa của cửa ấy được).

Trong trận đầu (1044), không biết quân ta đã đi khỏi cửa Tư hiền bao nhiêu ngày, nhưng trong trận thứ hai (1069) thì đi quá cửa ấy đến sáu ngày từ ngày Canh ngọ tháng hai đến ngày Bình tỵ tháng ba năm Kỷ dậu rồi mới vào đất Chăm, đại phá quân địch. Sau khi thắng trận, có lý nào quân Đại Việt lại quay thuyền về Bắc, lại đi qua cửa Tư hiền vào sông Hương giang bảy giờ để lên làng Nguyệt biên ?

Vả chăng, theo một cái bia chàm ở Đồng-đương, thì kinh - đô Chăm về thế kỷ thứ IX là ở Quảng nam bảy giờ (Xem « Indrapura », Tri Tân số 107). Đến thế kỷ thứ mười, để tránh người Đại Việt, vua Chăm dời đô vào Nam xa kinh đô cũ 700 lý. Như thế thì thành Phật thị không thể ở Thừa thiên được.

Vậy nó ở chỗ nào ?

Từ Đồng-đương (Quảng nam) đi về phía Nam 700 lý, thì có lẽ là Bình định.

Đời xưa, từ cửa Tư hiền đi thuyền về Nam sáu ngày nữa kể cả những lúc ngược gió phải đi vất vả, thì vừa đến Quai nhơn bảy giờ Việt sử lược chép : đến Thi lợi bị nạn. Thi lợi bị nạn chắc là Thi nại (Quai nhơn).

Hiện nay ở Bình định còn di tích một lợa thành chàm rộng lớn, mà người mình gọi là thành Chà-bàn. Đó là kinh-đô nước Chăm là thành đã bị vua Lê Thánh-Tông đánh lấy trong năm 1471

Vậy thì có lẽ thành Phật Thị dưới đời Lý, chính là thành Chà bàn sau này

21) Việt sử lược viết : Nguyên thường Kiệt. Trong bản chép tay của tôi, chữ « Lý » nào cũng biến thành chữ « Nguyên » cả. Ở đây, tôi tìm mãi không có bộ viết sử lược, nên Tiên Đàm liên sinh đã có nhà ý muốn người bèn gọi vào cho. Xin trân trọng cảm ơn liên sinh. (H.B. chưa thêm. — Số 17 trong Việt sử lược, chữ « Lý » nào cũng biến là « Nguyên » là vì đời Trần sợ lòng người như nhà Lý, nên mới đổi « Lý » làm « Nguyên ». Trong bài bia Linh từ tháp ở Mige - thủy của Trương Hán Siêu cũng viết « Lý triều » là « Nguyên-triều. »

22) Tôi thuật trận này theo Việt sử lược. Chữ như các sách Đại Việt sử ký, Đại Việt sử ký toàn thư và Cương mục đều chép như thế này :

« Năm Thận vũ nguyên niên, tháng 2.. Chiêm-thành đem phá biên giới. Vua (Lý Thánh - Tông) để nguyên phi giám quốc (nguyên phi lớn cùng đạo Phật nên tục gọi là Quan Âm nữ) tự làm tướng đem quân đi đánh Chiêm thành. Đánh lâu không hơn được, bèn kéo quân về thâu châu Cư liên, nghe đồn rằng bà nguyên phi ở nhà trị quốc, dân tâm hoan hợp, trong nước được yên ổn, vua liền phán : « Một người đàn bà mà làm được như vậy, ta đánh Chiêm thành không hạn nổi, đàn ông sao mà hèn thế ! » Rồi vua lại vào đánh Chiêm thành, hơn được, bắt vua Chăm Chế củ mang về » ?

Ông Trần trọng Kim cũng theo đúng như thế mà viết (Việt Nam sử lược, I, trang 84).

Sở dĩ tôi theo « Việt sử lược » là vì thấy sách ấy chép các công việc đều có hệ thống, lại có ngày tháng hẳn hoi, có thể tin được. Chính được Tự Đức khi đọc Cương mục đã đoạn nói trên cũng có nghĩ, nên Ngài đã phê rằng : « Thời ấy há không có đại-thần ở lại giữ nước hay sao, mà để một người đàn bà giám quốc. Sử chép sai sự thật, đại loại như thế ». (Cương mục, chính biên, III, 28 b).

ĐÔI TRÀ BẠCH

(Tiếp theo trang 37)

phần nhiều hoa mộng mà tôi đã thiết-tha ủ ấp trong buổi hoa niên.

Sau khi đã xan trà vào thố, kê bàn án gian, mấy bôm, đầu, tôi nếm tôi cũng tập quơng bên hoa, mong hoa mau nở — như kiểu ông Hai « thúi » thủy-tiên — và cũng « đề » tổ lòng thành kính với hồn hoa sắp về — như kiểu ông Hai, tụng kinh chờ hoa quỳnh nở.

Rút cục thế, ngày mồng một, rồi ngày mồng hai, rồi ngày mồng ba, tôi đã qua, mà hoa trà của tôi vẫn hoàn không nở. Và đến ngày mồng năm, mồng sáu gì đó, thì mấy bông hoa trắng, từ lâu hăm tiếu, cứ thế tạo nhau không cưỡng rồi bèo dạt theo nhau.

Tối ra, các bài thi hằng tuần bắt đầu nhồi và toàn là những bài nặng. Thành ra phải học gấp, tôi không còn thời giờ, để chiều nào cũng « hóng » cửa, và không có dịp về thăm nhà, thăm trà. Đến khi gặp lễ Phụ sinh,

tại về thăm quê, thì đôi trà xanh đẹp, mới hôm nào cô Tôn nắn nắn họ lên xe, chốc đã chỉ còn là hai cây khô trong khu vườn nhỏ ở sau nhà tôi. Vâng tôi sợ không ai săn sóc, và ý chừng muốn cho cây mau lớn, mẹ tôi đã cho « hạ thổ » trà. Chắc hẳn đây là sự đã đánh vỡ vùng hoặc chạm vào rễ cái. — Hay là trà bạch không hợp đất nhà tôi.

Tôi muốn quý lại trước đôi trà khô, kêu xin nó tươi lại. Không phải tôi quý nó đến bậc ấy. Nhưng tôi không muốn, với nó, đề chết theo một sự thực tôi đang muốn biết, với cả một, nếm thiết-tha.

Cố nhiên là đôi trà của tôi, dù có thân như chúng tôi đã tưởng cây trà của ông Hai có thân đi nữa — không sao tươi lại được. Thành ra từ đây mười mấy năm qua, tôi vẫn không giải được một mối ngờ. Đôi trà khô kia vốn là trà hồng hay trà bạch? Mấy bông trà bạch hăm tiếu kia là do thói quen của nhà nghề mà người nhà Thuần đã tiếp vào, đề bán cho xeng và được tiền một

đôi trà bạch, thực ra chưa hẳn là trà; hay là chính Thuần bết là trà hồng; nhưng đã cố ý hóng đề mặt cho tôi nhầm là trà bạch, đề bán được hơn tiền.

Chút lòng ngờ vực ấy khiến tôi không muốn ngâm lại cặp mắt đen lánh, chắc đáng Thượng-đế chỉ nhân sinh ra không phải cốt đề nhàn nhàn người như tôi và anh.

Anh H. T. uống cạn chén nước với nóng, tôi đã rót mời anh, thay vào chén đầu, rượu ngọt, đề cùng nhau vui một cái tết nghèo. Đoan, anh tiếp:

— Tôi ngờ nghệch, ngày, thơ quá, anh nhỉ! Cần gì phải đi sâu mãi vào lòng đời, cần gì phải thử thối mãi lòng người, rồi mới biết được một sự thực không lấy gì làm đẹp đẽ là Tất cả những cái đẹp có phải đều đều là cái thực? Và « hiếu kỳ thích niệm cho làm, chỉ để để mang lại cho mình thêm nỗi hận hoài... »

(1911)
GIẢN-CHI

Thư-xã Alexandre de Rhodes

mới tái bản :

Nouvelle traduction française du KIM-VÂN-KIỀU của M.-R.

— Một bản dịch pháp-văn dụng công một tác-phẩm có giá-trị về văn-chương.

— Sách in đẹp, dày 180 trang, khổ 17x23.

Bản thường ; 6 \$ 00 cước : 0 \$ 50

Bản đặc-biệt : 10 , 00 cước : 1 , 00

Thư và bưu-phieu gửi về :

Mal-Linh 21 phố hàng Bài — Hanoi

Nhân dịp tết

Thư-xã Alexandre de Rhodes

mới in xong :

Bản dịch pháp-văn BẢN-NỮ-THẦN của Phạm-xuân-Độ

— Dịch sát nghĩa và cổ lệ, ứng-thần với âm-diệu nguyên-văn.

— Sách dày 120 trang, khổ 17x23, có đủ nguyên-văn quốc-ngữ, bản dịch và bản chú-thích pháp-văn

— Bìa mẫu và 24 tranh in đồ Mạnh-Quỳnh vẽ và khắc.

Bản thường ; 5 \$ 00 cước : 0 \$ 50

Bản đặc-biệt : 10 , 00 cước : 1 , 00

Thư và bưu-phieu gửi về : Mal-Linh

Cây quất ngày tết

(Tiếp theo trang 20)

họ, dễ phụ diễn với ngựa thồ. Chỉ tiếc một điều: Sứ ta không cấp rõ giá, bình dạng con rồng nước Đại Cồ Việt có chỗ nào khác con rồng nước Đại Trung-Hoa mà thôi.

« *Lý, vị, võng, lượng: tư tử quý; Cầm, sắt, tỷ, bà: bát đại vương.* » Câu mà bấy nay ta vẫn nhắc-hứa là của Trạng lương quốc họ Mạc, tên Đinh Chi, nay nếu ta xem trong một cuốn sách lâu, ta thấy một câu đối na-nhà giống như thể của một vị sứ giả nước Tàu tên là Đổng Cao, đối lại một võ ra của vua nước Triều Tiên, thì tất cả cũng hơi-lấn làm lạ. Câu của họ thể này: « *Cầm, sắt, tỷ, bà bát đại vương nhất ban đầu mục* » đối với *Lý, vị, võng, lượng, tư tử quý các tư đồ trâng.* » Nhưng ta thấy nó có nhiều chữ hời, thì ta tự vấn ừ, vì các đại văn hào ý-khen thường gặp nhau. Nhưng khi ta đọc đến câu đối này, cũng ở trong cuốn sách lâu ấy, thì ta tất phải nghi hoặc: « *Lạc Tương - Như, Tư - mã Tương - Như; danh tương như, thực bất tương như* » Ngụy vô kỵ; Trương tôn vô kỵ; như vô kỵ, ngũ diệp vô kỵ. » mà sách ấy họ dám bảo là của Lý Mộng Dương, đốc học tỉnh Giang - tây của họ ra vẽ trên cho mọi người họ: trò trâng tên mình, mà vẽ dưới, của người học trò này, đối lại. Đều vậy ra Văn Đàn Bảo Giám gán câu ấy cho Nguyễn Huệ danh sĩ của ta, thì biết hơn nọ đúng. Rồi đối còn bao nhiêu câu nữa, ám hợp với những cây của các ông trạng quốc mình, có cả những vẽ « *Nam phượng chi hương dư* » và « *bắc phượng* »

chỉ cường dư » nhan nhản ở, cuốn sách lâu ấy ». Thôi! ai thử chịu khó lật cuốn sách quai gỗ ấy tên là *Giải nhân di*, ở mục « *Bắc thú tập* » của Tiên vũ Hương và Trinh tử Vưu, in vào năm Gia-khánh thứ mười bảy, thì chút lòng khám phục các ông trạng nước mình có cái tài diễm, đồ được những vẽ câu đối rành mành tất phải bại hứng. Dù sao đi nữa, giả dụ những danh nhân nước họ ăn cắp những câu ấy của danh nhân ta lấy hai gã học giả làm cuốn *Giải nhân Di* kia thêm đặt nên chuyện, ta cũng thấy ta thế nào ấy. Nhưng nghĩ cho kỹ, có làm quái chi cái vẽ, chỉ sợ bắt en ốc cái đồ mới sợ ngời ta cười, chứ chỉ theo cái hay, ai cười bỏ mười cái xỉ. Tôi đồ anh lấy chứng rõ gì bảo là mình đã bắt chước người ta? Có phải đầu như câu chuyện học một câu thơ « *con lợn* » mà sợ nghĩ ta đánh đòn! Có ai nhớ không nhỉ, cái anh nho sĩ đời xưa thấy một anh pho sĩ giỏi làm hai câu thơ con chồn chồn mà được một ông quan th ông cho mười quan tiền:

« *Đầu như hồ, vĩ như đình.* »

« *Phi khử, phi lợi đạo ngũ đình.* »

« *Đầu như hồ, vĩ như uông* »

« *Phi khử, phi lợi đạo ngũ trường.* »

Thế là bị ông quan danh cho ba rọi đòn, đuổi cõ ra, chẳng được lấy gì; ấy thế mới là học một chữ

Giờ nay như câu chuyện cây quất ngày tết, cũng chẳng phải là câu chuyện học một. Duyên có dùng cây ấy đồ tranh đêm ngày tết, trên này tôi đã nói rồi. Sở dĩ tôi muốn kể, thục bộ lại, một lý

muốn cho khỏi sai, có đầu phải có đuôi; hai là tôi muốn nói qua cái gốc lịch của nó, cũng không phải là thừa vậy.

Này, có ai đã từng xem bữa tranh « *anh hùng tương ngộ* » và bức tranh « *tứ lộc phong đầu* » của những họa sĩ Tàu chưa nhỉ? Trong bữa tranh, đừng trông họ vẽ tại chàng anh hùng như Lưu Bị và Tào Tiáo gặp gỡ nhau đâu, họ chỉ vẽ một con chim anh vũ và một con gà gặp nhau (bằng là con gà); và bức dưới chỉ có hai con trâu tròng và hai con thú con chim sỏ (trợ) con hươu (ộc), con ong (phong) và con ki (hào) nào có thấy vẽ quan tứ lộc phải chứ đâu! Thế là vẽ về những vật đồng âm. Cái lối chơi của họ thế đấy.

Cây quất cũng vậy, ở tỉnh Hàng-châu bên Tàu có tục đêm ba mươi tết, họ hái lá quất và quả lộc-lu (quả v) để ở cạnh gối. Sáng mồng một tết dậy, họ lấy lá quất quả ấy ra chơi, gọi là « *cá lợi* ». Quất là cát, lộc là lợi. Ấy nguyên thủy câu chuyện chỉ ở thế. Nhưng có lẽ ở cuốn *Phan-hi-lục* của Cổ Thiệt Khanh, soạn vào nhà Đạo-quang thứ mười, (tương 112 Thái-vân Hoa thứ 33) hành vào năm Dân-quốc thứ 24). Trong ở dẫn bốn câu thơ của Ngôמן Văn-răng. *Mân-lê can hồng, Đẩu quít hồng, Thâm tiểu tử linh thi thôn hương, Thỉnh lang trên ban mịch tang ngữ. Tân tu hoàn quán đại cat trâng.*

(Ngựa là: quả v và xư Mân thì đồ và quít, quả quít xư Đại thì vàng — Đêm kuya tỉnh ruya thứ ném trỏ xe — nghe thấy tiếng chuông nói ở ở ở ở ở ở ở ở — Thôi thì năm mới này lại trả lại cho anh cái « *đại bất lương* ».

LIÊN GIANG

MỘT VÀI TỤC CỜ...

(Tiếp theo trang 7)

nói đã hết mùa nước, bắt đầu sang mùa rét), tháng chín trao áo (chủ nhà trao áo cho người nhà). Ngày về tháng nhất - dương (tháng 11 của nhà Hạ, tức là tháng 11 ta bây giờ) gió rét, ngày về tháng nhị - dương (tháng 12 ta) lạnh buốt không có áo rét, không có áo lông, sao được trọn năm? Ngày về tháng thứ ba (tức tháng giêng ta) đi sửa đồ cây bừa. Ngày về tháng thứ tư (tức tháng hai ta) bước chân ra đồng ruộng; Cùng vợ con ta, ăn cơm ở nam-mẫu (những người trẻ tuổi đã ra ở ngoài ruộng, cho nên người già - trưởng đem vợ con ra ăn cơm ở nam-mẫu), chúc diều tuần (thuyền-nông) đến lã, làm màng

«2. — Thất nguyệt tỵ hỏa, cửu nguyệt thụ y. Xuân nhậ tái dương, hựu minh thương canh. Nữ trấp ý khương, tuần bỉ vi hành, viên cầu nhu ta: g. Xuân nhậ trỉ trỉ, thái phần kỳ kỳ. Nữ tâm thương bị, dĩ cập công-tử đồng qui». Tháng bảy sao Hỏa tinh đã xuống, tháng chín trao áo cho người nhà. Ngày mùa xuân bắt đầu ấm-áp hòa vai, có thêm thương-cang (floriot, tức hoàng-ly) bớt. Người con gái cầm cái giỏ đẹp, đi theo con đường nhỏ kia, để hái những lá dâu non. Mùa xuân ngày dài ấm-áp, nhiều người đi hái rau phần (arumaise blanche). Loáng người con gái buồn râu sắp cùng công-tử cùng về (bài này nói số về với công-tử, cùng với bài sau nói làm xiêm cho công-tử, làm áo cửa cho công-tử, đều là tục của dân nước Mân, tỏ tình quyến-luyến với con vua nước

Mân; tôi theo bản chữ Pháp của ông F. S. Coavreur, *Chen king*, in lần thứ hai, tr. 145, dịch chữ «bi» là buồn rầu; ông Marcel Granet (*Féles et chansons anciennes de la Chine*, tr. 49) cho chữ ấy là «thương yêu» (angeisse d'aimer) và dẫn câu «xuân nữ bị, thu sĩ bị, cảm kỳ vật hỏa giả», nghĩa là mùa xuân con gái buồn mùa thu con trai buồn, vật theo thời-tiết mà cảm-hóa).

«3. — Thất nguyệt lưu hỏa, bát nguyệt hoàn vĩ. Tầm nguyệt điều tàng, thủ bỉ phủ thương, dĩ phạt viễn dương, y bỉ nữ tàng. Thất nguyệt minh xú bát nguyệt tái lục, tái huyền tái hoàng, ngã châu không dương, vi công-tử thương». Tháng bảy sao Hỏa tinh đã xuống, tháng tám đi lấy cũi và lau (dự bị đồ nuôi tằm). Tháng nuôi tằm, bắt đầu cả canh, lấy riu nhỏ kia, dần dần dâu xa; cây dâu nhỏ chỉ hái lã. Tháng bảy chim chàng lạng (ple-griè-hè) kêu, tháng tám mới dệt vải, nhuộm màu huyền, nhuộm màu hoàng, mới dệt của ta rất đẹp, nên làm xiêm cho công-tử.

«4. — Tứ nguyệt tú yên, ngũ nguyệt minh điều, bát nguyệt kỳ hoạch, thập nguyệt vũn thác. Nhứt chi nhậ vu lạc, thủ bỉ hồ ly, vi công-tử cầm. Nhị chi nhậ kỳ đồng, tái tuần vũ công, ngón tư kỳ lung, hiễn kiến vu công». Tháng tư cây yên có quả (cây yên = polygoala?), tháng năm con ve sầu kêu, tháng tám đi gặt lúa, tháng mười cây cỏ vàng rụng. Ngày về tháng nhứt - dương (tháng 11 ta) đi săn, lấy da hồ-ly kia, làm áo cửa cho công-tử. Ngày về tháng thứ hai cùng đi săn

như tháng trước, nối được việc võ con tung (lợn một tuổi) làm của riêng, con kiến (lợn ba tuổi) dâng lên nhà công.

«5. — Ngũ nguyệt tư-chung động cồ, lục nguyệt sa-kê chấn vũ, thất nguyệt tại dĩ, bát nguyệt tại vũ. Cửu nguyệt tại hệ, thập nguyệt tái-xuất nhập ngã sàng hạ, khương chất huân thĩ, tắc hướng cần hệ. Ta ngã phụ tử, viết vi cải-tuế, nhập thủ thất xĩ». Tháng năm châu-chấu cựa chân, tháng sáu dễ đồng cất cánh, tháng bảy ở ngoài đồng, tháng tám ở dưới mái nhà, tháng chín ở ngõ, tháng mười con dế vào dưới giường ta, ta lấp những chỗ lỏng, hun cour chuốt, ta lấp những cửa sổ hướng bắc, trát những cửa sổ nhỏ. Ta thương vợ con ta, bảo vợ con ta rằng: «Sắp đến lúc dãi nệm, vào ở nhà này».

«6. — Lục nguyệt thực uất cập úc, thất nguyệt phan quỳ cập thúc. Bát nguyệt phác táo, thập nguyệt hoạch đạo, vi thủ xuân tửu, dĩ giới my thọ. Thất nguyệt thực qua, bát nguyệt đọa nhĩ. Cửu nguyệt thúc thư, thái đồ lãn hu, thực ngã nóng-phụ».

Tháng sáu ăn mận và nho, tháng bảy nấu rau quý (mauve, cây cỏ xay) và đậu. Tháng tám đánh nát quả táo, tháng mười gặt lúa đạo, cả bốn thứ ấy làm thứ rượu xuân-tửu, để giúp sức khỏe cho người già. Tháng bảy ăn dưa, tháng tám cắt bầu. Tháng chín nhặt lột vừng, hái rau diếp đại, (laite-ron), nấu bằng gỗ loài vu (ailante), để cho nông-phu ăn (bài này ông Coavreur, *Chen king*, tr. 147,

địch hơi khác, tôi sẽ so-sánh với không câu giải nghĩa trong Thi kinh đại toàn).

«7. — Cửa nguyệt trúc trăng phổ, thập nguyệt nạp hòa giá, thử tắc trùng lục, hòa ma thúc mạch, Ta ngả nông-phu, ngả giả kỳ đồng. Thượng nhập trấp cung công. Chú nhĩ vu mao, tiểu nhĩ sách đào, cực kỳ thừa ốc, kỳ thủy bá bách cốc». Tháng chín sửa vườn làm sân phơi thóc, tháng mười gặt lúa để ở sân, lúa thừ lúa tằm, lúa sớm lúa muộn, vàng đậu và lúa mạch. Hỡi nông phu ta, ta đã gặt xong để cả ở sân; có thể đem vào đồ-ấp rồi làm việc về nhà cửa. Bàn ngày đi lấy cỏ tranh, bêu, đêm đánh tranh để lợp, vôi trèo lên nóc để sửa sang, rồi sang năm lại gieo trồng giống.

8. — Nhị chi nhật, tạc thủy xung xung, tam chi nhật, nạp vu lãng âm. Tứ chi nhật kỷ lão, hiển cao phát phi. Cửu nguyệt bằng xương, thập nguyệt dịch trường, bằng tiểu tư hướng viết sát cao Dương, tế bi-công-đường, xung bi hỷ quang, vạn thọ vô cương».

Ngày tháng nhị dương (tháng 12 ta) đập văng xung-xung, ngày tháng tam dương (tức tháng giêng, nay đến ngày tết người ta thường dùng chữ tam dương khai thái) tất ở nhà chứa văng (glacière, để phóng mùa nực).

Ngày tháng thứ tư (tức tháng hai ta) sáng sớm châu nhà thái miến, dâng cạn cừ con, tế thứ rau phi (poireau), Tháng chín sưng xuống đủ, tháng mười quét sạch sân phơi, đem biếu hai hũ rượu,

nói rằng: gặt con trâu non, đem lên công-đường, cất chén rượu đựng trong sàng tế-giác, chú nhà vua vạn thọ vô cương».

Sách ta nói bài thơ thất nguyệt nay là Chu-công thuật lại công việc nông-tang của dân-gian để khuyên Thành-vương (gọi Chu-công là chủ, vì Thành-vương còn bé mà nối ngôi nhà Chu, nên Chu-công phải phụ chính).

So với ca-dao của ta, thì thấy công việc mùa màng có chỗ khác nhau. Như là «tháng giêng là tháng ăn chơi; tháng hai giống đậu, giống khoai giống cà; tháng ba thì đậu đã già, ta đi ra hái về nhà phơi khô» : thì là ba tháng xuân chỉ có tháng giêng được ăn chơi, tháng hai thì gồng các thứ hoa mẫu, tháng ba thì đi hái đậu phơi khô, thu các hoa lợi về. So với của Tàu «Tam chi nhật, tứ chi nhật cử chi», nghĩa là «Tháng giêng đi săn sửa cây bừa, tháng hai bước chân ra đồng», thì, tháng giêng bêu Tàu tuy có đi săn sửa cây bừa, nhưng hãy còn được thông thả, chưa phải ra đồng, cũng như bên ta còn «ăn chơi»; đến tháng hai bước chân ra đồng, cũng như bên ta «giồng đậu giống khoai...».

Đây là riêng về nghề nông, còn về nghề tằm, thì thơ thất nguyệt có câu «Xuân nhật tái dương lưu minh thương cang, nhĩ trấp ý khuông, tuần bi vi hàng, viên cầu nhu tang. Xuân nhật tri tri, thái phủn tỷ kỳ...», nghĩa là «ngày xuân khi bậu ộp hòa, có chim thương-cang (tức vàng anh) hót, người con gái cầm cái gổ đẹp đi theo con đường phố,

đề hát những lá dâu non. Mùa xuân ngày dài ấm áp, bọn con gái hái rau phơi thông-thả khoan-thai...»

Đến tháng ba thì trong thơ Thất nguyệt không thấy nói rõ các bậc tôn-nho cho là tháng nuôi tằm, nên có câu: «Tâm nguyệt đều tang, thử bi phủ tường, dĩ phạt vãn đơng, y bi cử-tang...», nghĩa là «về tháng nuôi tằm, thì đi hái những cành dâu lộc; lấy những lưới riu con dao, để chặt những cành dâu cao; lại hái những lá dâu hành-ở...». Tà là tháng ba của ta với của Tàu cũng khác nhau một chút: Người Tàu thì đi hái dâu, mà người Nam ta thì đi thu hoạch các loại mẫu.

Nói tóm lại, trong ba tháng xuân hiện nay ta có bài hát tào-phúng, nói «Tháng giêng ăn tết ở nhà; tháng hai cò bạc, tháng ba lợi hồ», mà theo tục cổ của Tàu và của ta thì đều chịu khổ làm ăn về việc nông-tang (làm ruộng nuôi tằm) (tức là việc y-thực trong một năm).

Thơ Thất nguyệt lẽ dù ca việc y-thực. Ca dao của ta chỉ coi đến nhà nông. Có lẽ người đặt ca-dao thấy cảnh tự nhiên, không chú ý về y-thực hay nông-tang. Nhưng hiện nay ở nước ta có nhiều nơi làm tằm về mùa xuân. mà nghề ấy đang thịnh-vượng: tằm xuân về tháng giêng và tháng hai sang tháng ba đã bắt đầu làm tằm mùa.

Vậy thì những cái trong Kinh Thi và ca-dao của ta tuy là nói về tục cổ mà nhiều chỗ vẫn đúng với công việc hiện tại.

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỬ

SỰ-TÍCH TÓC...

(Tiếp theo trang 5)

cổ quốc. Quýnh có câu thơ rằng:

擢髮難酬新雨露
回頭恐負舊江山

« Trọc phát nan thù tân vũ lộ,
« Hồi đầu khứng phụ cựu giang sơn »

Dịch:

Đem tóc, khôn đền mưa móc mới;
Ngảnh đầu e phụ núi sông xưa.

Và:

身繫重犴懷素節
命隨一髮表丹衷

« Thân hệ trọng ngục hoài tố tiết,
« Mệnh tùy nhất phát biểu đan trung »

Dịch:

Thân mắc cửa tù, ôm tiết sạch.
Mệnh treo sợi tóc, tỏ lòng son.

Đề ca-tụng cái tóc của Lê Quýnh, vua Tự-Đức (1848-1883) có bài thơ trong mục « Giai-sự bổ-vịnh » ở tập *Việt sự tông vịnh*, đề là « Trường-phái hầu phát. » Tác giả vì tóc của Trường-phái-hầu Lê Quýnh như râu của tướng quân Nghiêm Nhan (1) như máu của thị trung Kế Thiệu (2), như răng của Trương Tuần (3), như lưỡi của Nean Quả-Khanh (4).

Vì thời-thế, búi tóc « củ hành » bị lung-lay!

Từ khi kênh đào Suez khai-thông (1869), Âu Á tiếp-xúc nhau trên trường quốc tế, cái búi tóc của giống « Tiên Rồng », vì thời thế, vì hoàn-cảnh, càng ngày càng bị lung lay.

Theo ông Sở - Cường trong bài « Hàm răng mái tóc... » đăng ở *Khai tri tiến đức tập san* số 4, juillet-décembre 1941 thì «... vào đầu thế-kỷ thứ XX, người Trung-tên-xương sự cái tóc ấy là vua

Thành-thái. (1889-1907). Ngài tự cắt tóc và bắt anh em ngài cùng các cung-nữ với tỷ cận-tận là những người thân cận hầu hạ ngài đều phải cắt tóc. » (tr. 5).

Nếu vậy, vua Thành-thái đổi với mái tóc của người Nam bấy giờ cũng phăng phất như vua Pirere le Grand (1682-1725) đổi với bộ râu của người Nga ngày trước.

Nguyên ông vua Nga này, trong khi muốn thực hiện công-cuộc duy-tân, sôi-sảng cương quyết đổi mới ngay từ hình-thức của dân chúng. Pierre le Grand ra lệnh suốt nước phải cắt bỏ bộ râu mà phong-tục Nga xưa đã nuôi được lê-thể dài.

Hai nhà vương-giả Đông, Tây đã gặp nhau ở chỗ cách mệnh râu tóc, nhưng ảnh-hưởng có rộng-lẹp khác nhau và cứu cánh có hơn, kém khác nhau.

Cuộc cổ-dộng hót tóc ở Bắc-kỳ

O Bắc-kỳ trong đội quân « cách mệnh búi tóc » — theo lời ông Từ long Lê Đại — người đi đầu là ông Lương - trứ - Đàm, con ông Cử Can. Ông Lương muốn người mình không núng cái cách về phần tinh-thần, mà lại cải cách cả về hình-thức nữa. Ông cổ-súy người Nam cũng hót tóc, cũng bện tóc, sông một cuộc đời mới.

Người ta còn truyền tụng bài cổ-dộng « Hót tóc » của một hội học ở đương thời:

« Tay trái cầm lược,
Tay phải cầm kéo.
Húi hể! Húi hể!
Thẳng thẳng cho khéo!
Bỏ cái ngựa mào,
Bỏ cái đại mày »

« Ngay, nói thẳng,
Học mới từ đây.
Đừng có ăn mặc,
Đừng có nói láo,
Ngày nay! ta cúp,
Ngày mai! ta cạo. »

Cái « búi tóc quốc-túy » mà hồi ấy nhiều người ưa « bảo-tồn » kia đối với con mắt mấy nhà duy-tân tiền khu thật là một vật cừu địch! Họ muốn cắt nó đi cho kỳ hết mới yên tâm.

Phong trào bãi-trừ búi tóc ở nước ta, vào khoảng 1907-1908 đó cũng, sôi-nổi như việc người Tàu bãi-trừ « bó chân » sau khi lập thành Dân-quốc (1912).

Rồi-phòng-khí mở mang luồng-sóng « hót tóc » lan tràn khắp nước. Hễ người dân nào bỏ được búi tóc, rồi, tức là người đó tỏ ra một cái dấu-hiệu đã đổi mới.

Song, khi làm một việc mới lạ trước mắt hạng người thủ-cụ: dân « trọc » thường bị chế giễu mỉa mai! Nếu ai không có nghị-lực đứng vững trên đường « đổi mới » tất phải lùi bước quay về lối cũ! Chính tôi ngày nay còn mừng-trong nhớ được một lần hải kịch trong một gia đình kia đã diễn ra trước cặp mắt ngây thơ khi tôi còn nhỏ:

Bấy giờ phong-trào cắt tóc đang sôi-nổi ở Hanoi. Gia đình ấy, ông anh là nhà khoa-mục, ông em là nhà tông-sự. Bị thời-thế kích thích, hai anh em rủ nhau cùng húi đầu. Việc ấy liền bị các bà vợ đồng thanh kịch liệt phản đối, vì các bà cho rằng các ông làm vậy là làm mất « cái vẻ nho-nhã » dĩ-rồi! Rồi các bà làm « thanh-viện » lẫn cho nhau, ép các ông chồng phải nuôi tóc, búi tóc như cũ.

Đó, quan-niệm thẩm mỹ của các bà xưa là thế, mà hiếu-thượng của cái thế-hệ trước là thế đấy.

Nhiều người, sau khi đi theo tiếng gọi của thời-thế, đoạn tuyệt với búi tóc, rồi cứ ngó thẳng lối trước, mạnh bạo tiến lên với bao nghị-lực và can đảm. Chẳng dăm-xỉa đến miệng tiếng không chính đáng, dư luận không công-bằng, họ háng hái làm một tên dân mới. Hễ thấy ai chế họ rằng trọc đầu làm thầy tu, thì họ trả lời bằng bài này của Nguyễn Quyền :

« Phen này cắt tóc đi tu,
Tụng kinh An - thái, ở chùa
Duy-tân
Đêm ngày khấn vái chày
cần,
Cầu cho ích quốc lợi dân mới
là!
Quyết tu cho mở trí dân nhà.
Tu sao cho dựng nước ta phú
cường
Lòng thành thấp một tuần
hương,
Nam-vô Phật-tổ Hồng-bàng
chứng minh,
Trên hành một dạ định ninh
Năng, mưa dầm quần công
trình một hai! »

Phong - trào cắt tóc ở
Trung-kỳ

Còn cuộc « cách-mệnh búi tóc »
ở Trung-kỳ?

Tôi có viết ở thiên khảo-cứu về Cuộc vận-dộng duy-tân khoảng 1907-1908 đăng trên tờ Tân Việt-nam từ septembre 1937, rằng : « ... Sóng « duy tân » xô mạnh! Số người dâng vào toáo quân « búi tóc » ngày một thêm đông. Dưới mắt Nam quan bấy giờ, kẻ nào đã cả gan dám cắt tóc tức là một tên dân « tình nghi » đáng « chú ý ». Vì vậy, khi đầu Quảng-nam đứng xin tha thuế (1908), phần đông là hạng

không có búi tóc, được các nhà cầm quyền tặng cho cái huy-chiệu gồm chữ : « Giặc búi tóc ».

Năm 1944, ông Sở Công cũng có viết về việc ấy, rằng : « Nhất là vào đầu năm 1908, ở Trung-kỳ có cuộc kháng sưu, những người đã cắt tóc đều bị tình nghi bất-bớ. Nhân vậy, các tỉnh từ Nghệ Tĩnh trở vào đến Phú yên, dân-qian đua nhau cắt tóc để cho khỏi có người bị bắt. Kể cái phong trào cắt tóc lúc bấy giờ rất là mãnh-liệt. Dân ở trong làng dẫn nhau ra đình cắt tóc, cắt xong đồn lại thành đồng, đốt lên khói mù trời. Nhất là tỉnh Bình-định, cả đàn-ông lẫn đàn-bà đều cắt trọc tóc; chỉ trong mấy hôm, đã đầy thành một cái phong-tục mới. Về sau nhà đương cục tuy có ra lệnh cấm dân cắt tóc, nhưng dân đã biết sự cắt tóc là tiện lợi, là hợp vệ-sinh, không còn ai muốn để tóc nữa. ... » (Trích bài đăng ở Tập-san Khai-trí dẫn trên).

Giai-thoại về búi tóc của
một chí-sĩ

Ông Từ-long Lê Đại có một bài sự về « tóc » kể cũng vui vui.

Khoảng năm 1907-1908, các nhà duy tân chí-sĩ sôi-sảng cổ-dộng búi tóc, coi cái « góc con người » kia dường như một vật tiêu-bêu cho sự « câu nệ ngoan cố ». Họ cầm kéo đi đến từng nhà trong các bạn đồng-chí; hễ thấy còn cái búi tóc nào thì « hạ thủ » liền. Ông Lê không phản đối sự búi đầu, song cho đó là một việc thuộc bình-thuần không cần phải làm trước vội. Ông thường nói với các bạn đồng-chí : « Vả mình, cốt ở tình-thần trước,

chứ không phải do hình thức mà làm vào. Bao giờ nước Việt-nam thành lập, bấy giờ tôi xin búi đầu ngay ». Song, nóng ruột, các bạn ông không thể rộng hạn cho ông như thế. Họ rình... rình lúc ông ngủ để « thiến » búi tóc! Đối phó lại với họ, ông cố đề-phòng, gửi được cho đến khi cái « củ hành » trên đầu ông « bắt tay » ông nả « vĩnh-biệt ».

Kết luận

Nhận Tết đến, búi tóc, tôi đã tận man lơ-lơ tóc tây, tóc đông, tóc aura, tóc nay, tuần là những tóc « lịch-sử » cả. Do đó, được một nhận xét : cũng là một cái tóc, thế mà lúc thì dễ, lúc thì cạo, chỗ thì trăn-trọng gây nuôi, chỗ thì thờ-thường sửa-cắt, tùy tâm-lý từng thời-đại, tùy tập-tục từng xứ-sở, biến-biến thiên-viên, không lấy gì làm chuẩn-dịch! Thế mới biết chân-lý không phải là môn tuyệt-đối, mãi tóc làm kén cũng l. eo thời-thế và quốc-vận mà hưng, phế, thăng, trầm !

HOA BÀNG

1) Nhà Nguyễn làm quan mục ở Kinh-châu, bị Trương Phi bắt được, Phi quát rằng : « Sao không sớm hàng đi? » Nhân đáp : « Xìt ta chỉ có ông tướng mất đầu, chứ không có ông tướng chín hàng » Phi cho là người có nghĩa-khi, bèn tha ra.

2) Khi Tần Huệ đế đánh Thành-đô, thua ở Đãng-âm, Kê-Tiệu lấy thân che-đỡ cho ngự-liễn, bị tên bắn như mưa, máu chảy ướt đầm cả áo Huệ-đế, rồi Thiệu kiệt sức mà chết.

3) An-Lộc-Son đời Đường làm phản; Trương-Tấn dùng binh đánh giặc, cùng Hua Viễn cùng giữ thành Thử-dương. Thành bị hãm, Tấn mừng giặc không ngờ. Đến Tử Kỳ lấy dao ghè mắt làm Tuấn gầy rằng chỉ còn vật bốn chiếc !

4) An-Lộc-Son làm phản; Thái-liã ở Thường sơn là Nhan Quả-Khánh chống đánh, bị bắt, mừng giặc rằng : « Ta vì quốc-gia mà đánh giặc, giặc không chém được mày ! » Giặc giận, cắt lưỡi Khanh.

MỘT CÂU ĐỐI TẾT

(Tiếp theo trang 11)

mùi phấn hồng, trên dưới trục găm hoàng yến, hai mép giấy viền sa Vân nam, nhuộm và giẻ co-hồ xé cũng không rách. Bồn ống trúc Tương - giang luồn vào bồn dầu trục găm, nhấc lên nhẹ như những ống đăng-tâm mà chạm vào nhau khua lên những tiếng thanh vui như những nhạc kị bằng chất ngọc gô. Thực là một tu-ệt-mĩ phẩm của ai là người biết yêu cái đẹp tinh vi trong văn-sự tài hoa.

Một tâm hồn nghệ sĩ đã sống mạnh trong người chàng. Chàng quyết rằng trong đời chàng, không khi nào chàng được thưởng thức một vật trần ngoại vừa kỳ-dĩm vừa thanh nhã như thế bao giờ.

Chàng sẽ tay vuốt lên mặt giấy. Lềm và dịu chạy mát lạnh trong người chàng. Chàng rung mình. Mùi mực xạ ở chỗ mép con lý ngư bằng đá phan ra đã ngát hơn thêm, nhựa mực đã tràn lên mép ao đặc sánh lại và đen nhanh-nhánh dưới mấy ngón tay người mãi, những hạt ngà vẽ những vòng đều và dịu.

Tự-nhiên, chàng với lấy quần bút gài trong ống sứ giang-tây, từ bút ngâm vào mai-hoa, ngòi mềm tay như lông đuôi thỏ mà viết nên nét gân xương như cành mai già.

Nhưng ngòi lông vào ao mực, chàng phóng bút viết. Viết như không nghĩ. Viết như không đoái lại một cái gì. Như mê-man, như say-sưa, như

hoảng hốt. Chàng đã bị chất giấy và mùi mực quyến rũ, huyền-hoặc chàng. Tâm hồn chàng như mê-lạc trong chiêm bao phong-nhã.

Chàng viết một hơi không ngừng. Đến chỗ lạc-khoản chàng mới giặt mình :

À ! Ra ai nhờ mình viết mà mình viết cho ai đây ?

Ngần ngại một lúc, Chàng tự nhiên đề mấy chữ nhỏ vào chỗ lạc khoản : *Dực-Phổ thư-trang-tiền. Mùa hoa mai mới nở, Xuân - giang chợt thào.*

Cuối mùa xuân năm sau. Anh chàng lái buôn đến cuống đó được nghe người ta kể một câu chuyện giai thoại trong làng văn-tự.

Người ta kể rằng : Có một người yêu Thơ và yêu Đẹp, có một đôi bức giấy câu đối thuộc về loại tuyệt-hảo-phẩm, đôi có một câu đối văn như văn Nguyễn Mai-Son, và đôi có một nét chữ như nét chữ Phùng-Tùng-Thần thì mới sẽ cho viết vào.

Bất đồ, một hôm, có một an, ngông-ngông đại đại từ đầu lạc đến, viết lên một câu đối nôm, văn chẳng ra văn mà chữ chẳng ra chữ.

Bực quá, bực chiều xế hôm 30 tết, khi đốt vàng bạc cùng rước tổ tiên, ông ta đem cái câu đối đó quăng vào đồng lửa cho nó thành tro. Ai có hỏi ông ta câu đối đó viết những gì, thì ông ta nhất định không nói mà mãi đến nay, câu chuyện

đó cũng còn là một mối băn khoăn cho các bạn văn-chương.

Nghe xong câu chuyện, anh chàng lái buôn đứng dậy tỏ dáng điệu vui sướng khác thường, như còi được một mối nặng nề. Chàng cất tiếng ngâm to :

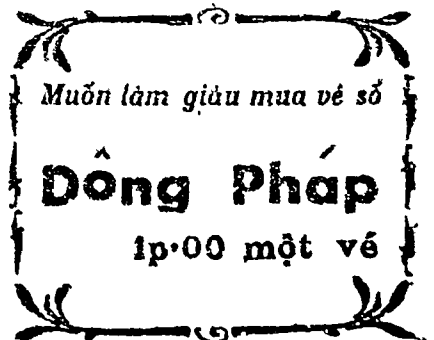
Nhà đã có xuân đầu, trước đó không nư-biết hồ xanh đánh chẳng gió máy nhân-nhã.

Lòng còn nhiều thú lắm, trong đây sẵn mực đen giấy trắng, thiếu gì hoa gấm văn-chương.

Chàng cười to : Thì ra, cái câu đối viết một cách hoang phí bằng giấy tốt, mực tốt và bút tốt đó, viết ra rồi, muốn bỏ nó đi mà không biết làm sao bỏ được. Nay nghe có người đốt nó đi thì thực đáng đời nó mà cũng nhẹ lòng mình. Thử nghĩ cái thú văn-xuân-từ, xuân-sự đậm ở một chốn đường phố khổ khan nào nhiệt không có một cái gò, con, không có một cái lạch nhỏ, thì để làm gì mà không đốt đi, để chỉ cho hại giá một bức cầm tiên.

ĐÔNG-HỒ

(Trích ở tập *Hoài-cảm*)



NĂM ẤY, Ở PHÁP...

(Tiếp theo trang 35)

Tám tháng sau, nhơn dịp đi Y-phe-nô trong lễ Tết, tôi không được đi ông ghé thăm bạn cũ. Xe lửa vừa tới ga, tôi thoát xuống, đáp ô-tô vào làng. Tim tôi hồi-hồn, lòng tôi về-cùng rộn-rịp khi tôi nhìn thấy nóc nhà quen biết, khi tôi đứng trước cửa ngõ, khi tay sờ tới giây dề giết chuông.

Leng-keng! Leng-keng!

Không một tiếng đồng-la!

Tôi giết chuông mạnh thắm.

Leng-keng! Leng-keng! Leng-keng! ..

Năm phút sau, xáo-xạt tiếng giầy thêu-kịch kéo trên sỏi nhỏ. Cảnh cửa cọt-kẹt, từ-từ mở. Ông Martin, lộ ra với dáng mặt râu-rầu.

— Chào ông Martin. Aín ấỵ đều mạnh giỏi chớ? Nhơn dịp đi ngang đây, tôi ghé thăm ông, bà

Chậm-chậm, ông đáp:

— Cả nhà đều mạnh. Mời anh vào!

— Sao coi ông buồn vậy?

Không nói, không rằng, ông Martin dắt tôi đi, kéo ghế mời tôi ngồi, rồi rót ra cho mỗi người một ly lớn rượu chát trắng của ông mới đặt năm rồi. Thấy tôi ngó giảo-giảo như kiểm vật chi, ông bổi ý nên nói liền:

— Hai mẹ con nó đã về bên ngoại chơi rồi. Tôi thừa dịp hộ đi khỏi đây...

— Đứng làm gì?

● — Đứng... Đứng... Hừ! .. Giết con chó Di-k!

Như Loãng-kốt, tôi nắm chặt lấy tay ông:

— Sao mà giết nó?

— Dick mới sanh được hai con, nay đã được sáu tháng.

— Rồi sao?

— Từ bốn tháng nay nó có ghê, một thứ ghê mà loại chó này hay có khi nó cắn giã và thuốc men chỉ cũng không chữa nổi. Nếu không giết nó, ghê sẽ lây sang mấy con kia rồi chúng sẽ chết hết. Rồi anh kêu cửa chính là tôi tôi đứng nấp bị vào súng. Vừa nói ông Martin vừa lấy tay chạm nước mắt và thở dài.

Và-và, tôi nghe tiếng như sủa như rên. Dòm về phía ấy, tôi thấy Dick đang cào gãi, lăn đẫy dưới gốc cây. Phải chăng nó lên tiếng là bởi nó nghe tiếng tôi hay nó đoán biết có tôi ở đó? Lòng tôi háy giờ tràn ngập một mối đau thương khổ tử. Tôi ngồi lì một chỗ hứt-rút dường như muốn khóc, vừa muốn lại gần vuốt-ve nó, vừa sợ nếu gặp nó thì đề nó chết không đành.

Như muốn thấu nhận sự buồn-tã không tránh được ấỵ, ông Martin khẳng-khải bước vào trong, ra dấu hiệu tôi theo rồi kê lòng súng trên khung cửa sổ... nhắm mắt... bốp cò.

Đừng! Đừng! ..

Quảng! Quảng! ..

Không biết lúc ấy tôi làm gì, chỉ khi tỉnh dậy, tôi thấy ông Martin ngồi gục mặt xuống đất cựa tôi thì té ngã vào vách, hai đầu ngón tay trở còn bít hai lỗ tai, cốt đứng cho thấu vào thính-giác của tôi — nhưng, ôi! thế nào đáng! — tiếng « đừng » và tiếng « quảng » mà hinh như tôi còn nghe văng vẳng tiếng dội vòng quanh trên đồi cây tròn sườn núi h... .

LÊ VĂN-NGON
(Tây-dó)

BẮT GẬP MÙA XUÂN

(Tiếp theo trang 27)

Ra về, lòng tôi thấy nọ nhàng và khosn khếch. Đường về ấỵ xá rộn nhừng cát bụi tựa xe hàng lưàng nhò đến cầu tơ hồng bội thiên thai:

Nhân gian rồ lộ nguyệt mong
mong

Như tại chảng Lưu Nguyễn, đầu de có tại lần bắt gặp mùa xuân rĩa. Lòng tôi sợ gió bụi phồn hoa sẽ làm tại một tơ xuân mỏng mảnh đang vương vương đầu dĩa...

Chị Bân ạ!

Kể ra thì cái dèo dặt miền rằm này cũng không đến nỗi là khô khan như người ta nghĩ ấỵ đâu. Ông Tào-hóa cũng không đến nỗi là vô tình với con nước này đâu!

Nhưng mà tại thợ Tào kia rất là tình anh và tế nhị, thường đem ấỵ mùa mà gọi nội chổ nào, tiền mặt nước, bèn sườn ion, trên ngọn cây lá cỏ. Nít ớng rết thu ấỵ, xuân tình, một cơn gió lạ mùa đông vẫn thường ấỵ rêu trong một ý, một hơi, một lần, một mảnh của bốn mùa, nhưng mà nó rất là mong manh chổng vánh, ta phải đề cho lòng điệu hòa cảm thông cùng Tào-vật, ta phải tình anh tế n'! như Tào-vật, mới nhìn được một làn mây lạch, mới ngấm được một tơ nắng mới, và mới nghe được tiếng gió giao mùa lao xao trên cành lá.

Chị Bân ạ! Ngày năm trước, tôi đã bắt gặp mùa xuân trên cành loa đỏ, xuân rằm vậy tôi tin chắc rằng tôi sẽ bắt gặp, không là mùa xuân nhưng là nội ý xuân. Một ý xuân mong manh mà tôi đẹp lắm nó đang lẩn quất ở đâu đây, ở trên tờ thư này, trong lòng chị, ở trong lòng tôi, ở trong lòng chúng ta, có lẽ.

TIẾP theo-mười

TỦ SÁCH « VĂN NGHỆ MỚI »Mỗi có bán**NGÀ BA***truyện dài của Lê môn Cận*

giá 5\$50

Tả tâm trạng một thanh niên ngoài hai mươi tuổi băn khoăn trước tình thế hiện tại cố gắng đi tìm lý tưởng chính đáng cho đời sống.

Đã xuất bản

Trong tủ sách « NGÀY MỚI »
Văn Học và triết luận

*của bà Môn Sơn (hết)***Văn Chương và Xã Hội***nghị luận của nhà Lương đưc Thiệp — giá 2\$50***Không giáo với ông Đào duy Anh***của Nguyễn yên Diễm — giá 4\$00***Viết và Sống***của Ngô xuân Hạp — giá 4\$00***ĐẠI HỌC THƯ XÃ**

181 Henri d'Orléans Hanoi

I. — Đã phát hành khắp Trung Nam kỳ :**QUANG TRUNG tập II**

giá : 9\$00

THƠ NGỤ NGÔN LAFONTAINE

giá : 2\$20

(vì sự vận tải khó khăn và đắt
chúng tôi bỏ buộc phải tăng giá
sách, xin các bạn hiểu cho)

II. — Hiện có bán :**HỘI THÈ ĐỐN SƠN**

Trong những ngày xuân mới, các bạn muốn biết cuộc mưu sát Hồ-quí-Lý xưa kia thế nào, xin đọc cuốn tiểu thuyết lịch sử đầu tiên này của Tiên-Đàm Nguyễn-tường-Phượng viết rất vui và lý thú.

III. — Sắp phát hành :**CÔNG THẦN TRIỀU NGUYỄN**

Văn bản võ tướng và công thần người Pháp do Nguyễn-Triệu khảo cứu rất công phu

NHÀ XUẤT BẢN**TRINH NHƯ LUY**

Chanceaulme Hanoi

Mỗi có bán**TIỀN BẠC***(Khảo cứu về vấn đề tiền tệ)**của Phan-văn-Hàn*

Quyển sách mở mở đầu cho « Tủ sách xã hội » Tân-Việt

Giá 7\$50

Cùng một loạt đã có bán :**LAM SƠN THỰC LỤC***của Nguyễn-Trãi — Lê-thái-Tổ đề**lựa. Bản dịch của Mac-bô-Thần — giá 6,70***THỜI THỰC KỶ VĂN***của Teynag-quốc-quang — Bản dịch**của Nguyễn-đông-Chi và Nguyễn-Lợi — giá 7,50***NHỮNG KẺ LANG THANG***(Les vagabonds) của Max me Gorki**— Bản dịch của Hạp-Duy — giá 6,00***TRIẾT HỌC NHẬP MÔN***của Nguyễn-anh-Nghĩa — giá 5,80***TÂN-VIỆT — 27 Lambot — HANOI**Đang in sắp xong**ĐÀO DUY TỬ***(Một bậc đệ nhất công thần đời Nguyễn Sơ)***Sự nghiệp và văn-chương**

Sách khảo-cứu rất công phu của
Khái Sinh Dương Tự Quán biên tập

23

Dày 200 trang — Giá bán :
hạng giấy hảo hạng dày 20\$

hạng giấy thường 10\$

hạng giấy bản tốt 5\$

Ai gửi mua có kèm mandat trước
thì khỏi phải chịu cước phí

tiền cước lời thơ đảm bảo là 0\$75

để cho hiệu sách Đông Tây,

105, phố hàng Bông — HANOI